

BÁC CỦA CHÚNG TA

BÍCH THUẬN



NHÀ XUẤT BẢN KIM ĐỒNG



NHÀ VĂN BÍCH THUẬN

- Tên thật: Nguyễn Thị Bích Thuận
- Sinh năm: 1929
- Quê quán: Hà Nội
- Cán bộ Tiền khởi nghĩa
- Trưởng trạm Cứu thương Liên khu Một trong Đoàn quân Quyết tử (năm 1946)
- Phóng viên báo Phụ nữ Việt Nam (năm 1949)
- Hội viên Hội Nhà văn Việt Nam (năm 1957)
- Phó Giám đốc Nhà Xuất bản Phụ nữ (năm 1974)
- Huân chương Lao động hạng Nhì



THƯ VIỆN EBOOK KIM ĐỒNG

BÁC CỦA CHÚNG TA

BÍCH THUẬN

NHÀ XUẤT BẢN KIM ĐỒNG

Biên mục trên xuất bản phẩm của Thư viện Quốc gia Việt Nam

Bích Thuận

Bác của chúng ta / Bích Thuận. - H. : Kim Đồng, 2015. - 176tr. : ảnh ; 19cm

ISBN 9786042015950

1. Hồ Chí Minh, Lãnh tụ Cách mạng, chính trị gia, 1890-1969, Việt Nam 2. Hoạt động cách mạng
959.704092 - dc23

KDF0288p-CIP

Bác của chúng ta © Nguyễn Thị Bích Thuận

Xuất bản theo Hợp đồng sử dụng tác phẩm

Giữa Tác giả và Nhà xuất bản Kim Đồng, 2015

Bản quyền ảnh bìa, minh họa thuộc về Nhà xuất bản Kim Đồng, 2015

Ảnh: **Tư liệu TTX Việt Nam**

Vẽ bìa: **Nguyễn Quang Toàn**

Trình bày bìa: **Vũ Xuân Hoàn**



Ảnh nhà văn Bích Thuận và các đồng nghiệp chụp cùng Bác Hồ
tại cơ quan Phụ nữ Trung ương ở Định Hóa, Thái Nguyên, năm 1950

CHƯƠNG 1

Được gặp Bác Hồ trên chiến khu Việt Bắc

“Hồ Chí Minh! Cha chúng ta về một ngày thu muôn ánh sao bay rợp thành đô.

Hồ Chí Minh! Cha chúng ta về một ngày thu muôn màu còn thắm đón gió thu bay ngang trời tự do...”

Tiếng hát vang lên, vang mãi trong bầu không khí trong trẻo của cánh rừng già xanh mát cuối xuân đầu hạ. Tất cả các chị cán bộ lớn tuổi nhất, nghiêm nghị nhất, các chị cán bộ vùng địch mà hôm qua tôi còn thấy trên nét mặt đánh lại vẻ khô khan, hôm nay những nét ấy đã biến đâu mất.

Chị Hoàng Thị Ái, vợ đồng chí Nguyễn Phong Sắc. Anh Sắc là Ủy viên Trung ương Đảng đã bị địch giết hại năm 1931. Nén đau thương chị vừa nuôi con vừa tiếp tục

hoạt động. Giặc bắt được chị Ái, biết chị là thủ quỹ của Đảng, chúng dùng đủ cực hình tra tấn chị, nhưng không lấy được ở chị nửa lời khai.

Được chỉ định thay chị Hoàng Ngân làm Bí thư Đảng đoàn, Bí thư Phụ nữ cứu quốc Trung ương tại Đại hội, chị vừa mừng vì sắp được gặp Bác, lại lo vì công việc Đại hội chưa chu đáo. Chị ghi trong hồi kí:

“Năm 1928, tôi tham gia Thanh niên cách mạng đồng chí Hội. Năm 1930, tôi dự lễ tuyên bố thành lập Đảng Cộng sản Đông Dương tại một gian nhà nhỏ phía sau đường lên ga Vinh. Tôi có nghe nói đến việc thống nhất được ba nhóm cộng sản nhưng chỉ biết có sự chủ trì của “đồng chí xuất dương” chứ chưa biết rõ tên họ đồng chí đó. Ngày 1-5-1930, chúng tôi được nghe lời kêu gọi của đồng chí Nguyễn Ái Quốc nhân dịp thành lập Đảng Cộng sản Đông Dương. Từ đó, cái tên Nguyễn Ái Quốc là nguồn động viên tôi phấn đấu vượt qua mọi khó khăn, gian khổ trước sự tra tấn dã man của mật thám Pháp và trong những nhà tù của bọn đế quốc, phong kiến. Cái tên Nguyễn Ái Quốc đem đến cho tôi lòng tin tưởng chắc chắn vào thắng lợi cuối cùng. Cách mạng tháng Tám thành công, tôi nóng lòng mong mỏi được thấy Bác. Tôi định làm theo kế hoạch của chị Lê Thị Quế, mua ít cam ra tận Hà Nội, xin vào thăm Bác. Tôi lại định chờ gạo chống đói ra Bắc nộp, may ra được gặp Bác chẳng? Ai cũng cười, tôi chẳng dám đi. Cho đến ngày

Đại hội phụ nữ toàn quốc lần thứ nhất (tháng 3-1950), sau hai mươi năm mong mỏi, tôi mới được thực hiện điều ấy. Đại biểu chẳng ai bảo ai, nhưng ai cũng chuẩn bị thật sẵn sàng về mọi mặt. Nhất là nếu được Bác hỏi đến thì phải thưa với Bác thật đầy đủ về phong trào phụ nữ địa phương mình.

Riêng tôi, vừa được chỉ định thay chị Hoàng Ngân làm Bí thư Đảng đoàn phụ nữ Trung ương từ cuối năm 1949, tôi rất lo. Tôi lo công việc đại hội chưa chu đáo, tôi cũng mừng vì sắp được gặp Bác. Tôi cố đoán xem Bác sẽ đến khi nào, Bác đi một mình hay đi cùng với những đồng chí nào. Tôi chú ý các lối vào đại hội để khi Bác đến có thể thấy ngay. Tôi hồi hộp quá, không thể ngồi yên, cứ muốn sửa cái này một tí, xếp lại cái kia cho dễ coi hơn, bàn với đồng chí này một chút, nói với đồng chí khác một điểm.

Một buổi trưa nắng ấm, các đại biểu reo: “Bác đến! Bác đến!” Mọi người vừa reo vừa chạy ra sân hội trường đón Bác, không còn ai giữ nổi “trật tự” nữa. Và tôi là người đến chậm nhất. Tôi chỉ kịp nhận ra rằng Bác đi ngựa tới; cùng đi với Bác có năm, sáu đồng chí nữa. Bác mặc áo ka ki, khoác bên ngoài là áo choàng ngắn. Bác đi từ phía cuối vào. Mọi người cứ chờ Bác, thế mà khi Bác tới thì lại sững sốt, ngơ ngác. Bác bình dị quá. So với ảnh Bác chụp khi nhân dân ta mới giành được chính quyền, Bác có gầy đi chút ít. Nhưng Bác vẫn rất vui và nhanh nhẹn.

Bác xuống ngựa. Mọi người quây quanh Bác. Chị Điều Thị Hảo, ăn mặc kiểu dân tộc gọn gàng, có gương mặt tươi hồng của những cô gái vừa lớn lên, đứng cạnh Bác. Bác hỏi:

- Cô ở Việt Bắc hay Tây Bắc?

- Thưa Bác, cháu là người dân tộc Thái ở Khu Tây Bắc ạ.

Bác gật đầu rồi quay sang hỏi cô Võ Thị Nga:

- Cô là đại biểu khu nào?

- Dạ thưa Bác, cháu ở Khu IV ạ!

Nghe giọng nói quê hương, Bác hỏi tiếp:

- Nghề An hỉ?

Cô Nga thấy Bác nói trùng tiếng quê mình, mừng quá, đáp ngay:

- Dạ, phải.

Thấy cụ Triệu đứng mãi ngoài xa, không chen được với các đại biểu trẻ để đứng gần, Bác hỏi với ra:

- Cụ là đại biểu khu nào?

Giọng run run, cụ Triệu đáp:

- Thưa, Khu X.

Bác hỏi tên tỉnh, cụ Triệu nói rõ:

- Thưa, Phú Thọ.

Lúc ấy còn có chị Hồ Thị Minh đi dự Hội nghị Phụ nữ châu Á về cùng dự đại hội với chị Hồng, chị Phương là đại biểu phụ nữ Nam Bộ mới vượt Trường Sơn ra Bắc. Bác cười rất hiền. Bác rất vui, chòm râu rung rung. Bác thương các cháu gái miền Nam xa xôi, người thì vượt núi trèo đèo, người thì vòng quanh quả đất cũng đến về được Việt Bắc."

Cuộc nói chuyện giữa Bác với Đại hội Phụ nữ hôm ấy rất vui và sôi nổi, như giữa người cha với các con trong một gia đình.

Bác nói: "Ai muốn hỏi gì Bác cứ hỏi, Bác sẽ trả lời! Và viết câu hỏi ra giấy đưa lên Bác."

Lúc ấy, chị Mỹ Hào - Thư kí Đại hội thu tất cả các câu hỏi của đại biểu đưa lên Bác. Đại biểu hỏi Bác rất nhiều chuyện, nhưng chị Lưu Thị Liên nhớ mãi câu hỏi của chị Diệu - Đại biểu Phụ nữ tỉnh Hưng Yên: "Thưa Bác, sao mãi Bác không có "Bác gái" cho chúng cháu? Nếu chúng cháu được phép tìm "Bác gái" cho Bác thì phải tiêu chuẩn như thế nào ạ?"

Câu hỏi được đọc lên cho cả hội trường nghe. Các chị đại biểu không khỏi bồi hồi đợi nghe Bác trả lời. Đọc xong câu hỏi, Bác vui vẻ đáp:

- Bác cũng như tất cả mọi người thôi, ai cũng muốn tốt và đẹp.

Cả hội trường rộn lên, vì ai cũng vui về câu trả lời của Bác, thật bình dị, tình cảm và sâu sắc.

Bác hỏi các đồng chí trong Đảng đoàn về tình hình công tác phụ nữ, về việc chuẩn bị đại hội và cả về tình hình sức khỏe, gia đình từng người. Một số chị em không khỏe lắm, Bác rất thương. Bác hỏi chị em nỗi lo lắng về công việc và cả hoàn cảnh riêng của mình. Số chị trong Đảng đoàn lúc ấy cũng ít. Bác dạy: “Các cô cứ cố gắng, chú ý giữ gìn sức khỏe, còn công tác thì có Đảng giúp.”

Nhiều chị lại xin hỏi Bác về những điều các chị chưa hiểu về gia đình và công tác. Hội trường lại nhiều lần vang lên tiếng cười giòn giã, hồn nhiên. Câu trả lời của Bác thường giản dị và đôi lúc dí dỏm.

Rồi chúng tôi được chụp ảnh chung với Bác. Cũng chưa bao giờ chị em lại háo hức đòi chụp ảnh đến thế.

Những đốm nắng trong cánh rừng nhạt dần, Bác sắp ra về. Lòng dạ chúng tôi nao lên. Bao giờ mới lại được gặp Bác lần thứ hai nữa? Kia, Bác đang sửa soạn ra về, rõ ràng, dứt khoát như khi Bác đến. Hội trường sâu lắng một giây. Tất cả đang hướng lên về phía Bác. Giọng Bác ồm ồm:

- Bác chúc các cô mạnh khỏe. Về địa phương, những chị em nào có thành tích, các cô nhớ gửi báo cáo lên cho Bác.

Những lời dặn của Bác vang vọng mãi trong tôi. Tôi

suy nghĩ mãi. “Chị em nào có thành tích, các cô nhớ gửi báo cáo lên cho Bác.” Tôi nghĩ về chị du kích đội Trung Trắc, về bà mẹ chiến sĩ Nam phần Bắc Ninh tôi được gặp trong những ngày theo bộ đội vào vùng sau lưng địch.

“Vâng, thưa Bác, cháu sẽ cố gắng.”

Những buổi tối mùa hạ, dưới ánh đèn nhựa trám, tôi cố gắng viết về những trận đánh giặc bằng đòn gánh, bằng mưu trí của những cô gái từng trồng dâu nuôi tằm ở một làng ven sông Đuống. Tôi viết về lòng yêu nước, thương bộ đội của những bà mẹ từng chỉ quen nghề quay tơ, dệt cửi...

Mùng sinh nhật Bác sáu mươi tuổi, tôi gửi thư lên chúc thọ Bác và mạnh dạn gửi lên Bác những trang viết đầu tiên đó.

Cũng vào dịp ấy, cô Lưu Thị Liên viết trong hồi kí:

“Hôm ấy, độ ba giờ chiều, các chị lãnh đạo và cán bộ cùng nhân viên cơ quan Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam vào phòng khách Trung ương dự lễ. Ở nhà chỉ còn có chị Thanh Hương (vợ nhà văn Vũ Tú Nam), chị Vinh và tôi... Tôi khoác túi công văn, tay cầm gậy về trạm giao thông Thống Nhất Trung ương, vừa đến đầu dốc đồi Hoàng Ngân thì bất ngờ tôi thấy Bác Hồ và đồng chí bảo vệ tay dắt ngựa đang leo lên dốc đồi cơ quan tôi. Tôi mừng quá nhưng phải giữ nguyên tắc bí mật “Ba không”, nên không dám reo to. Tôi chạy vội xuống dốc



*Chủ tịch Hồ Chí Minh trên đường đi công tác,
Tuyên Quang (1951)*

đôi đón Bác. Bác leo dốc hơi mệt, trán Bác lấm tấm mồ hôi. Bác đứng nghỉ chân cạnh gốc cây đa cổ thụ giữa sân, tôi vội chạy đi các phòng gọi: “Các chị ơi, Bác đến thăm cơ quan, Bác đến...” Lúc đó ở nhà chỉ còn có ba chị em.

Các chị mừng quá chạy vội ra sân đón Bác, và mời Bác lên phòng khách nghỉ, uống nước.

Bác hỏi chị Thanh Hương:

- Cơ quan các cô đi công tác cả rồi à?

Chị Thanh Hương đáp:

- Thưa Bác, các đồng chí lãnh đạo và chị em cơ quan cháu vào nhà khách Trung ương dự lễ chưa về ạ.

Bác hiền từ nhìn ba chị em chúng tôi, Bác nói:

- Bác đi dự Hội nghị gần đây, nhân tiện đường về, Bác ghé thăm các cô.

Cơ quan không có trà, tôi pha một ấm nước sôi nóng, mang lên để các chị cán bộ mời Bác uống. Uống nước xong, Bác khen:

- Nước sôi nóng uống ngon.

Tôi chạy ra sân mời đồng chí bảo vệ Bác (đồng chí Kháng), lúc đó đang buộc ngựa vào gốc cây cọ ở sân, vào nghỉ uống nước.

Lúc này, ánh nắng rừng chiều Việt Bắc đang nhạt dần, chị Thanh Hương thưa với Bác:

- Thưa Bác, đã chiều và gần tối rồi, trời lại lấm tấm mưa, chúng cháu nấu cơm mời Bác và đồng chí bảo vệ ở lại ăn cơm ạ.

Bác ngẫm nghĩ một lát và trao đổi gì đó với anh Kháng, rồi Bác nhận lời. Các chị cán bộ phân công tôi xuống bếp lấy gạo, thực phẩm nấu cơm mời Bác. Xuống

đến bếp, tôi mới nhớ ra chị quản lí kho thực phẩm đi dự lễ chưa về, cửa kho thì khóa. “Làm thế nào để có gạo và thực phẩm bây giờ?” - Tôi tự hỏi! Được sự đồng ý của các chị cán bộ, tôi bắc ghế trèo qua liếp kho, lấy ra được gạo, cùng hai hộp măng tây (là chiến lợi phẩm do tiểu đoàn em nuôi Bình Ca của Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam tặng Hội).

Chỉ một lát sau, mâm cơm được dọn ra mời Bác và anh Kháng. Hai chị cán bộ ăn cơm cùng Bác. Riêng tôi, tôi không dám ngồi ăn cơm cùng Bác vì nghĩ mình chỉ là giao liên - nhân viên cơ quan.

Không thấy tôi vào ăn cơm, Bác nói với chị Thanh Hương: “Gọi cô bé đến ăn cơm cùng Bác cho vui.”

Tôi thực sự xúc động trước phong cách giản dị và quần chúng của Bác. Được ngồi ăn cơm cùng mâm với Bác, tôi cứ bồi hồi, xúc động mãi.

Bữa cơm hôm đó tôi thấy Bác rất vui. Cả năm Bác cháu dọn cơm ngay dưới chân cây đa cổ thụ giữa sân đồi Hoàng Ngân (cơ quan hồi đó chỉ có bàn ghép bằng vầu, không có ghế, mọi người thường ăn cơm đứng. Hôm đó, tôi chạy sang hàng xóm mượn được chiếc mâm tre có bốn chân và mấy cái ghế con).

Mâm cơm thật đạm bạc: có bát canh măng tây, bát muối rang với mỡ và ớt, mấy quả trứng gà luộc. Rồi Bác hỏi: “Măng tây các cô nấu thế nào?”

Tôi vội thưa với Bác: “Thưa Bác, măng tây cháu bẻ

đôi, đun nước sôi, rồi đổ mặng vào, cho thêm tí mỡ và tí muối ạ.”

Bác cười hiền từ, lát sau Bác nói: “Đây là mặng tây đóng hộp của Pháp, khi nấu cháu phải bẻ ra từng khúc, nấu với thịt nạc. Nhưng ta đang kháng chiến đánh Pháp, chưa có điều kiện, còn thiếu thốn, không có thịt nạc để nấu. Các cô là phụ nữ phải chịu khó học văn hóa, chính trị, học nữ công, phải biết nấu ăn ngon. Các cô là phụ nữ phải biết nấu ăn.”

Sẩm tối hôm đó, các đồng chí lãnh đạo và chị em cơ quan đi dự lễ về, trời bỗng dưng đổ mưa như trút nước. Cơ quan và các đồng chí Đảng đoàn mời Bác và anh Kháng nghỉ lại phòng khách.

Sáng hôm sau, tôi bê thau nước lên mời Bác rửa mặt, Bác hỏi tôi: “Cháu làm công tác gì?”

Tôi trả lời: “Thưa Bác, cháu làm liên lạc và phục vụ chị Ái⁽¹⁾ ạ.”

Bác lại hỏi: “Cháu học lớp mấy rồi?”

Tôi trả lời: “Thưa Bác, cháu biết đọc, biết viết rồi ạ.”

Bác nói tiếp: “Làm công tác liên lạc rất quan trọng, phải tuyệt đối giữ bí mật. Giữ bí mật như thế nào?” - Bác hỏi tôi.

Tôi trả lời: “Thưa Bác, giữ bí mật là “ba không” ạ.”

(1) Hoàng Thị Ái: xem phần đầu chương đã giới thiệu.

Bác lại hỏi: “*Ba không*” là không gì?”

Tôi trả lời: “Thưa Bác, “*ba không*” là: không biết, không nói (không nói chuyện với người lạ), không hỏi ạ.”

Bác cười, nói: “Thế là tốt.”

Sáng hôm ấy Bác nói chuyện với chị em cơ quan.
Bác nói:

- Phụ nữ ta có ưu điểm là chịu thương chịu khó. Nhưng chị em cũng có nhược điểm là hay suy tị, ưa lấy chồng có địa vị cao. *Phi cao cấp bất thành phu phụ*, rồi mất đoàn kết. Đàn ông ở với nhau cả tiểu đội, cả đại đội, cả tiểu đoàn, cả một trại lính mà chả có vấn đề gì. Vậy các cô chỉ có ba người sống với nhau là có thể xảy ra chuyện mất đoàn kết. Các cô nên hết sức chú ý, quyết tâm sửa chữa mặt yếu này, Bác nói vậy có đúng không? Có sửa được không?

Tất cả đáp lại:

- Thưa Bác có ạ.

* * *

Những trang viết đầu tay của tôi ngày tôi gửi lên Bác, tôi có ngờ đâu Bác cũng đọc những mẫu chuyện nhỏ ấy.

Một buổi sáng tháng Sáu, tôi vừa đi công tác về, các chị em trong cơ quan vui mừng báo tin cho tôi biết:

- Cô có thư Bác gửi, sướng nhé.

Thư Bác có mấy dòng:

Gửi Bích Thuận,

Cháu đã chép và viết vài mẩu chuyện, mấy trang chắc cháu không biết, vì không viết con số vào mỗi trang.

Đó là một khuyết điểm, sơ suất. Trong các phụ nữ, chỉ có cháu và cô Minh⁽¹⁾ viết, cháu viết nhiều hơn. Tất cả là hai mươi sáu trang.

Vậy Bác gửi thưởng cháu một cái huy chương và khuyên cháu cố gắng để tiến bộ mãi.

Hôn cháu

Bác

10/6/1950

Thư của Bác kèm theo một tấm huy hiệu có hình Bác mà sau này, đêm đêm ở rừng sâu Việt Bắc, tôi vẫn thường đặt tấm huy hiệu đó vào lòng bàn tay và dùng đèn dầu soi vào để thấy hình Bác rõ hơn, để mình tự nhủ phải làm việc tốt hơn, như lời Bác dặn trong thư: “... *khuyên cháu cố gắng để tiến bộ mãi*”.

Nhìn tấm hình Bác, tôi lại nhớ một ngày đầu năm 1946, khi cả Hà Nội tung bừng cờ và hoa, nô nức chuẩn bị cho cuộc Tổng tuyển cử đầu tiên của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa. Chúng tôi là một nhóm nam nữ

(1) Hồ Thị Minh: đại biểu phụ nữ miền Nam dự Đại hội Phụ nữ Á châu.

thanh niên được phân công đi tuyên truyền vận động cho cuộc bầu cử. Tôi nhớ Hà Nội được bầu tất cả sáu đại biểu quốc hội, chúng tôi học thuộc lòng tên sáu đại biểu ấy và nhớ nhất là cụ Hồ Chí Minh, ông Trần Duy Hưng và bà Nguyễn Thị Thục Viên.

Anh chị em ngồi trên chiếc xe ô tô đi tuyên truyền vận động cho cuộc bầu cử. Chúng tôi vừa nhắc đến tên Bác thì xe cũng vừa đến dinh Bắc Bộ phủ. Tôi thấy cánh cửa trong phòng Bác hé mở, khuôn mặt hiền từ của Bác hiện ra, Bác nhìn chúng tôi vẫy tay, cười và chúng tôi mừng quá, reo to:

“Bác Hồ muôn năm. Hồ Chủ Tịch muôn năm.”

Rồi cất tiếng hát vang:

Dân Nam ơi biết ơn Cụ Hồ đời đời

Bao nhiêu năm sống trong nguy nan điêu linh

Dân Nam ơi biết ơn Cụ Hồ đời đời

Một lòng vì dân Người đấu tranh không ngừng⁽¹⁾.

Những ngày ấy tôi không thể nào quên được.

Mùa hè năm 1951, tôi đi theo một đơn vị quân y phục vụ chiến dịch Hà Nam Ninh. Tôi đi với các đoàn dân công tới các đội điều trị, và viết về các chị dân công làm nhiệm vụ tiếp tế, tải thương. Từ cuộc cách mạng đã sinh biết bao người phụ nữ mới. Những người phụ nữ trung thành và tận tụy. Tôi viết về họ, và một lần nữa, tôi

(1) Lời bài hát “Biết ơn cụ Hồ Chí Minh”, sáng tác: Lưu Bách Thụy.

gửi lên Bác những mẫu chuyện tôi viết trong chiến dịch.

Một buổi tối mùa đông, một món quà bất ngờ nữa đến với tôi. Buổi tối đó, chị Đinh Thị Cẩn - Ủy viên Đảng đoàn Phụ nữ Trung ương bỗng đến phòng chúng tôi. Chị nói nhỏ với tôi: “Bác cho gọi Thuận bảo ngày mai đến Bác đấy”. Ôi! Sung sướng quá. Tôi nắm tay chị hỏi:

- Những lần trước, chị đến Bác thế nào hả chị?

Chị Cẩn nói:

- Bác quan tâm lắm.

Rồi tôi không hỏi thêm được gì nữa, nhưng đêm ấy tôi thao thức không ngủ được. Sáng hôm sau, đồng chí Kháng đến. Bác cẩn thận dặn đồng chí Kháng trong đơn vị bảo vệ Bác nhắc tôi ăn sáng và nắm thêm một nắm cơm ăn dọc đường. Nhưng vì quá mừng, tôi chỉ ăn qua quýt rồi vội theo anh đi ngay. Tôi nhớ hôm đó là một ngày Chủ nhật.

Bầu trời xanh của núi rừng Việt Bắc mở rộng trước mắt tôi. Ánh sáng mùa đông hôm ấy sao ấm thế, cánh rừng sao đẹp thế, dòng suối sao trong thế. Chân tôi đi, đi mãi mà không mỏi. Hết cánh rừng này đến cánh rừng khác, hết dốc cao này đến một dốc cao khác. Chúng tôi đi một mạch không nghỉ, và đến chiều thì tới nơi Bác ở.

Tim tôi đập mạnh khi tôi bắt đầu được đặt chân lên con đường hăng ngày in dấu chân Bác, con suối lớn trước cửa nơi nhà Bác ở. Và nhà Bác đây rồi. Thoạt tiên

là một gian nhà bếp sáng sủa, sạch sẽ. Lên một khúc nữa là gian nhà nơi Bác ăn cơm, và cũng là phòng nghỉ của đơn vị bảo vệ. Cạnh đó là nhà khách.

Tôi nôn nóng được tới chào Bác. Bác đang làm việc. Mười ngón tay của Bác gõ giòn giã trên bàn máy chữ. Một mảng nắng chiều mùa đông hắt lên vầng trán cao rộng của Bác, lên bộ áo quần nâu giản dị Bác đang mặc.

Tôi chạy vội lại bàn làm việc của Bác, tôi chào Bác mà hai mi mắt nóng ran cả lên. Bác cười, Bác hỏi tôi đi đường có nhớ mang cơm nắm đi ăn không, đi đường xa có mệt không. Tôi đáp: “Thưa Bác, được đến thăm Bác, cháu mừng quá nên không mệt, không đói ạ.” Tôi nhìn ngắm mãi ngôi nhà Bác ở, một nếp nhà thực giản dị. Giường Bác nằm nghỉ, cái bàn bên cửa sổ nơi Bác làm việc, mọi vật đều trật tự ngăn nắp. Tôi nhìn và tôi thấy hầu như không có gì xa cách giữa ngôi nhà của một vị Chủ tịch nước và nhà của các cơ quan.

Bác hỏi tôi chuyện gia đình, chuyện công tác. Bác hỏi thăm một vài chị trong cơ quan tôi, đời sống của chúng tôi. Tôi thưa với Bác về những ngày tháng chúng tôi đi chiến dịch, chuyện của bà mẹ, chuyện các chị em phục vụ chiến trường, chuyện về các chiến sĩ bị thương. Bác nghe và đột nhiên Bác bảo: “Cô viết còn *nhật* lắm”. Bác gọi các anh ở văn phòng lên, bảo các anh xếp chỗ nghỉ cho tôi.

Hôm sau, Bác giao cho tôi một việc: Đọc những số

báo Bác đưa cho như: Báo *Nhân đạo*, báo *Vì một nền hòa bình lâu dài* và dặn tôi lấy ở trong đó những mẩu chuyện, những tin tức mình đang cần, ví dụ mẩu chuyện phản đối chiến tranh xâm lược ở Việt Nam, tố cáo chế độ tư bản đế quốc. Bác lại hỏi tôi về những bài viết của C.B đăng trong báo *Nhân dân*. Tôi thưa với Bác về cách viết của C.B. Bác gật đầu. Bác bảo: “Bây giờ cô cũng viết như thế cho Bác xem”. Buổi sáng, ở văn phòng Bác, tôi đọc báo đến khoảng mười giờ. Đến chiều và tối, tôi cũng đọc báo, đọc những mẩu chuyện đánh máy bằng tiếng Pháp mà Bác đưa cho. Toàn là chuyện đánh Pháp cả. Tôi nhớ nhất là chuyện *Chị Ba vườn Chuối*: Chị Ba đã chặt hết cây chuối trong vườn nhà để giúp bộ đội vượt sông. Giặc Pháp đến, tra hỏi chị, chị một mực không khai và chị đã hi sinh anh dũng ngay trong vườn chuối nhà chị.

Làm việc từ sáng đến khoảng mười giờ, Bác gọi:

- Cô bé đi ăn cơm.

Tôi theo Bác đến phòng ăn.

Mâm cơm dọn ra chỉ có hai Bác cháu. Trong mâm thường có một đĩa cà, một đĩa cá, một đĩa rau, một bát canh.

Tôi ăn cá ngon lành. Tôi thật thà thưa với Bác:

- Cháu đến đây ăn hết cá của Bác.

Bác cười bảo:

- Cháu cứ ăn đi. Ăn cho khỏe.

Lịch làm việc của Bác cứ đều đặn: Năm giờ ba mươi phút, Bác dậy. Sáu giờ, Bác ăn sáng. Sau đó Bác làm việc: Bác đọc báo, đọc các công văn tài liệu. Một vài anh trong đội bảo vệ Trung ương đến thưa với Bác về công việc. Bác sĩ Nguyễn Chánh đến thăm sức khỏe Bác. Khoảng một giờ chiều, Bác bắt đầu tiếp tục làm việc: Bác lại đánh máy chữ, đọc tài liệu. Sau bữa cơm chiều, Bác nói chuyện gì đó với các anh ở đội bảo vệ và buổi tối Bác lại đọc lại, lại viết. Thi thoảng, Bác có cuộc nói chuyện điện thoại với một vài đồng chí trong Trung ương, trong Chính phủ.

Một buổi tối, tôi thấy trên bàn làm việc của Bác có một tấm ảnh. Tôi thưa với Bác:

- Bác ạ. Bác cho cháu cái ảnh này ạ.

Bác bảo:

- Được cháu cứ lấy.

Tôi lại thưa:

- Bác cho cháu một chữ kí ạ.

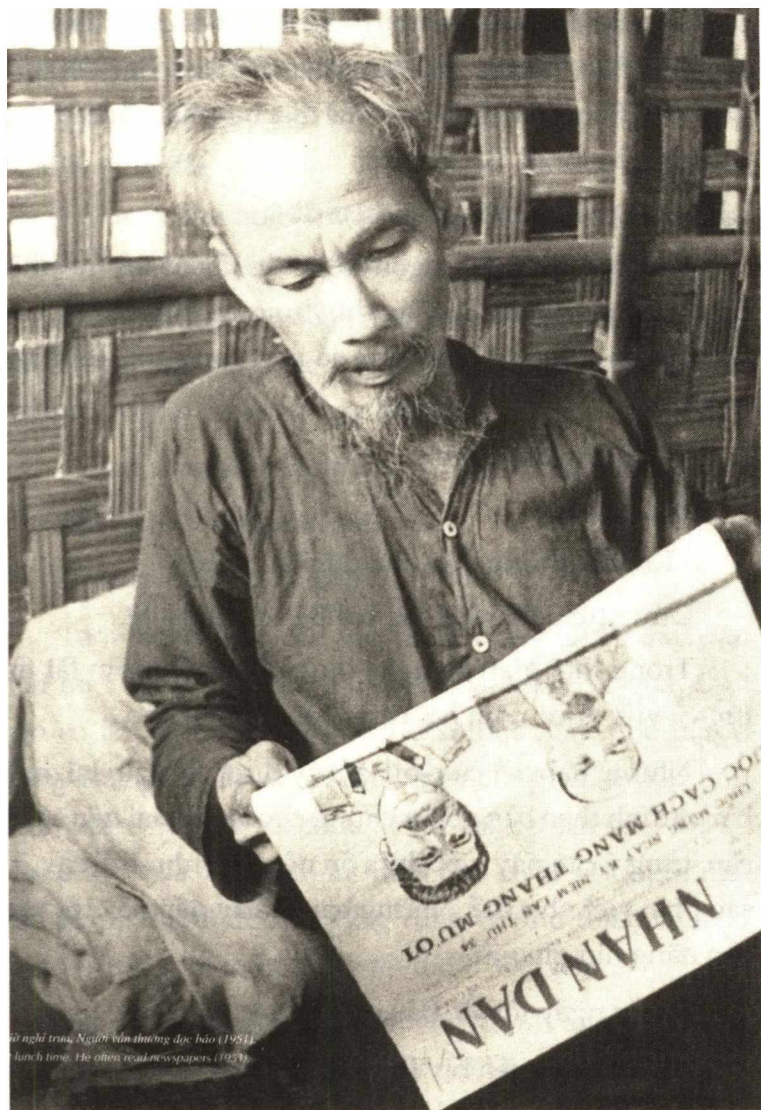
Bác cười:

- Phải là phần thưởng mới kí chứ.

Tôi cũng cười, ghi dưới tấm ảnh:

“Bác hiền như một ông tiên. Bác vui như cả mùa Đại hội”

Một buổi chiều nắng ấm quãng bốn giờ, Bác bảo tôi:
“Cô bé, đi chơi.”



Giờ nghỉ trưa, Người vẫn thường đọc báo (1951)
Lunch time, He often read newspapers (1951)

Giờ nghỉ trưa, Người vẫn thường đọc báo (1951)

Bác cầm một con dao rừng nhỏ, đi trước. Tôi theo sau. Hai Bác cháu ra phía sau nhà. Tôi theo Bác lên một quả đồi. Bác cầm con dao vừa đi vừa phạt những cây con hai bên lối đi. Bác bảo tôi:

- Bác phạt đường cho cháu đi.

Hai Bác cháu lên ngọn đồi. Bác khoát tay ra phía trước. Tôi nhìn theo tay Bác chỉ. Xung quanh là rừng cây xanh thắm, phía xa hình như có một con suối. Tôi thưa với Bác:

- Chỗ này đẹp, Bác ạ.

Bác gật đầu:

- Không những đẹp, mà dân lại rất tốt.

Đứng trên đồi một lúc, hai Bác cháu lại về.

Trong thời gian ba ngày ở nhà Bác, tôi lượm lặt tin tức và viết được năm bài báo ngắn gửi lên Bác.

Những bài viết của tôi năm ấy được Bác gửi lại, mỗi bài có đính theo bản góp ý chung cho cả bài, lại nêu từng câu, từng ý câu này viết chưa ổn nên viết như thế này, vì sao phải viết như thế. Những bài báo ấy đến nay tôi vẫn còn nâng niu gìn giữ.

Trước ngày tôi về, Bác nói với các anh ở cơ quan:

- Các chú chuẩn bị *"hoan tống"*.

Tôi không ngờ ở rừng các anh cũng tổ chức một cuộc *"hoan tống"* linh đình. Các anh làm được cả bánh

mì, bánh sữa bỏ vào lò nướng vàng rộm, rất ngon. Tôi có dịp nói chuyện với các anh, biết tên các anh: anh Trường, anh Kỳ, anh Kháng, anh Chiến, anh Nhất, anh Định, anh Thắng, anh Lợi.

Các anh đều quê ở miền ngược cả, anh ở Cao Bằng, anh ở Bắc Kạn, Thái Nguyên.

Phần tôi góp vào cuộc liên hoan là phải hát một bài. Tôi hát bài hát của nhạc sĩ Nguyễn Đức Toàn mà hồi đó chị em cơ quan thường hay hát:

“Quê em miền trung du

Đồng xuôi lúa xanh ròn

Giặc tràn lên thôn xóm...”

Tạm biệt Bác và các anh ra về, trong tôi cứ đau đau mãi một điều: nhà Bác yên tĩnh quá, vắng vẻ quá. Đâu bảo có lần, các anh đã bố trí cho một cháu nhỏ đến ở cùng Bác, cháu ấy là con của một đồng chí ở bên phủ Thủ tướng, nhưng rồi cháu ấy lúc thì nghịch quá, lúc lại kêu buồn quá. Các anh lại phải cho cháu về. Ngôi nhà của Bác lại tuyệt đối yên lặng vắng vẻ như thiếu một cái gì đó trong suốt mùa đông rét dài ở Việt Bắc...

Tại một cuộc hội nghị cán bộ phụ nữ tại căn cứ Việt Bắc không nhớ rõ năm nào, Bác nói với chúng tôi:

- Nghệ An có một chị cán bộ hoạt động bị địch bắt. Đánh đập chị không được, bọn Pháp nung đỏ một

chiếc thau đồng, bắt chị ngồi lên. Chị ngồi phệt xuống cái mâm, nét mặt không biến sắc. Bọn Pháp phải thua không tra tấn chị nữa.

Câu chuyện của chị làm chúng tôi bồi hồi xúc động cứ in trong lòng tôi và cảm phục chị quá, tôi nhớ mãi chuyện này.

Những năm gần đây, tôi mới được biết người con gái ấy - chị cán bộ phụ nữ ấy - chính là o⁽¹⁾ Nguyễn Thị Thanh, chị ruột của Bác Hồ.

Những năm nhà văn Sơn Tùng công tác tại Tỉnh đoàn Nghệ An, nhà văn thường đến gặp bà Nguyễn Thị Thanh và ông Nguyễn Sinh Khiêm (chị gái và anh trai Bác Hồ) để tìm hiểu tư liệu. Nhà văn Sơn Tùng kể:

- Những năm đầu cuộc kháng chiến chống giặc Pháp, tôi đang công tác ở Nghệ An. Tôi thường đến làng Sen thăm sức khỏe hai cụ Nguyễn Thị Thanh và Nguyễn Sinh Khiêm, là chị và anh ruột Bác Hồ. Lần nào đến thăm, tôi cũng thường gặp cụ Thanh để *Ông bình vôi* bên cạnh chỗ cụ ngồi viên thuốc tễ, hoặc ngồi đun bếp, ngồi nhở cỏ trong cái sân đất rêu phong trước ngôi nhà tranh bé nhỏ. Tôi cũng hiểu cụ Thanh ăn trầu luôn miệng, lại không ăn đậm vôi một lần mà nếm thêm từng tí chút cho tới lúc quét trầu đỏ đượm vành môi. Nhưng

(1) O: Ở Nghệ An, những người phụ nữ độc thân đến khi cao tuổi vẫn được gọi là o.

sự lạ là cụ không đặt *Ông bình vôi* một chỗ mà xê dịch nó theo cụ.

Tôi hỏi một cách lễ phép:

- Thưa o! Mẹ cháu cũng nghiện trầu nhưng *Ông bình vôi* mẹ cháu treo cố định ạ.

Cụ nhìn tôi rồi nói một câu đùa, đùa mà xót xa pha lẫn:

- Cháu năng lui tới nhà o, cháu có thấy trong nhà o có người nào nữa không?

- Dạ, chỉ có mỗi mình o thôi ạ!

- Vì vậy mà o cặp kè với *Ông bình vôi* để “có ông có bà” cho đỡ phần cô đơn cháu ạ. - Cụ Thanh nở nụ cười như đã quên cười từ lâu.

Tôi sững sờ nhìn ra vườn tránh ánh mắt của cụ, ánh mắt của một con người đã đọc hàng ngàn trang sách “chữ thánh hiền”, nhìn tới muôn vàn cảnh vật với bao nỗi gian lao trên con đường gần mười năm đi đày từ Nghệ An vào tận cực nam Trung Bộ vì “tội” yêu nước chống giặc Pháp xâm lược. Nay cụ đã tới cái ngưỡng cửa gần đất xa trời mà không có được cuộc đời làm vợ, làm mẹ, làm bà, để phải tự “gán” *Ông bình vôi* làm bạn cho “có ông có bà”.

- O nói giỡn (đùa) với cháu đó thôi. Thực ra o không hiểu vì sao dạo này o nhớ cha, nhớ mẹ có lúc nóng lòng

nóng ruột như lửa hun vậy. O phải để *Ông bình vôi*, một vật kỉ niệm của mẹ còn lại ở bên cạnh, o mới cảm thấy mình đỡ phần trống trải. Mà *Ông bình vôi* này o đã tìm thấy nằm chung với hài cốt của mẹ o lúc bốc mộ bên chân núi Ba Tạng ở cố đô Huế để dời về núi Đại Huệ (Nam Đàn). Sinh thời mẹ o dệt vải thâu đêm thì cũng phải nhai trầu suốt sáng cháu ạ. Cho nên bà con láng giềng ở Thành nội đã đưa *Ông bình vôi* vào mồ để mẹ o ở dưới âm phủ có vôi mà ăn trầu...

Tôi ngắm nghía *Ông bình vôi* hoàn toàn khác lạ: cái quai là hình hai con rồng xoắn từng từ dưới đáy vươn lên rồi chầu vào thành cái dáng “lưỡng long chầu nguyệt”. Miệng ông bình vôi lại là mặt hổ phù. Cụ Thanh giọng than thở:

- Cha mẹ o và hai anh em Đạt (cụ Khiêm) và Thành (Bác Hồ) ở Kinh đô Huế. O ở làng Chùa với bà ngoại. Ngày mẹ o qua đời chỉ có cậu Thành ở cạnh mẹ, cha o đang đi chấm thi Hương ngoài Thanh Hóa, cậu Đạt cùng đi hầu tước cha. Ngày mới cướp chính quyền ra Hà Nội thăm cậu Thành, o kể lại với cậu Thành việc dời mộ mẹ về quê, đem theo cả *Ông bình vôi* về. Cậu Thành mới kể cho o biết cái *Ông bình vôi* ấy là của mấy chú lính khố vàng đào lỗ trồng cây bên chân Thành nội đã gặp một vĩa đồ gốm cổ, trong đó có ông bình vôi. Mấy chú lính thường ngày đến nhà mẹ o xin trầu và ngồi nghe lỏm cha o giảng sách cho học trò. Họ đã biểu mẹ o

Ông bình vôi quý giá ấy. Cậu Thành nói với o: “Cha rất quý *Ông bình vôi* vì nó mang diện mạo của nền văn hóa Huế”. Cái *Ông bình vôi* cổ này còn đáng quý ở chỗ vẫn còn nguyên vẹn dưới chân vương thành mà bao nhiêu vương triều, bao nhiêu vua chúa đã sụp đổ.

Năm 1948, khi đó được bà Thanh tin cậy, nhà văn mới dè dặt hỏi bà Nguyễn Thị Thanh:

- O ơi, cháu có điều này xin được hỏi o, mong o hiểu...

Bà Thanh tiếp lời:

- Cháu cứ hỏi, không phải e ngại, miễn là điều đó có thể nói được với cháu thì o sẽ nói.

Nhà văn thổ lộ điều tâm sự nung nấu bấy lâu nay:

- Cháu biết điều này không dễ gì, nhất là lại hỏi với người bề trên. Nhưng mong o xá lỗi và cho cháu biết... Tại sao ba chị em o lại đều không xây dựng gia đình ạ?

Bà Thanh im lặng. Lúc lâu sau bà cất giọng trầm, khẽ nói:

- Hoàn cảnh nhà o... Biết bao gian khó hiểm nghèo. Có nói ra chưa chắc cháu đã hình dung hết được. Cậu Thành thì đi xuất dương tìm con đường cứu nước. O và cậu Khiêm bị đi đày. Cậu Khiêm bị thực dân Pháp tra tấn dã man và tìm cách triệt nòi giống bằng cách tiêm thuốc... Khi ra tù thì tuổi đã cao, có những nỗi niềm u uẩn... - Nói đến đây, bà Thanh như nghẹn lại, mắt ứa lệ.

- O đã già không dễ gì ngồi nói lại những chuyện này với một người trẻ tuổi như cháu. Nhưng biết cháu là một người thấu hiểu thì o mới nói: Cũng như cậu Khiêm, o cũng bị kẻ thù tra tấn dã man. Cháu có tưởng tượng được không? Chúng nung đỏ chiếc mâm đồng - một chiếc mâm đồng nung đỏ mà chúng bắt o ngồi lên đó... Một nỗi đau đến tận cùng xuyên sâu từ da thịt vào xương tủy. Nhiều ngày sau đó o không đi lại được... vết bỏng đã làm biến dạng cả cơ thể và xoắn vặn cả tâm hồn o. Vậy thì làm sao o có thể có gia đình được nữa?

Nhà văn lặng đi, kìm nén cơn xúc động. Bà Thanh giọng ngào ngào:

- Tuổi xuân của o suy nghĩ về công việc cứu nước. Noi gương cụ Phan Bội Châu bỏ gia đình mà đi bôn ba hải ngoại. Hồi ấy o cũng có những đám hỏi, cha o cũng đánh tiếng. Có một đám bên Hà Tĩnh, người ta đã mang lễ vật đến. Nhưng o đội mâm đi trả. Một thời gian sau, cha o bị huyền chức đi luôn vào xứ Nam Kỳ. Cậu Khiêm sau một thời gian hoạt động thì bị bắt. Cậu Thành gác việc riêng lại để lo cứu nước. Cậu Khiêm ra tù năm 1920 và o đến năm 1922 cũng mới được ra, nhưng cả hai chị em đều bị quản thúc. Tin tức về những người thân trong gia đình đều bật hết. Mãi đến năm Kỷ Ty 1929, o đang bị quản thúc ở Kim Luông thì nhận được dây thép của gia đình cụ Hồ Tá Bang từ Sài Gòn ra, báo cho biết cha o đã qua đời tại xã Hòa An, huyện Cao Lãnh, Sa Đéc.

Và thế là o lo liệu vượt mọi khó khăn để vào hộ tang cha. Hồi ấy vào Nam cũng giống như đi sang một nước khác. Khi o vào đến nhà số 3 đường Ông Đốc Phương, có người của cụ Hồ Tá Bang dẫn o lên Gò Vấp. Đó là một vùng mênh mông và hoang vu. Tại trại cây của cụ Diệp Văn Cương, cha của nhà báo Diệp Văn Kỳ, người ở đây nói hãy đợi Lê Thị Huệ lên dẫn o xuống Cao Lãnh. O muốn tự đi nhưng mọi người không đồng ý. O hỏi: “Huệ nào?” thì được trả lời: “Đó là học trò của cụ Phó bảng Sắc từ thời ở Huế”. Sau đó Lê Thị Huệ lên đưa o xuống mộ cha. Huệ kém cậu Thành vài tuổi. Gặp o, Huệ khóc. Lúc đó Huệ để tang cha o. O ở lại đó cho đến bốn mươi chín ngày, tạ ơn những người lo tang cho cha o (phần nhiều trong số họ là học trò của cha o). Trong thời gian đó, trò chuyện với Huệ, chị em hiểu nhau, và o mới biết Huệ là người thương của cậu Thành. Hai người đã có một tuổi thơ gắn bó từ hồi ở Huế. Cha Huệ làm bên bộ Công, Huệ mất mẹ. Thành cũng mồ côi mẹ. Cha o thì không tục huyền. Cha Huệ sau tục huyền với một người phụ nữ Huế, bà ta đánh đá, cảnh nhà không vui. Khi vua Thành Thái bị đi đày, các quan dưới triều Thành Thái đều bị thuyền chuyển. Cha o vào Bình Khê, rồi vào lục tỉnh; cha Huệ cũng bị thuyền chuyển; thế là Huệ với cậu Thành xa nhau... Khi từ Phan Thiết vào Sài Gòn, cậu Thành có gặp lại Huệ. Huệ cũng cho biết, một lần cậu Thành có thư về. Cha o gọi Huệ đến và cho biết. Khi đó

cha o đang ở chùa, cắt thuốc giúp dân, một thời gian sau mới xuống hẳn Cao Lãnh. Sau những lần trò chuyện, cuối cùng o dò hỏi xem Huệ sẽ tính liệu thế nào khi cậu Thành thì biển biệt bên trời Tây. Huệ nói với o không giấu được xúc động: “Có khi em đợi. Không đợi được thì em sẽ vào chùa.” O nắm lấy bàn tay Huệ không nói được gì. Sau đó thì o trở ra Bắc. Từ đó, o không gặp lại Huệ nữa. Mọi chuyện sau này ra sao o không được rõ ...

Bà Thanh nhấn từng tiếng:

- Sau này yên hàn, Nam Bắc thông thương, cháu còn trẻ nếu có dịp vào làng trong, vào chỗ mộ cha o thì có thể lần ra được.

* * *

Gần ba mươi năm sau, đất nước thống nhất, Sài Gòn được giải phóng năm 1975, nhà văn Sơn Tùng khi này đã là một thương binh hạng nặng 1/4 mất 81% sức khỏe, ba mảnh đạn còn nằm trong hộp sọ, mắt chỉ còn một phần mười, hai bàn tay chỉ còn ba ngón không co quắp và nhiều vết thương khác. Tuy vậy, nhà văn Sơn Tùng vẫn có một khát vọng cháy bỏng là vào miền Nam tìm tư liệu về Bác Hồ, về cụ Nguyễn Sinh Sắc và bà Lê Thị Huệ. Nhà văn xin giấy giới thiệu của Bộ Văn hóa rồi bán cả tư trang lên đường.

Nhà văn đã tìm đến được nơi ngày xưa Bác Hồ hồi

đó lấy tên là Văn Ba đến ở Xóm Thợ gần bến Nhà Rồng, ở nhà ông già Đòn có cô con gái út tên Út Huệ. Ông già Đòn là phu khuân vác bến cảng. Cô Út Huệ ngày ấy lo việc cơm nước cho ông và nấu cơm giúp cho một số thợ không có gia đình. Đôi khi, cô Út Huệ cũng ra cảng nhận việc làm công nhật cho cha.

Lần đầu gặp anh Ba cô Út ngỡ ngàng, nói với anh Tư Lê, người đưa anh Ba đến nhà cô ở Xóm Thợ:

- Thầy Ba, thầy Ba học thức, điển trai quá trời mà vô đây chịu nổi sao, anh Tư?

Dần dần, đi về gặp nhau, tình cảm giữa anh Ba và cô Út Huệ càng trở nên thân thiết. Cô Út chăm lo nhiều cho anh Ba. Cô đã dành tất cả yêu thương và cho anh Ba tấm áo anh thường mặc. Anh Ba cũng có tình thương với cô Út Huệ, một cô gái có đôi mắt to đen dịu dàng, đôi môi tươi đỏ, nhưng tính tình cô còn dịu dàng hơn nữa. Nhưng trong lòng anh vẫn còn có một khát vọng mãnh liệt thôi thúc anh lên đường: Anh đã nói với thân phụ của mình trong lần gặp cuối cùng để chia tay, trong căn phòng lặng ngắt ở Sài Gòn. Khi ông Phó bảng Nguyễn Sinh Huy về bản khoản hỏi:

- Sao con lại sang Pháp để mưu việc cứu nước?

Anh Ba thưa với cha:

- Từ ngày con ngồi trên ghế trường Quốc học Huế, con học lịch sử nước Pháp, con chú ý nhiều về cuộc cách

mạng 1789. Họ đã lật đổ chế độ vua quan phong kiến. Rồi con đọc sách, tìm thấy ở nước Pháp có tự do, bình đẳng, bác ái, đặc biệt là coi trọng nhân quyền. Có tổ chức bảo vệ nhân quyền, gọi là Hội Nhân quyền, con muốn được nhìn thấy tận mắt cái nước Pháp vừa có nhân quyền lại vừa là nước Pháp đi xâm lược các nước nhỏ yếu khác. Nhưng con đi xa, cha ở lại đây một mình...

Ông Phó bảng Nguyễn Sinh Huy nói cao giọng:

- Đừng, con đừng nghĩ về cuộc sống của cha. Cha rất vui trong lòng về mục đích con đi tìm độc lập cho nước, tự do cho dân. Nhất là nhân quyền. Con nói tới hai tiếng ấy, cha nghe mà nao nao lòng. Con đi sang bên đó coi thực sự có nhân quyền không?⁽¹⁾

Và anh Ba đã gặp riêng Út Huệ nói lời tạm biệt:

- Tôi không ở đây nữa. Mai sớm tôi đi xa...

Út Huệ giật mình, giọng nghèn nghẹn:

- Sao anh không ở đây nữa với ba em, với anh Tư? Mà anh đi mãi đâu, có về hệ trọng vậy?

- Tôi đi... xa lắm... đi khỏi nước mình, cô Út ạ.

Anh thấp giọng:

- Ai mà chẳng muốn có một cuộc sống êm đềm bên cạnh những người thân yêu. Nhưng tình cảnh nước mình tôi không thể ngồi yên một chỗ, xây dựng cho riêng mình một tổ ấm được.

(1) Theo Sơn Tùng, "Búp sen xanh", Nhà xuất bản Kim Đồng, 1984.

Út Huệ:

- Anh đi chừng bao lâu thì anh trở về đây.

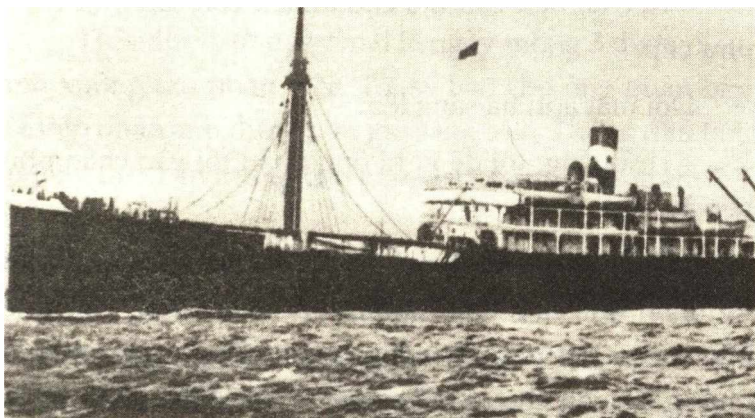
Anh Ba:

- Cô Út! Ngày trở về. Cô Út hiểu thấu cho: ngày về của tôi xa mù mịt, tôi cũng chẳng định liệu trước được.

* * *

Đó là một ngày đầu tháng Sáu năm 1911.

Anh Ba được sự giới thiệu của ông chủ sự cảng Nhà Rông, anh Ba đã đến gặp viên thuyền trưởng tàu La Touche Tréville. Viên thuyền trưởng trạc tuổi gần bốn



Tàu Đô đốc Latútơ Trêvin (L'Admiral Latouche Tréville), nơi Nguyễn Tất Thành làm phụ bếp khi rời Tổ quốc đi tìm đường cứu nước (6/1911)

mười, tiếp anh Ba dưới buồng khách của con tàu. Ông đưa hai bàn tay ra trước mặt nói:

- Ô, nhìn anh, tôi ưa lắm. Tiếc là trên con tàu của tôi không còn có loại công việc hợp với anh.

Ông lật lật quyển sổ nhân sự để trước mặt. Ông lại nhìn anh Ba, hỏi:

- Anh biết đọc tiếng Pháp chứ?

- Thưa ông tôi đọc được ạ.

- Ô, tốt lắm! Đây, anh xem, vừa mới sáng nay, tôi đã nhận thêm bốn người An Nam. Danh sách bốn người đây. - Rồi ông đọc tên từng người.

Đôi mắt anh Ba phảng phất buồn. Ông chủ tàu nhìn đôi mắt anh, nói:

- Tiếc là, trên con tàu của tôi chỉ còn cần một chân phụ bếp.

Đôi mắt anh Ba sáng lên:

- Thưa ông, tôi đề nghị ông nhận tôi vào chân phụ bếp ấy.

- Ồ... - Ông chủ tàu nhìn anh Ba, hơi ngò vức - Một thư sinh như anh chịu không nổi đâu. Công việc làm bếp ở con tàu này rất nặng nhọc. Hằng ngày phải lo những bữa ăn cho cả trăm người với nhiều khẩu phần khác nhau, riêng hành khách có vé hạng nhất đã bốn mươi người.

Anh Ba chìa hai bàn tay ra trước ông chủ tàu:

- Ông xem những vết chai rạn trên bàn tay của tôi.

Ông chủ tàu cầm lấy bàn tay anh Ba ngẫm, và mỉm cười:

- Người phương Tây chúng tôi rất tin khoa xem tướng bàn tay. Tôi không sành bói toán, nhưng bàn tay anh ngón thon dài thế này thì viết chữ đẹp, có năng khiếu mỹ thuật và âm nhạc. Anh được cả hai cái lớn: đôi mắt và hai bàn tay. Tôi biết một câu rất hay mà người An Nam hay dùng: “Giàu hai con mắt, khó hai bàn tay”.

Anh Ba nói:

- Ông đã xem tướng tôi, ông có tin là tôi làm được phụ bếp không.

Ông chủ tàu hạ giọng:

- Thôi được, từ ngày mai là ngày mùng 3 tháng Sáu, anh xuống tàu nhận việc. Tôi sẽ báo cho ông quản bếp để tiếp nhận anh đúng tám giờ sáng mai. Tháng đầu tiên này tôi tạm cấp lương cho anh là 45 francs, được chứ?

Anh Ba cười :

- Tôi sẽ làm việc xứng đáng với sự tin dùng của ông.

* * *

Gần bảy mươi năm đã trôi qua. Trước mặt nhà văn Sơn Tùng, bà Lê Thị Huệ đã là một người tu hành. Bà

ở tại một ngôi chùa cách Sài Gòn khá xa, trên đường đi Vũng Tàu.

Qua câu chuyện với nhà văn Sơn Tùng, Lê Thị Huệ hiểu được tấm lòng chân thành của nhà văn. Giọng bà trở nên ảm áp:

- Nguyễn Tất Thành là một thần tượng của tôi thời trẻ. Cũng như Lục Vân Tiên với Kiều Nguyệt Nga. Cảnh ngộ chúng tôi đều mất mẹ. Qua những năm tháng sống gần nhau như hồi ở Huế. Có những kỉ niệm vô cùng đẹp đẽ. Chắc ông cũng hiểu rằng, Nguyễn Tất Thành phải có một cái gì đó thì tôi mới có thể chờ đợi và tôn thờ suốt cả cuộc đời mình.

Đôi mắt bà Lê Thị Huệ chợt buồn:

- Sau này khi anh Thành đi rồi, tuổi trẻ của tôi u ám buồn và ngập tràn thương nhớ. Tôi mong ngóng chờ đợi một con người ở tận bên kia trái đất. Không có gì có thể tả được nỗi lòng ngày ấy. Thình thoàng anh Diệp Văn Kỳ gặp tôi có nói chuyện cậu Thành hoạt động bên Paris.

Nhà văn Sơn Tùng thưa với bà:

- Thưa cụ, từ những gì cụ nói hôm nay, cụ cho phép cháu được viết thành bài báo được không ạ?

Bà Lê Thị Huệ nhìn thẳng vào nhà văn, nhẹ nhàng:

- Không nên! Sau này tôi qua đời, ông viết gì thì viết, nhưng đừng để người thời nay và cả sau này hiểu sai về chúng tôi ngày đó...

Nhà văn Sơn Tùng nói:

- Nhưng thưa cụ, cháu nghĩ, tình cảm của cụ với Nguyễn Tất Thành vì việc nước phải gác lại tình riêng, bốn ba khắp năm châu bốn biển tìm cho bằng được con đường giải phóng dân tộc. Khi giành được nước rồi, vẫn không xây dựng gia đình. Đến tận phút cuối cùng của cuộc đời ấy vẫn luôn nghĩ về miền Nam ruột thịt... Còn cụ, cụ vẫn giữ trọn vẹn mối tình trong trắng của mình qua bao thăng trầm của đời người, bao biến thiên của thời thế. Đó là một tấm gương lớn để giáo dục thanh niên, giáo dục con cháu ta cho mãi về sau...

Bà Huệ lắng nghe rồi lại từ tốn cất lời:

- Ông nói cũng phải, nhưng ông mới nói những điều thuận. Nếu ông viết, biết đâu lại có người sẽ nói là tôi điên. Một bà già sắp chết, đã đi tu để quên hết chuyện đời. Vậy mà bây giờ thấy người của giải phóng đến lại còn kể về mối tình đầu để kiểm soát.

Sau buổi chia tay ấy với bà Huệ, nhà văn Sơn Tùng giữ mãi lời hứa: sẽ không viết gì về mối tình này khi cụ đang còn sống.

Năm 1980 cụ Lê Thị Huệ qua đời. Năm 1981, nhà văn Sơn Tùng bắt tay vào viết tiểu thuyết "*Búp sen xanh*" về thời tuổi trẻ của Bác Hồ. Trong tiểu thuyết này có nhân vật Út Huệ và mối tình trong trắng, tuyệt đẹp.

Tạm biệt cha và cô Út Huệ, anh Văn Ba đã ra đi, làm phụ bếp trên con tàu mang tên Đô đốc La Touche Tréville vào ngày 3 tháng Sáu năm 1911.

Là phụ bếp, anh phải làm từ bốn giờ sáng: quét dọn sạch sẽ nhà bếp lớn trên tàu, đốt lửa trong lò, đi khuôn than, xuống hầm lấy rau, thịt, cá, nước đá. Công việc nặng nhọc vì dưới bếp rất nóng và trong hầm rất rét, lại phải vác một bao than nặng leo lên những bậc thang trong khi tàu tròn trành.

Nhà bếp lo ăn cho bảy, tám trăm người, cả nhân viên và hành khách. Có nhiều cái chảo lớn bằng đồng và nặng, anh Ba phải kéo lê trên sàn. Với những cái nồi cao quá, anh Ba phải trèo lên ghế để chùi nồi. Đã thế suốt ngày luôn có tiếng gọi:

- Ba, đem nước đây.

- Ba, dọn chảo đi.

- Ba, thêm than chỗ này, thêm than chỗ kia.

Suốt ngày mình thấy anh Ba đầy bụi than và đầm mồ hôi.

Một lần, anh Ba suýt chết đuối. Biển nổi sóng, làn sóng to như những quả núi chồm lên, đổ xuống. Hầu hết mọi người say sóng. Anh Ba đi từ bếp xuống hầm, không thể vác những rổ rau lên vai vì tàu tròn trành,

anh phải buộc rễ rau vào dây sắt để kéo đi. Chuyến thứ hai, một ngọn sóng lớn thỉnh thoảng phủ lên sàn tàu và cuốn xuống biển tất cả, cả những rễ rau và anh Ba nữa. Nhưng rất may, anh đã bị đẩy vào giữa cột buồm và dây xích. Nhờ vậy, anh đã thoát chết.

Đến Marseille, anh Ba lĩnh lương được mười quan, sau đó tàu tiếp tục đi Le Havre. Tháng Bảy năm 1911, tại đây, anh Ba gặp được một người tốt bụng đã đứng tuổi, hỏi anh: “Có một chuyến tàu đi vòng quanh châu Phi, không có hành khách, chỉ có hàng hóa. Anh có muốn là người giúp việc cho các sĩ quan trên tàu không? Họ không đông lắm và đều là những người tốt.” Anh Ba đồng ý.

Con tàu từ Le Havre đi qua Tây Ban Nha, Bồ Đào Nha, Angieri, Tunisia và những cửa bể Đông châu Phi đến Congo. Đến đâu, anh Ba cũng để ý xem xét và mỗi lần tàu cập bến, anh Ba đều tìm cách đi thăm các thành phố.

Rồi anh Ba sang cả nước Anh giúp việc tại một khách sạn. Trong phòng lau chùi thìa nĩa, anh Ba đã gặp một người đồng hương. Người ấy rất vui được gặp anh và hỏi:

- Ai đưa anh đến đây, đến nước Anh?

Anh Ba đáp:

- Tôi đến đây một mình để học tiếng Anh.

Chiến tranh thế giới lần thứ nhất xảy ra. Người

Pháp ở London nhận được lệnh động viên. Nhiều người khóc, nhất là những người đàn bà Pháp. Lính Anh bị đưa ra mặt trận. Cha mẹ vợ con họ đều khóc.

Anh Ba đến từ biệt người bạn của mình.

Người bạn hỏi:

- Anh đi đâu?

- Tôi đi Pháp.

- Nước Pháp đang có chiến tranh. Anh đến Pháp làm gì?

- Tôi đi xem. Tôi sẽ viết thư cho anh.

Anh Ba bắt tay bạn, cả hai ôm hôn nhau. Và cứ thế anh Ba đi, không hành lí.

Chiến tranh. Lính Anh bị thương trở về. Nước Pháp bị ngạt thở vì khói lửa chiến tranh. Từ Pháp, anh Ba viết thư cho bạn, đại ý:

“Tôi đã gặp nhà ái quốc Phan Chu Trinh. Anh biết không! Ông bị án tử hình. Nhờ hội Nhân quyền và ông Jaurès can thiệp, ông Phan được tha và sang Paris. Tôi cũng gặp luật sư Phan Văn Trường và những người khác. Tôi nói với họ: “Trong khi vua Duy Tân nổi dậy ở Huế, nhân dân Thái Nguyên và nhiều nơi khác khởi nghĩa, thì chúng ta phải làm một việc gì chứ?”

Trong chiến tranh, thực dân Pháp ra sức bóc lột,

đàn áp nhân dân thuộc địa, và đẩy họ đi làm bia đỡ đạn trên chiến trường châu Âu. Những người dân thuộc địa đi lính cho Pháp, bị đưa ra trận đánh quân Đức và phải chịu nhiều khổ cực. Chiến tranh kết thúc. Nước Đức bị đánh bại, nhân dân các thuộc địa Pháp được giác ngộ hơn và nhiều phong trào chống thực dân Pháp đã diễn ra khắp nơi. Trong hoàn cảnh đó, những người dân thuộc địa cư trú tại Pháp đã tập hợp lại và tổ chức ra Hội Liên hiệp Thuộc địa. Hội này thu hút những người Madagascar, Dahomey, Maroc, Đông Dương.

Những người dân thuộc địa cũng biết Cách mạng tháng Mười Nga do Đảng Cộng sản Bolshevik và Lenin lãnh đạo đã thành công. Những đoàn đại biểu các nước thắng trận và bại trận đến lâu đài Versailles cách Paris khoảng hai mươi ki lô mét để họp hội nghị bàn việc chia lại các thuộc địa. Đại diện các dân tộc bị áp bức và phụ thuộc cũng về Versailles đòi độc lập. Họ tới vì nghe có mười bốn điều của Tổng thống Mỹ Wilson.

Họ đến để yêu cầu độc lập và tự do. Trong số đó, người ta thấy có anh Ba, lúc này đã mang tên Nguyễn Ái Quốc.

Anh Nguyễn liên lạc với các đoàn đại biểu Triều Tiên, Ái Nhĩ Lan⁽¹⁾ và các đoàn đại biểu khác. Anh tổ

(1) Ireland

chức nhóm người Việt Nam yêu nước ở Paris và ở các tỉnh nhỏ nước Pháp. Với danh nghĩa của tổ chức này, anh đã đưa ra những yêu sách trước Hội nghị Versailles đòi quyền sống cho nhân dân mình. Yêu sách gồm có tám khoản dưới nhan đề: *Quyền của các dân tộc* (Droit des nations) được báo chí Paris công bố và gây tiếng vang lớn trong đồng bào Việt kiều.

Những khoản chính là:

- **Việt Nam tự trị.**

- **Tự do hội họp, tự do tín ngưỡng, tự do báo chí, tự do đi lại, đại xá tù chính trị.**

- **Quyền lợi bình đẳng giữa người Pháp và người dân Việt Nam.**

- **Bãi bỏ việc bắt ép dân mua rượu và thuốc phiện. Bãi bỏ thuế đình (người), thuế muối và sưu dịch.**

Những yêu cầu ấy được gửi đến cho các đoàn đại biểu đồng minh và tất cả nghị viện của Quốc hội Pháp. Anh còn đến tận nhà riêng ngài Đại sứ của Chính phủ Pháp là Cambond đưa bản yêu sách đó. Anh đến từ rất sớm, lúc ngài đại sứ còn chưa dậy. Anh đưa cho cô thư kí của ông, cũng là cháu ông ta và nói:

- Tôi có một *bản trần tình* cần đưa cho Đại sứ Cambond.

Cô thư kí mời anh vào nhà và hỏi:

- Xin lỗi, ông cho tôi hỏi, ông là ai?

Anh Nguyễn trả lời lịch sự:

- Thừa cô tôi là Nguyễn Ái Quốc. Tôi là thợ ảnh. Tôi muốn được gặp Đại sứ Cambond.

Anh cởi một cuộn giấy buộc dây đỏ giờ ra và nói:

- Tôi đến đây vì tôi muốn đưa cho đại sứ một bản *trần tình* của toàn thể nhân dân Đông Dương.

Cô thư kí mở ra thấy trong tập giấy có một bức thư gửi đại sứ: *"Thưa ngài Đại sứ Cambond, đại diện nước Pháp tại Hội nghị Versailles. Tôi là người đại diện cho nhân dân Đông Dương. Chúng tôi là một dân tộc đang tiến hóa. Chúng tôi đã được hiểu biết nền văn minh của nước ngài."*

Cô thư kí nói với ông Nguyễn Ái Quốc:

- Ông viết hay lắm, nhưng ông cậu tôi chưa dậy vì lúc này còn sớm quá.

Anh nói:

- Vậy thì tôi để những bản này lại và nhờ cô chuyển tận tay cho Đại sứ Cambond.

Nhưng ít lâu sau, Đại sứ Cambond đã nói với cô thư kí của mình:

- Thật không may cho Nguyễn Ái Quốc. Ở hội nghị, người ta bàn đến nhiều nước quá rồi. Hơn nữa, ở hội nghị người ta xâu xé các nước thuộc địa và tranh giành ảnh hưởng của nhau trên thế giới, không ai nghĩ đến số phận những nước xa xôi ở Viễn Đông. Mà cậu nghĩ,

Clémenceau⁽¹⁾ là người không tốt, cho nên không có kết quả gì.

Với bản yêu sách thời đó, Nguyễn Ái Quốc là thần tượng của nhiều sinh viên ta đang theo học ở Pháp, trong đó có Hồ Đắc Di. Sau này trở thành giáo sư, bác sĩ đầu ngành, bác sĩ Hồ Đắc Di ghi trong hồi kí⁽²⁾:

“Khi còn trẻ, chọn nghề thầy thuốc, tôi ước mơ tìm thấy ở đó một nơi gửi gắm nhiệt tình, nơi mang trí tuệ phục vụ con người. Nhưng có cái thực tế phũ phàng của một nước nô lệ, những nỗi cay đắng của một người trí thức ở nước thuộc địa đã dần dần mở mắt cho tôi thấy: không thể có tự do thực sự khi nhà nước chưa độc lập. Riêng với người trí thức thì đó là sự tự do tư duy, tự do cống hiến tài năng của mình cho con người, cho quần chúng.

Điều đó ngày nay tưởng như rất đơn giản, rất tự nhiên. Nhưng trước cách mạng, để hiểu được điều đó cũng phải trải qua nhiều đêm trằn trọc, chịu nhiều đắng cay dằn vặt về tâm hồn và lương tâm.

Cái tên thần thoại: “Nguyễn Ái Quốc” và hoạt động của Người trên đất Pháp vào những năm sau trong cuộc chiến tranh lần thứ nhất đã làm cho tiềm thức của tôi lóe lên tia sáng đầu tiên về ý niệm đó. Lúc đó tôi đang

(1) Clémenceau: Chính trị gia, khi ấy là Thủ tướng Pháp.

(2) Hồ Đắc Di - Cuộc đời và sự nghiệp - Trường Đại học Y, nhà Xuất bản Y học, năm 1999.

theo khoa Y trường Đại học Paris. Tôi rất khâm phục người mang tên Nguyễn Ái Quốc, người dám đưa ra tại Hòa hội Versailles tám điều yêu sách, dám phát hành tờ *Người cùng khổ*. Trong trí óc đầy tưởng tượng, tôi vẽ lên hình ảnh một con người “hiệp sĩ”.

Nhưng một lần vào buổi sáng chủ nhật, tôi cùng với một anh bạn, lúc đó là luật sư tập sự, cùng nhau đến trụ sở Hội sinh viên ở phố Nomora khu Latin Paris để gặp gỡ bạn bè. Khi đến trụ sở, nhìn vào phòng trong, tôi thấy có ba người đang trò chuyện bên chiếc bàn con. Trong ba người đó, tôi nhận ra một người là cụ Phan Chu Trinh, người thứ hai là luật sư Phan Văn Trường, còn người thứ ba, một thanh niên dáng dong dỏng cao, trán rộng, mắt sáng, tôi không biết. Anh giáo ghé tai tôi nói khẽ:

- Ông Nguyễn Ái Quốc đó!

Thì ra người đã làm xôn xao dư luận, làm cho thế giới biết đến tên tuổi Việt Nam đang ngồi kia, cũng bình dị như mọi người. Tám điều ông Nguyễn Ái Quốc đưa ra dưới nhan đề *Quyền của các dân tộc* (Droit des nations) được báo chí Paris công bố đã gây tiếng vang lớn trong đồng bào Việt kiều.

Sau lần ấy, tôi còn thấy Bác ở trụ sở Hội sinh viên một lần nữa; rồi băng đi mấy chục năm sau tôi không được gặp lại, nhưng tên tuổi Người luôn luôn vang lên khi ở nơi này, khi ở nơi khác...”

Theo cô thư kí, bản yêu sách do ông Nguyễn Ái Quốc đưa ra không thành công, nhưng đã có tác dụng nêu lên được vấn đề để mọi người chú ý. Các báo ở Paris đã công bố bản yêu sách và từ đó gây lên một tiếng vang lớn trong dư luận và nhiều người Pháp đã biết đến nước An Nam.

Từ sau sự kiện đòi quyền cho dân An Nam bằng bản yêu sách tám điều gửi thẳng đến cuộc họp gồm các nước đế quốc thắng trận, Nguyễn Ái Quốc đã nổi tiếng. Từ anh em thợ thuyền đến các nhà trí thức, giới làm ăn trên đất Pháp đều tỏ nổi sung sướng khi có một người Việt Nam tên là Nguyễn Ái Quốc dám đương đầu đòi quyền sống cho dân mình, nước mình ở ngay giữa thủ đô Pháp.

Bản yêu sách ấy đã đánh dấu một giai đoạn mới trong phong trào giải phóng dân tộc.

Với một số ít tiền kiếm được, anh Nguyễn sống rất nghèo khổ, mỗi buổi mai, anh Nguyễn nấu cơm trong cái xanh nhỏ trên một cái bếp cồn, với một con cá mắm hoặc một ít thịt, có khi là một miếng bánh mì với một miếng pho mát là đủ ăn cả ngày. Phòng trọ của anh chỉ vừa kê một cái giường sắt chặt, một cái bàn nhỏ và một cái ghế. Phòng không có điện. Với số ít tiền kiếm được, anh chịu khó tần tảo để có thể thuê in bản yêu sách ấy thành truyền đơn đem phát trong cuộc mít-tinh.

Anh phát những truyền đơn ấy cho tất cả những

người Việt kiều và những người Việt đi lính ở Pháp. Nhờ vậy, những người lao động và lính An Nam trước thờ ơ với chính trị nay cũng giác ngộ.

Anh Nguyễn gửi cả những truyền đơn ấy về Đông Dương. Bọn thực dân Pháp in truyền đơn ấy lên báo để chế giễu và yêu cầu đàn áp. Do vậy, nhiều người trong nước biết được toàn bản yêu sách và từ ngày ấy phong trào cách mạng ở An Nam càng lên cao.

Những cường quốc Tây Âu chia rẽ Trung Quốc và dâng Thanh Đảo cho Nhật. Trước sự bất công vô lí ấy, thanh niên Trung Quốc nổi dậy chống lại. Một phong trào chống chủ nghĩa đế quốc lan rộng khắp Trung Quốc, một phong trào vừa là giải phóng dân tộc, vừa là cách mạng văn hóa. Đó là phong trào *Ngũ tứ vận động*, nổ ra vào ngày 4 tháng 5 năm 1919.

Được chứng kiến sự thật ấy, anh Nguyễn hiểu những lời tuyên bố tự do của các nhà chính trị tư bản thực ra chỉ là một cách lừa bịp và muốn được giải phóng, các dân tộc chỉ có thể trông cậy vào mình.

Năm 1918, anh Nguyễn gia nhập Đảng xã hội Pháp. Đó là một Đảng duy nhất ở Pháp hồi ấy bênh vực quyền lợi của nhân dân thuộc địa. Cách mạng tháng Mười Nga thành công vang dội tới Paris, càng thức tỉnh lực lượng tiến bộ trong Đảng xã hội Pháp.

Tin Quốc tế Cộng sản họp ở nước Nga Xô viết tuyên



Nguyễn Ái Quốc phát biểu tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ 18 Đảng Xã hội Pháp, ủng hộ Luận cương của Lênin về vấn đề dân tộc và thuộc địa. Người tham gia sáng lập Đảng Cộng sản Pháp và trở thành người cộng sản Việt Nam đầu tiên (12/1920)

bố hết lòng ủng hộ phong trào giải phóng dân tộc ở các nước phương Đông càng khiến anh Nguyễn yêu thích, tin tưởng Quốc tế Cộng sản. Một sáng mùa hè năm 1920, trong căn buồng trọ nhỏ bé nhà số chín ngõ Compoin, anh đọc say sưa *Đề cương về vấn đề dân tộc và vấn đề thuộc địa* của Lenin đăng trên báo *Nhân đạo*, và anh đã vui mừng đến chảy nước mắt, một mình nói to trong buồng: “Hỡi đồng bào bị đọa đầy đau khổ! Đây là cái cần thiết cho chúng ta, đây là con đường giải phóng cho chúng ta.”

Đến Đại hội Đảng Xã hội Pháp họp ở Tour, ngồi bên cạnh nhà văn Paul Vaillant Couturier, anh Nguyễn phát biểu chân thành: *“Thưa các đồng chí, lẽ ra hôm nay tôi đến đây là để cùng các đồng chí góp phần vào sự nghiệp cách mạng thế giới, nhưng với một nỗi đau buồn sâu sắc, tôi đến đây với tư cách là đảng viên xã hội, để phản đối bọn đế quốc đã gây ra những tội ác tày trời trên quê hương tôi.”* Tiếp đó, anh giơ cao cánh tay, giọng sôi nổi: *“Nhân danh toàn thể loài người, nhân danh tất cả các đảng viên xã hội, cả phái tả lẫn phái hữu, chúng tôi kêu gọi: Các đồng chí, hãy cứu chúng tôi, cứu chúng tôi.”*

Anh Nguyễn đã tố cáo trước Đại hội những tàn bạo do thực dân Pháp gây ra ở Đông Dương, tả lại nỗi thống khổ của hai mươi triệu người An Nam bị đàn áp, khủng bố, bóc lột dưới ách đô hộ Pháp. Anh nêu lên vấn đề phải đấu tranh chống chủ nghĩa Thực dân Pháp.

Bài phát biểu của anh Nguyễn đã làm chấn động Đại hội. Chủ tịch Đại hội, đồng chí Gonde tuyên bố: *“Toàn thể Đảng Xã hội Pháp nhất trí phản đối những tội ác và sự lạm quyền của bọn tư bản Pháp ở Đông Dương.”*

Giữa đêm 29 tháng Mười Hai năm 1920, cùng với hơn bảy mươi phần trăm số đại biểu có mặt, anh Nguyễn đã bỏ phiếu chính thức tán thành gia nhập Quốc tế thứ ba, tức Quốc tế Cộng sản.

Trong khi thiếu số đại biểu chống lại việc gia nhập

Quốc tế Cộng sản, bỏ phòng họp ra về, anh Nguyễn cùng phe đa số ở lại bàn việc thành lập Đảng Cộng sản.

Chủ tịch đoàn đồng đặc tuyên bố: “Đảng Cộng sản Pháp đã được thành lập. Đại hội Đảng Cộng sản Pháp bắt đầu.”

Anh Nguyễn Ái Quốc trở thành người Cộng sản Việt Nam đầu tiên, người tham gia sáng lập Đảng Cộng sản Pháp.

* * *

Ở Pháp những năm 1920 chỉ có báo *Dân chúng*, cơ quan của Đảng Xã hội Pháp đã in bản yêu sách của nước An Nam. Anh Nguyễn đến tòa báo; chủ nhiệm báo, Jean Longuét là cháu ngoại Karl Marx và là nghị viện của Quốc hội Pháp, đã tiếp anh. Ông Jean Longuét gọi anh Nguyễn là đồng chí thân ái, ông khuyến khích anh Nguyễn viết bài và ông sẽ đăng lên báo *Dân chúng* để làm cho nhân dân Pháp hiểu rõ những sự bất công xảy ra ở nước An Nam xa xôi. Thường lui tới báo *Dân chúng*, anh Nguyễn làm quen với những người Pháp khác, trong đó có chủ bút tờ *Đời sống thợ thuyền*. Người chủ bút này rất đáng mến, ông bảo anh Nguyễn viết tin tức cho tờ báo của ông, và nói: “Anh không cần viết dài, năm, sáu dòng cũng được”. Anh hết sức vui sướng khi thấy bài viết đầu tiên của mình được đăng lên báo. Anh

đọc lại bài báo đã in, so sánh và sửa những chỗ viết sai. Khi thấy anh Nguyễn viết bằng tiếng Pháp đã bớt sai, ông chủ bút bảo anh Nguyễn: “Bây giờ anh viết dài hơn một tí, viết độ bảy, tám dòng.”

Dần dần, anh Nguyễn có thể viết cả một cột báo và có khi dài hơn. Ông chủ bút lại bảo: “Bây giờ anh hãy viết ngắn lại. Viết từng này hoặc từng này dòng. Không viết dài hơn”. Anh Nguyễn thấy phải rút ngắn cũng khổ như trước kia phải kéo dài. Nhưng anh hết sức cố gắng và anh đã thành công. Anh bắt đầu vào làng báo từ đó.

Về văn học, anh Nguyễn thích đọc Shakespeare và Dickens bằng tiếng Anh, Lỗ Tấn bằng tiếng Trung Hoa, Victor Hugo, Emile Zola, Anatole France bằng tiếng Pháp...

Đọc những truyện ngắn của Anatole France và của Léon Tolstoi, anh Nguyễn thấy hứng thú và tự nhủ: “Người ta chỉ cần viết điều gì người ta thấy và cần, bằng cách nắm lấy màu sắc và hoạt động của sự vật, như thế thì viết cũng không khó lắm.”

Truyện ngắn đầu tiên anh Nguyễn viết được đăng trên báo *Nhân đạo* làm hai kì. Anh Nguyễn tả đời sống thợ thuyền ở Paris mà cũng là đời sống của chính anh lúc đó. Tòa báo đã trả bài này một trăm quan. Thật là một số tiền lớn. Đó cũng là một thành công lớn về hai mặt: văn chương và tài chính. Thành công đầu tiên này khuyến khích anh Nguyễn viết những truyện ngắn

khác. Ngoài việc tả lại đời sống thợ thuyền Paris, anh thường viết về các thuộc địa và đặc biệt là về An Nam. Không có một lúc nào anh quên Tổ quốc mình đang bị giày xéo và đồng bào mình đang bị áp bức. Anh Nguyễn viết một quyển sách duy nhất là: *Bản án chế độ thực dân Pháp*, quyển này gồm những tài liệu chống thực dân Pháp dựa trên những tài liệu người Pháp viết lưu trữ tại Thư viện Quốc gia Paris. Trong đó, anh Nguyễn dành hẳn một chương viết về “*Nỗi khổ của người đàn bà bản xứ*”.

Trong thời gian ở Paris, anh Nguyễn sống rất cực khổ. Để kiếm tiền, anh Nguyễn làm nghề rửa ảnh và phóng ảnh. Cụ Phan Chu Trinh, nhà nhiếp ảnh Khánh Ký đã tích cực truyền nghề cho anh Nguyễn.

Thường thường, anh Nguyễn chỉ làm việc nửa ngày, làm buổi sáng để kiếm tiền, còn buổi chiều thì đến thư viện hoặc đến dự những buổi nói chuyện chính trị. Tối đến, anh đi dự mít-tinh ở Paris. Ở đây, anh đã làm quen với nhiều người như: Leon Blum, nhà văn Vaillant Couturier, giáo sư Marcel Cachin, nữ văn hào Colette.

Hầu hết trong những buổi mít-tinh này, anh Nguyễn đều phát biểu ý kiến. Anh Nguyễn khéo lái những vấn đề thảo luận sang vấn đề thuộc địa, đặc biệt là vấn đề nước An Nam.

Một lần, bác sĩ Coué nói về thuật thôi miên, nhiều người phát biểu ý kiến, người đồng ý, người phản đối.

Đến lượt mình, anh Nguyễn kịch liệt phản đối thuật thôi miên. Anh nói: “Thực dân Pháp đã thôi miên chúng tôi để đàn áp và bóc lột chúng tôi.”

Anh Nguyễn tham gia Hội Nghệ thuật và Khoa học, Hội Những người bạn của nghệ thuật. Những hội này mỗi tuần tổ chức các cuộc đi thăm viện bảo tàng, nhà máy, phòng thí nghiệm, xưởng nghệ thuật, nhà hát, v.v...

Anh Nguyễn vào cả Hội Du lịch, hội này đưa người ta đi thăm nước Pháp và những nước lân cận với giá tiền rất rẻ. Nhờ vậy, anh Nguyễn đã đi thăm nhiều nơi ở Pháp, ở Ý, Thụy Sĩ, Đức và Tòa Thánh Vatican.

Nhân những buổi mít-tinh, những buổi đi thăm hoặc du lịch, anh Nguyễn đã gặp những người cách mạng Algérie, Tunisie, Maroc... Cùng với họ, anh đứng ra tổ chức Hội Liên hiệp Thuộc địa ở Paris. Mục đích của hội này là tranh đấu để giải phóng các dân tộc thuộc địa, hoạt động của hội là tuyên truyền, tổ chức những buổi nói chuyện, những người dân các thuộc địa, và những người Pháp có cảm tình đông hơn người thuộc địa, họ phần lớn là công chức, thợ thuyền.

Anh Nguyễn đi họp và đi dự các buổi mít tinh của Hội rất đều. Anh là một người hăng hái đấu tranh cho việc giải phóng các dân tộc thuộc địa, không riêng dân tộc anh mà tất cả các dân tộc bị áp bức trên toàn thế giới.

Hội Liên hiệp Thuộc địa sống bằng tiền đóng góp của hội viên, mỗi hội viên đóng cho hội mỗi tháng ba franc Pháp, ngoài ra có những người hảo tâm ủng hộ tiền cho hội.

Theo luật sư Max Bloncourt, người đảo Guadeloup, thì một hôm anh Nguyễn và các anh trong Hội Liên hiệp Thuộc địa nảy ra ý kiến nên ra một tờ báo của Hội, một sáng kiến táo bạo nhưng cũng nảy sinh ra nhiều vấn đề khó khăn. Sau các anh quyết định ra báo, mọi người thảo luận và quyết định đặt cho báo một cái tên: *Le Paria* có nghĩa là “*Người cùng khổ*”. Đây là bước phát triển mới của Hội Liên hiệp Thuộc địa.

Ông Bloncourt hồi đó làm việc ở Paris nên hiểu pháp luật nhà nước Pháp. Anh em cử ông làm đơn xin ra báo. Ông phải đến tòa án, các bàn giấy của Pháp để làm mọi thủ tục và cuối cùng thì xin được phép ra báo *Người cùng khổ*. Hội không có nhiều tiền nên giao ước với nhau khi nào có tiền thì ra báo, cứ đủ tiền thì ra, có khi nửa tháng một kì, có khi một tháng một kì, không nhất thiết phải ra đều kì.

Tờ báo đã ra đời. Đây là một tờ báo khổ to, tên báo bằng chữ Pháp đặt ở giữa, tên báo bằng chữ Ả Rập đặt bên trái và bên phải là tên báo bằng chữ Hán do anh Nguyễn viết, giá báo là hai mươi lăm xu một số.

Mỗi kì ra báo, mỗi người đem bài viết của mình



Báo **Người cùng khổ** (*Le Paria*), Cơ quan ngôn luận của Hội Liên hiệp thuộc địa do Nguyễn Ái Quốc và một số nhà cách mạng sáng lập, phát hành trong những năm 1922-1926 (Số 24 tháng 4/1924)

đến, mọi người họp nhau lại đọc chung, sửa chung, rồi bàn nội dung cho số sau. Sau đó phân công người chịu trách nhiệm sắp xếp lại và lo việc xuất bản. Anh Nguyễn nhiều lần được cử phụ trách chữa bài và xuất bản. Anh hiền hòa và có tinh thần tương trợ, thấy ai đến lượt phải đi in báo nhưng bận việc hay mắc chuyện gia đình, anh

đã xung phong đi làm thay cho anh em.

Báo in xong được gói thành bó từ mười, hai mươi đến năm mươi tờ. Địa chỉ người nhận do anh Nguyễn viết tay. Rồi báo được đem ra bưu điện để gửi đi các nơi. Có những bó được gửi về Đông Dương, nhờ thủy thủ Pháp và An Nam trên các tàu biển chuyển giúp. Anh Nguyễn đã đóng góp rất nhiều cho tờ báo. Anh viết khỏe, có số tới hai, ba bài. Toàn bộ những bài báo của anh là bản án chủ nghĩa thực dân Pháp và là nguyện vọng giành độc lập tự do cho nhân dân An Nam và nhân dân các nước thuộc địa.

Ra tờ báo *Người cùng khổ*, anh Nguyễn rất bận. Anh vừa viết bài lại kiêm cả chủ nhiệm chủ bút, chữa bài, thủ quỹ, xuất bản và liên lạc.

Lúc đầu, anh Nguyễn gửi bán tại những cửa hàng nhỏ. Nhưng bán không chạy lắm, vì ở Paris có rất nhiều báo, người ta không thể đọc tất cả và mua tất cả. Vì vậy, anh Nguyễn phải mang báo đến các cuộc mít-tinh dân chúng, anh phát báo, leo lên diễn đàn và nói: “Các bạn thân mến, báo *Người cùng khổ* phát không, nhưng tôi hết sức cảm ơn nếu các bạn vui lòng quyên ít nhiều để giúp chúng tôi trả tiền in, một xu hay một quan, nhiều ít cũng tốt.”

Những người Pháp có lòng rộng rãi. Và luôn luôn, anh Nguyễn có thể thu tiền để trả những khoản phí tổn về báo và một đôi khi còn dư nữa.

Những người lao động ta ở Paris và ở các tỉnh mặc dầu một số lớn không biết đọc, cũng bí mật gửi tiền quyên góp cho báo.

Phần lớn những sinh viên ở Paris sợ tờ *Người cùng khổ*, không phải vì họ ghét, nhiều người lên đọc báo *Người cùng khổ*, nhưng vì họ sợ bị liên lụy.

Từ ngày có những yêu sách Việt Nam, rồi đến việc thành lập Hội Liên hiệp Thuộc địa và xuất bản tờ *Người cùng khổ*, các sinh viên thuộc địa bị kiểm soát nghiêm ngặt.

Một hôm, con trai của luật sư Bùi Quang Chiêu đến tòa báo, đặt lên bàn năm quan và nói: “Quyên cho báo” rồi chạy biến đi như bị ma đuổi.

Còn ở các thuộc địa, nhất là ở Đông Dương, ai đọc *Người cùng khổ* đều bị bắt. Mặc dầu tất cả những khó khăn ấy, tờ báo vẫn ra đều. Đây là một luồng gió mới thổi đến nhân dân các nước bị áp bức.

Việc xuất bản tờ *Người cùng khổ* là một vố đánh vào bọn thực dân. Lập tức có lệnh cấm không cho tờ báo vào các thuộc địa. Nhưng anh Nguyễn không chịu thua, anh nhờ thủy thủ có cảm tình chuyển báo đi các thuộc địa và dùng nhiều cách bí mật khác.

Mùa đông ở Paris rất lạnh. Tuyết rơi trắng xóa. Mỗi buổi sáng trước khi đi làm, anh Nguyễn để một viên gạch vào lò bếp của khách sạn, chiều đến, anh lấy viên

gạch ra, bọc nó vào trong những tờ báo cũ, để xuống nệm cho đỡ rét.

Từ ngày ra báo *Người cùng khổ*, nhiều người biết đến anh Nguyễn hơn, trong đó có Đào Nhật Vinh, thủy thủ tàu buôn Viễn Dương. Đào Nhật Vinh quen thân với anh Nguyễn khi anh còn là anh thủy thủ với tên Văn Ba (Nguyễn Tất Thành).

Sau chiến tranh 1914 - 1918, một cuộc chiến tranh rất tàn khốc, Đào Nhật Vinh xin thôi việc ở tàu Viễn Dương về thành phố Bordeaux của Pháp mở quán ăn bình dân. Mùa xuân 1918, Đào Nhật Vinh tìm thăm Nguyễn Tất Thành và gặp anh ở nhà ông Phan Văn Trường - số 6, phố Villa De Gambelin. Cụ Phan Chu Trinh cũng ở đó. Anh Thành rất mừng cho Đào Nhật Vinh đã có gia đình, mở quán bán hàng.

Anh Nguyễn Tất Thành vừa kiếm sống bằng nghề làm báo vừa hoạt động, trở thành nổi tiếng với tên Nguyễn Ái Quốc. Đào Nhật Vinh cũng đã tham gia nhóm Người Việt Nam yêu nước tại Bordeaux. Vinh làm ăn khá khá. Thỉnh thoảng Đào Nhật Vinh lại lên Paris thăm anh Nguyễn và ủng hộ vào *Quỹ hoạt động báo chí* của anh Nguyễn.

Rồi một hôm, chủ nhật ngày 20 tháng Một năm 1921, Đào Nhật Vinh từ Bordeaux lên Paris tráng lệ, đèn như sao sa, vào ngõ Compoint tù mù vàng vọt. Lên cầu

thang, bước tới cửa phòng anh Nguyễn, mùi hương từ trong phòng thơm ngát! Một cảm giác khác lạ. Phòng anh Nguyễn gợi nhớ về quê hương đất nước, nhớ nhà.

Nghe tiếng gõ cửa, anh Nguyễn hé từ từ cánh cửa phòng, thấy Vinh, anh mừng rỡ kêu lên: “Ồ, chú Vinh, vào đi chú”. Vinh bồi hồi nhìn vào cái bàn bên cửa sổ, nơi anh Nguyễn làm việc thường ngày đang có bàn thờ, hương nghi ngút, ngọn nến sáng lắt lay bên con gà ngậm bông hoa râm bụt ấp trên đĩa xôi... anh Nguyễn giọng buồn ngủi: “Hôm nay là ngày giỗ mẹ anh. Hai mươi năm về trước, cũng vào ngày chủ nhật, mồng 10 tháng Hai năm 1901, là ngày 22 tháng Chạp năm Canh Tý mẹ anh qua đời.”

Nói tới đó, anh im lặng. Vinh bật khóc, níu cánh tay anh Nguyễn. Anh trầm giọng: “Bấy giờ nhà anh ở ngõ Đông Ba, Thành Nội, Kinh đô Huế, cha cùng anh cả đi công việc tận ngoài tỉnh Thanh chưa về.” Anh Nguyễn xiết chặt bàn tay Vinh, nén xúc động.

Vinh đứng lên, định ra phố sắm lễ vật vì không biết ngày này là ngày giỗ thân mẫu của anh Nguyễn. Anh Nguyễn giữ Vinh lại, bảo: “Chú ở từ phương xa đến đúng lúc anh có giỗ mẹ là tâm hương thành lễ, không nhất thiết phải có lễ vật.”

Vinh bái lễ thân mẫu của anh Nguyễn.

Hương tàn! Nến tắt. Hai anh em ngồi vào bàn ăn.

Anh Nguyễn phân trần: “Ở đây không có gà giò như bên ta. Anh phải nhờ người mua con gà này giống gà xứ Pyrénée. Còn cái món cơm nếp, lâu ngày quên cũ, nước hơi nhiều, bị nát. Từ ngày đi xa Tổ quốc, lần này ngày giỗ mẹ chẵn hai mươi năm, anh mới bày biện một chút lễ bạc lòng thành cúng mẹ, còn hằng năm anh chỉ là tâm hương tưởng niệm.”

Đến thăm anh Tất Thành ngày ấy, Đào Nhật Vinh còn nhớ mãi.

Báo *Người cùng khổ* xuất bản từ năm 1922 đến 1924, tất cả được ba mươi tám số. Anh Nguyễn đã đóng góp rất nhiều cho tờ báo. Lời văn anh sắc sảo, tư tưởng rõ ràng và mạnh mẽ: Đấu tranh đến cùng chống chủ nghĩa thực dân Pháp. Ở nhiều số, không những anh viết bài mà anh còn vẽ tranh châm biếm nữa để đả kích chế độ thực dân. Tất cả những bài và tranh kí tên Nguyễn Ái Quốc trên báo *Người cùng khổ* đều mang một màu sắc đặc biệt, đó là tinh thần đấu tranh cách mạng triệt để và quyết tâm chống chủ nghĩa thực dân.

Những hoạt động của anh Nguyễn khiến bọn thực dân muốn bỏ tù anh, vì hoạt động của anh làm chúng khó chịu. Nhưng chúng sợ xảy ra dư luận không tốt. Anh Nguyễn quen biết hầu hết các nghị viên và luật sư Đảng Xã hội, họ sẵn sàng bênh vực anh Nguyễn. Và lại, anh Nguyễn không làm điều gì phạm pháp, bảo vệ Tổ

quốc, tố cáo tội ác của thực dân, ở Pháp điều đó không phải là phạm tội, dù ở Đông Dương, đó là một tội đáng tử hình.

Mặc dầu nguy hiểm, anh Nguyễn vẫn muốn trở về nước. Bây giờ, anh Nguyễn tạm hiệu cách tổ chức và tuyên truyền. Anh Nguyễn luôn nghĩ và mơ đến Tổ quốc mình.

Theo lệ thường, cứ đến chiều thứ bảy, những đồng chí Sénégal, Maroc, Algérie, Madagascar, v.v... đến tòa báo *Người cùng khổ* để thảo luận về những bài viết cho số báo sau. Ngày hôm ấy, họ thấy tòa báo đóng cửa. Họ gõ cửa, không thấy ai trả lời. Người ta bắt đầu ngạc nhiên và bàn bạc.

- Có lẽ anh Nguyễn ốm chăng?

- Không, nếu anh ốm thì anh đã báo cho chúng ta biết.

- Hoặc bị bắt chăng?

- Không thể. Chúng nó không dám làm như thế ở Paris.

- Có lẽ anh bận đi việc gì!

- Anh Nguyễn sẽ để lại cho chúng ta một chữ.

- Anh Nguyễn thường làm như thế.

- Như vậy chúng ta đợi một lát.

- Không cần. Chúng ta đến nhà ông Bloncourt.

Anh Nguyễn thường đến nhà ông Bloncourt. Bà

vợ ông coi anh Nguyễn như anh em. Anh Nguyễn rất yêu hai đứa con ông, một cháu gái tám tuổi tên Alice, một cháu trai bốn tuổi tên Paul và cũng được chúng rất mến.

Những người bạn gặp ông Bloncourt trong phòng khách cùng vợ và hai con. Hai vợ chồng có vẻ buồn. Hai đứa trẻ khóc.

- Gì thế? - Những người bạn hỏi ông Bloncourt.

Bà Bloncourt gạt nước mắt chỉ mảnh giấy gấp để trên bàn và nói:

- Các bạn đọc đi sẽ biết.

Những người bạn vội vã quây quanh bàn. Bác sĩ R. người Maroc cầm bức thư và nói ngay: "Thư Nguyễn, tôi biết nét chữ của anh", và ông đọc to, trong khi mọi người hết sức chú ý lắng nghe:

"Các bạn thân mến,

Bao lâu nay chúng ta làm việc với nhau. Mặc dầu chúng ta là những người khác nước, khác tôn giáo, chúng ta đã thân yêu nhau như anh em.

Chúng ta cùng chịu chung một nỗi đau khổ. Sự bạo ngược của chế độ thực dân. Chúng ta đấu tranh vì một lí tưởng chung: Giải phóng đồng bào chúng ta và giành độc lập cho Tổ quốc chúng ta.

Trong cuộc chiến đấu này, chúng ta không đơn độc

vì chúng ta có tất cả dân tộc của chúng ta ủng hộ và vì những người Pháp dân chủ, những người Pháp chân thành, đứng bên cạnh chúng ta.

Công việc chung của chúng ta, Hội Liên hiệp Thuộc địa và tờ báo Người cùng khổ đã có những kết quả tốt. Nó đã làm cho nước Pháp, nước Pháp chân chính biết rõ những việc xảy ra trong các thuộc địa. Làm cho nước Pháp hiểu rõ bọn cá mập thực dân đã lợi dụng tên tuổi và danh dự của nước Pháp để gây nên những tội ác không thể tưởng tượng được. Nó đã thức tỉnh đồng bào chúng ta. Đồng thời nó cũng khiến cho đồng bào chúng ta nhận rõ nước Pháp, nước Pháp tự do bình đẳng và bác ái. Nhưng chúng ta còn phải làm nhiều hơn.

Chúng ta phải làm gì?

Chúng ta không thể đặt vấn đề này một cách máy móc. Điều đó tùy hoàn cảnh của mỗi dân tộc chúng ta.

Đối với tôi, câu trả lời đã rõ ràng: Trờ về nước, đi vào quần chúng, thức tỉnh họ, tổ chức họ, đoàn kết họ, huấn luyện họ, đưa họ ra đấu tranh giành tự do, độc lập.

Có lẽ một vài người trong các bạn cũng phải và có thể làm như tôi. Còn các bạn khác thì tiếp tục công việc hiện thời của chúng ta: củng cố Hội Liên hiệp Thuộc địa và phát triển tờ báo Người cùng khổ của chúng ta.

Các bạn thân mến,

Tôi từ giã các bạn. Tôi xa các bạn, nhưng lòng tôi luôn luôn gần các bạn.

Các bạn tha lỗi cho tôi không hôn các bạn trước khi đi. Các bạn biết rằng tôi bị theo dõi riết.

Khi các bạn được thư này, Nguyễn của các bạn ít nhất cũng đã xa nước Pháp hai mươi bốn giờ rồi.

Dại, người đồng hương của tôi, sẽ giao lại cho ông B. chìa khóa của tòa báo, giấy tờ và tài liệu của hội và của tờ báo; cũng như quỹ của tờ báo. Tôi đã trả tiền thuê nhà cho tòa báo đến cuối năm. Tiền in cũng đã thanh toán. Chúng ta không mắc nợ ai. Sổ thư viện ở trong ngăn kéo bên phải. Sách cho mượn để lấy về, trừ sách cho những hội viên đi nghỉ mượn.

Nói tóm lại, các việc đều đầu vào đầy trước khi tôi đi.

Tôi sẽ viết thư cho các bạn. Nhưng tôi không dám hứa với các bạn, vì không phải dễ viết thư khi người ta hoạt động bí mật. Dù tôi có viết thư cho các bạn hay không, các bạn hãy tin chắc rằng lòng tôi luôn luôn yêu các bạn. Nhờ các bạn bắt tay những người Pháp của chúng ta.

Bây giờ, một vài lời với cháu trai và cháu gái.

Các cháu rất yêu chú và chú cũng rất yêu các cháu, phải không các cháu? Chú sẽ nói với những người bạn nhỏ Việt Nam là các cháu rất ngoan. Chú sẽ thay mặt các cháu bắt tay các bạn nhỏ Việt Nam.

Có lẽ rất lâu, các cháu sẽ không được thấy chú Nguyễn, không được leo lên đùi, lên lưng chú như các cháu thường làm. Và cũng rất lâu, chú sẽ không thấy cô Alice và cậu Paul của chú. Khi chú cháu mình gặp nhau, có lẽ chú đã già, các cháu đã lớn bằng ba và má. Điều đó không ngại gì. Chú sẽ luôn luôn nhớ đến các cháu. Các cháu luôn luôn vẫn là cô bé Alice và cậu bé Paul thân yêu của chú.

Các cháu ngoan. Học thuộc bài. Vâng lời cha mẹ. Đừng đánh con chó nhỏ Marius của các cháu. Khi các cháu đã hơi lớn, các cháu sẽ đấu tranh cho Tổ quốc của các cháu cũng như ba má, chú Nguyễn và những chú khác.

Các cháu nhỏ thân yêu của chú, chú hôn các cháu rất kêu. Các cháu hôn mẹ hộ chú.

Chú Nguyễn

Anh Nguyễn không nói cho các bạn biết là anh đi đâu. Mọi người cũng không hỏi vì biết cần giữ bí mật. Nhưng một vài người đoán có lẽ anh Nguyễn đi Moskva.

CHƯƠNG 2

Bác Hồ trên đường cứu nước

Đúng là như vậy. Năm 1923, ông Nguyễn đã đến Moskva. Hôm đó, trời Moskva rất lạnh, tuyết xuống nhiều, phủ một lớp dày trên chiếc tàu Xô viết. Chiếc tàu vừa thả neo trước cửa biển Leningrad. Vị thuyền trưởng đưa cho một người Á Đông trẻ tuổi một bộ áo quần lông và vừa nói vừa cười: “Anh tạm dùng, trả lại tôi khi nào anh không cần đến nữa.”

Người Á Đông trẻ tuổi cảm ơn, mặc áo quần ấm và chờ đợi.

Hai người thủy thủ trẻ tiến đến và nói với người ấy: “Nếu anh cho phép, chúng tôi đưa anh đến trụ sở.” Người Á Đông bắt tay các cán bộ và thủy thủ trên tàu.

Đến trụ sở thì một cán bộ ra tiếp, mời ngồi, mời một điều thuốc lá Nga, dài bằng hai ngón tay, và hỏi:

- Xin đồng chí cho biết tên.

- Tôi là Nguyễn.
- Đồng chí muốn đi đâu?
- Tôi muốn đến đây, đến Nga.
- Đến có việc gì, đồng chí vui lòng cho biết?
- Để gặp đồng chí Lenin.
- Theo lời thuyền trưởng, đồng chí đi tàu không có giấy phép.
- Đúng, tôi đi bí mật.
- Và đồng chí cũng không có giấy tờ gì cả?
- Không.
- Đồng chí có biết ai ở đây không?
- Ở Paris, tôi có biết những sinh viên người Nga là Mikailovsky, Pestoro, v.v...
- Tôi muốn nói một người nào hiện nay ở Nga?
- Tôi biết mấy đồng chí Pháp hiện nay ở Moskva.
- Những đồng chí nào?
- Đồng chí Cachin và đồng chí Couturier.
- Đồng chí quen hai đồng chí ấy không?
- Có.
- Đồng chí có muốn viết thư cho họ không?
- Tôi rất muốn.
- Thế đồng chí viết thư đi, tôi sẽ chuyển.

Ông Nguyễn viết thư, và đưa cho người cán bộ. Người cán bộ nói:

- Cám ơn! Bây giờ tôi sẽ dẫn đồng chí đến khách sạn. Đồng chí sẽ ở đây chờ thư trả lời.

Ông Nguyễn được dẫn đến khách sạn Quốc tế. Ở đây ông Nguyễn được ăn ngủ tử tế, mặc dầu lúc bấy giờ nước Nga còn thiếu thốn mọi thứ.

Sau những ngày đi tàu sóng gió, ông Nguyễn rất bằng lòng được ở một căn phòng rộng rãi, ăn uống đầy đủ, sách báo không thiếu.

Ông Nguyễn bắt đầu học tiếng Nga.

Hai ngày sau, một người Pháp trẻ tuổi, Paul đến tìm ông Nguyễn. Đây là một người bạn thân của ông Nguyễn. Vừa thấy nhau, hai người ôm choàng lấy nhau và hôn nhau.

- Anh đấy ư? - Paul hỏi.

- Vâng tôi đây. - Ông Nguyễn trả lời.

- Anh làm thế nào mà đến đây được?

- Như thường lệ thôi, bằng cách bí mật.

- Anh đến đây vào lúc đang buồn. Lenin vĩ đại vừa mới mất.

Hai người bạn im lặng một lát, buồn rầu. Rồi Paul nói tiếp:

- Anh thấy xứ này như thế nào?

- Tôi thấy rất rét. Ngoài ra không biết chuyện gì khác, vì tôi đã hứa với người cán bộ là không ra khỏi khách sạn.

- À! Đúng thế, ở đây rất nghiêm ngặt, vì có nhiều do thám ngoại quốc tìm cách lọt vào nước này.

- Còn anh, Paul, anh làm gì ở đây?

- Suýt nữa tôi quên nói cho anh biết nhiệm vụ của tôi. Chính bác Cachin đã bảo tôi đến đây xem có đúng anh không, và đưa anh đến Moskva.

- Thế thì chúng ta đi ngay. Tôi không muốn mất nhiều thì giờ ở khách sạn này mặc dầu thịt rán và thuốc lá rất ngon.

Đó là ngày 30 tháng Sáu năm 1923, tuổi ngoài ba mươi, Nguyễn Ái Quốc đến đất nước Lenin để khảo sát “con đường Lenin” và cuộc sống ở đó. Hồi đó có người cho nước Nga là một địa ngục, có người bảo nước Nga là một thiên đường. Đối với ông Nguyễn, nước Nga nhất định không phải là một địa ngục, nhưng lúc bấy giờ cũng chưa phải là một thiên đường, mà là một nước đang xây dựng có nhiều ưu điểm, nhưng tất nhiên chưa kịp sửa chữa hết những khuyết điểm. Đây đó, người ta còn thấy những vết thương do chiến tranh để lại như những cảnh trẻ mồ côi, thiếu nhà ở, thiếu lương thực, v.v... Song, những vết thương đang hàn gắn dần dần. khắp nơi người ta phấn khởi, hăng hái làm việc.



Nguyễn Ái Quốc ở Liên Xô (1923)

Nguyễn Ái Quốc ở Liên Xô (1923)

Vừa xem xét vừa nghiên cứu nước Nga, ông Nguyễn không quên đây là một nước đã trải qua bốn năm chiến tranh thế giới và một năm nội chiến, những cuộc chiến tranh đã làm tổn thương đến tận cơ sở.

Ông chú ý nhất đến chế độ xã hội của nước Nga. Ở đây, mọi người ra sức học tập, nghiên cứu để tiến bộ. Chính phủ giúp đỡ, khuyến khích nhân dân học tập. Ở đâu cũng thấy trường học. Các nhà máy đều có lớp học, ở đây con em thợ thuyền có thể học nghề, thợ không lành nghề có thể học để trở thành lành nghề, thợ lành nghề có thể học để trở thành kĩ sư. Như thế, nhà máy tự đào tạo lấy cán bộ chuyên môn của mình. Đây là một chế độ rất hay. Trong những nông trường tập thể, Chính phủ cho mượn máy cày, mọi người làm chung và chia sản phẩm theo công làm của mỗi người.

Ở đất nước này, cái gì tốt nhất đều dành cho trẻ em. Nếu nước Nga chưa phải là một thiên đường cho tất cả mọi người, thì nước Nga đã là một thiên đường cho trẻ em.

Thiên đường của trẻ em này không làm cho ông Nguyễn quên Tổ quốc Việt Nam. Trái lại, ông càng nghĩ nhiều hơn đến trẻ em nước nhà, ông cũng muốn làm cho chúng sung sướng, mạnh khỏe như những trẻ em em Nga.

Ngày khai mạc Đại hội Nông dân Quốc tế lần thứ

nhất, ông Nguyễn đi hàng đầu cùng một trăm sáu mươi đại biểu quốc tế của một trăm bốn mươi nước về dự Đại hội. Nhân dân Moskva đứng hai hàng hoan hô các đại biểu quốc tế. Ông Nguyễn là đại biểu của Việt Nam và các nước thuộc địa toàn thế giới. Ông đã được Đại hội bầu là ủy viên Đoàn Chủ tịch Quốc tế Nông dân.

Tiếp đó, ông lại là đại biểu của Đông Dương và phong trào thuộc địa đi dự Đại hội Quốc tế Phụ nữ, Đại hội Quốc tế Thanh niên lần thứ tư, Đại hội Quốc tế Công đoàn, Đại hội Quốc tế đỏ. Ở Đại hội nào ông cũng có một ảnh hưởng đặc biệt trên diễn đàn.

Gần tròn một năm sống trên đất nước Lenin, ông đã dành nhiều thời gian nghiên cứu các trước tác của Lenin và của các nhà khai sáng chủ nghĩa xã hội khoa học. Ông đi vào các nhà máy, đến những nông trường, nông trang tập thể, tiếp xúc với các tổ chức để tìm hiểu. Ông viết bài cho tạp chí *Thư tín Quốc tế*, Ban Bí thư Quốc tế Cộng sản và Bộ Biên tập tạp chí mời ông viết thường xuyên cho tạp chí, họ coi ông là chuyên gia về châu Á, về vấn đề thuộc địa và giải phóng dân tộc. Ông đặc biệt quan tâm đến vị trí của Thái Bình Dương. Ông viết: “Vì đã trở thành một trung tâm mà bọn đế quốc tham lam đều hướng cả vào nhòm ngó, nên Thái Bình Dương tương lai có thể trở thành một lò lửa của chiến tranh thế giới.”

Ngày 17 tháng Sáu năm 1924, ông Nguyễn lại có mặt

trong đoàn gồm năm trăm linh tư đại biểu của bốn mươi chín Đảng Cộng sản Quốc tế và Đảng Công nhân toàn thế giới dự Đại hội lần thứ năm Quốc tế Cộng sản họp tại điện Kremlin. Ông là đại biểu duy nhất của phong trào thuộc địa. Bản tham luận của ông đã khiến toàn thể Đại hội quan tâm đến vấn đề giải phóng dân tộc. Các cuộc đấu tranh ở các nước thuộc địa đã được đặt lên hàng nhiệm vụ quan trọng của Quốc tế Cộng sản.

Sau Đại hội, ông Nguyễn được Ban chấp hành Quốc tế Cộng sản cử làm Ủy viên thường vụ Bộ Phương Đông, trực tiếp phụ trách Cục Phương Nam Á châu.

Ông Nguyễn tính đến con đường trở về nước. Ông nhớ lại, hồi ở Pháp, một hôm toàn quyền Albert Sarraut đã nói với ông: “Nước Pháp rất khoan hồng. Nước Pháp rất muốn làm những việc cải cách. Nhưng nước Pháp sẽ không tha thứ cho người nào từ Paris đến Moskva, lại từ Moskva đến Quảng Châu và từ Quảng Châu đến Đông Dương kiếm cách gây những sự rối loạn.”

Mặc những lời đe dọa của Sarraut, ông Nguyễn vẫn tìm đường qua Trung Quốc để về nước.

* * *

Sang Trung Quốc, ông Nguyễn bắt đầu đi bán thuốc lá, bán báo để sống. Khi mới đặt chân đến Trung Quốc, ông Nguyễn đã nghe thấy tiếng vang của một việc xảy

ra ở Quảng Châu. Một thanh niên cách mạng An Nam, Phạm Hồng Thái, đã ném bom vào Merlin khi tay này đến Sa Diện, một tô giới quốc tế gần Quảng Châu. Merlin thoát chết nhưng chiến sĩ, liệt sĩ Phạm Hồng Thái phải tự vẫn trên sông Châu Giang.

Sau Đại chiến thế giới lần thứ nhất, thực dân Pháp càng ra sức bóc lột Đông Dương. Toàn thể nhân dân đau khổ vì sự bóc lột đó. Thuế má và tạp dịch tăng lên. Ruộng đất của nhiều làng bị bọn chủ đồn điền Pháp chiếm đoạt. Pháp thi hành chính sách gây nạn đói để làm nông dân bần cùng. Giai cấp tư sản và giai cấp tiểu tư sản An Nam bị nghẹt thở vì sự áp bức nặng nề của tư bản thuộc địa. Một giai cấp thợ thuyền mới ra đời.

Năm 1885, phong trào Cần Vương của sĩ phu yêu nước khởi phát và lan rộng. Tiếp đó, các phong trào ái quốc, các cuộc khởi nghĩa chống Pháp liên tiếp nổ ra. Chỉ có một quãng ngắn thời gian tạm yên sau Đại chiến lần thứ nhất. Và bây giờ tiếng bom của Phạm Hồng Thái đã nhóm lại ngọn lửa chiến đấu.

Trung Quốc cũng bị các tập đoàn quân phiệt “chia sẻ”, bọn này được đế quốc giúp đỡ. Nhưng lòng yêu nước của nhân dân Trung Quốc bắt đầu thức tỉnh. Lời kêu gọi của bác sĩ Tôn Dật Tiên làm dấy lên một phong trào dân tộc vĩ đại. Trước hết là cuộc đấu tranh chống Nhật, liên hợp tất cả các giai cấp trong nước. Sau đó

là sự tẩy chay Anh ở Hương Cảng do công nhân phát động. Rồi đến quân đội Bắc phạt chống bọn quân phiệt để thống nhất Trung Hoa do bác sĩ Tôn Dật Tiên và những người đồng chí của ông lãnh đạo.

Ông Nguyễn tin vào cuộc vận động này.

Đọc quảng cáo trên tờ Quảng Châu nhật báo, ông tìm đến làm phiên dịch cho ông Borodin, cố vấn chính trị của bác sĩ Tôn Dật Tiên và của Chính phủ Quảng Châu. Ông dịch những tờ báo Trung Quốc ra tiếng Anh. Và để hết tâm lực nghiên cứu chính trị Trung Quốc.

Ba nguyên tắc của bác sĩ Tôn Dật Tiên là:

- Dân tộc độc lập.
- Dân quyền tự do.
- Dân sinh hạnh phúc.

Vừa làm việc để sống, ông Nguyễn vẫn ra sức làm việc cho Tổ quốc mình. Ông bắt đầu tổ chức đồng bào Việt kiều ở Trung Quốc. Tổ chức này gọi là Hội Việt Nam Thanh niên Cách mạng đồng chí.

Để tuyên truyền, ông xuất bản một tờ tuần báo: *Thanh niên*.

Được sự cộng tác của Đảng Cộng sản Trung Quốc, ông Nguyễn tổ chức Hội Liên hiệp các dân tộc bị áp bức Á Đông.

Trong tổ chức này có người An Nam, người Triều Tiên, người Indonesia, v.v...

Đoàn thể này giống Hội Liên hiệp Thuộc địa mà ông Nguyễn đã tổ chức ở Paris.

Được sự cộng tác của Đảng Cộng sản Trung Quốc, quân đội cách mạng của bác sĩ Tôn Dật Tiên đi từ thắng lợi này đến thắng lợi khác. Bọn quân phiệt lần lượt bị đánh bại. Trong một thời gian ngắn, Chính quyền Quốc dân Đảng Quảng Châu đã lan rộng khắp nửa Trung Quốc.

Hoạt động của Hội Việt Nam Thanh niên Cách mạng đồng chí bắt đầu lan vào trong nước.

Tài liệu và báo chí của ông Nguyễn bí mật lọt vào nước rất khó khăn do bọn thực dân làm to chuyện để yêu cầu đàn áp. Nhưng chính vì vậy đồng bào càng chú ý, càng thích được nghe tuyên truyền cách mạng.

Hơn nữa, thực dân Pháp đã phạm một sai lầm là bắt nhà lão sĩ yêu nước Phan Bội Châu, lúc bấy giờ ở Trung Quốc, và muốn kết án tử hình cụ Phan. Tất cả nhân dân An Nam nổi dậy chống lại vụ án này và yêu cầu trả tự do cho cụ Phan. Chưa bao giờ có một phong trào quần chúng rộng rãi như vậy. Đây là một dịp tốt cho ông Nguyễn tuyên truyền chủ nghĩa yêu nước.

Muốn ru ngủ và lung lạc người An Nam, thực dân

Pháp cử Alexandre Varenne, đảng viên Đảng Xã hội Pháp làm toàn quyền Đông Dương.

Nhưng Varenne ngay từ đầu đã thi hành chính sách hết sức phản động. Người An Nam sớm tỉnh ngộ, do vậy, càng sẵn sàng đáp lại lời kêu gọi của ông Nguyễn: “Muốn tự giải phóng, phải trông vào lực lượng của chính mình.”

Nhà ái quốc Phan Chu Trinh ở Pháp trở về Việt Nam. Về được một năm thì cụ mất. Từ Bắc chí Nam, nhân dân ta tổ chức đám tang rất lớn. Bọn cầm quyền Pháp can thiệp cấm những cuộc truy điệu và bắt bớ những thanh niên, sinh viên hăng hái nhất trong cuộc vận động đó. Sự can thiệp này đã thổi lên ngọn lửa yêu nước và một lần nữa giúp cho sự tuyên truyền yêu nước của ông Nguyễn và của Hội Thanh niên. Ông Nguyễn mở những lớp đào tạo cán bộ ở Quảng Châu. Học xong, những lớp thanh niên này lại bí mật về nước truyền bá lí luận giải phóng dân tộc, tổ chức nhân dân.

Thực dân Pháp ở Đông Dương thù ghét phong trào cách mạng Trung Quốc. Họ sợ mất quyền lợi của họ ở ba tỉnh: Quảng Đông, Quảng Tây và Vân Nam.

Phong trào dân tộc Trung Quốc có lợi cho cuộc vận động cách mạng An Nam. Mặc dầu chịu sự kiểm soát chặt chẽ của thực dân Pháp, những chi bộ Hội Việt Nam

Thanh niên Cách mạng đồng chí vẫn thành lập trong khắp nước.

Năm 1927, khủng hoảng chính trị nổ ra trong nội bộ Quốc dân Đảng. Cuộc Bắc phạt thu nhiều thắng lợi. Chính phủ Quảng Châu trở thành Chính phủ của toàn Trung Quốc và dời đến Nam Kinh. Quốc dân Đảng phản động bắt đầu khủng bố Đảng Cộng sản và công-nông.

Mặc dầu ông Nguyễn chỉ chuyên chú đến phong trào An Nam, Chính phủ Quốc dân Đảng nghi ngờ ông, và muốn ám hại ông. Ông Nguyễn không thể ở lại Trung Quốc được nữa.

* * *

Ở Trung Bộ nước Xiêm, gần sông Mê Nam, có một xóm người Việt. Đây là những người nông dân và những người bán hàng rong. Người thì cấy lúa, trồng khoai. Người thì đi bán diêm, vải, thuốc men .v.v...

Họ có một nhà trường để dạy tiếng Xiêm và tiếng mẹ đẻ cho con em họ. Ở giữa phòng học, trên cao treo ảnh vua Xiêm. Thấp hơn một tí, treo ảnh Phạm Hồng Thái. Những người Việt này là những người yêu nước. Họ tôn kính người thanh niên yêu nước đã hi sinh tính mạng vì Tổ quốc.

Mỗi ngày, công việc xong, họ họp nhau trong sân

trường. Đàn ông, đàn bà và trẻ con ngồi thành vòng tròn. Một người cán bộ gầy gò, đứng dậy và với một giọng chậm rãi rõ ràng, đọc cho họ nghe một bài báo hoặc một chương sách. Mọi người yên lặng nghe. Khi người này đọc xong, anh hỏi mọi người đã hiểu chưa và anh giải thích những điểm chưa được rõ.

Buổi họp xong, họ hát những bài ca yêu nước. Các cụ già kể chuyện chiến tranh du kích. Đây là những người du kích đã chống Pháp dưới sự lãnh đạo của cụ Phan Đình Phùng hoặc cụ Hoàng Hoa Thám. Họ trốn sang Xiêm để tránh sự bắt bớ của người Pháp. Thỉnh thoảng, người cán bộ thường đọc sách báo lại đi vắng. Vai đeo bị, như những người đi buôn hàng rong, anh ấy đi đến những nơi có Việt kiều, để tuyên truyền và tổ chức.

Người Xiêm mộ đạo Phật và rất hiền lành. Đến tuổi nào đó, con trai phải đi tu ở chùa mấy tháng. Vì vậy trong nước có hàng ngàn nhà sư. Sư rất được nhân dân kính trọng và được nhân dân nuôi. Mỗi ngày họ chỉ ăn một bữa, vào mười giờ sáng. Chị em mang cơm đến chùa. Sư cứ việc ăn không cảm ơn ai. Họ chỉ cảm ơn Phật Tổ. Khi sư ăn xong, cơm rau còn lại khách qua đường có thể ăn.

Nhờ thế mà ông Nguyễn, người cán bộ thường giảng dạy sách báo, và những người bạn của ông có thể đi đường không tốn tiền cơm.

Ngoài việc cuốc đất, đi buôn, ông Nguyễn còn làm công việc tuyên truyền và tổ chức. Hội Thân ái Việt Nam thành lập, tờ báo *Thân ái* được xuất bản.

Những năm 1930, ở trong nước, Việt Nam Thanh niên Cách mạng đồng chí Hội có chi bộ khắp nơi.

Phong trào bí mật lan rộng, bọn thực dân Pháp càng ra sức đàn áp; chúng thẳng tay bóc lột, cướp ruộng đất của nông dân làm đồn điền. Hàng vạn người bị bắt ép làm công trong các đồn điền đó. Đời sống của họ cực khổ như nô lệ thuở xưa. Bọn chủ có quyền bắt nông dân nhịn đói, bỏ tù. Những người không chịu nổi bỏ trốn thì bị bọn chủ bắn chết.

Nhiều nông dân khác bị đưa đi Tân Đảo hoặc những thuộc địa khác của Pháp.

Giữa những cơ cực ấy, tên thực dân Pháp Bazin bị một sinh viên An Nam bắn chết. Tên này đã mộ phu cho các đồn điền Pháp ở Nam Bộ và ở châu Úc, một tên buôn người. Ông Nguyễn không tán thành những hành động khủng bố cá nhân. Sau vụ Bazin, bọn thực dân Pháp càng ra tay khủng bố, chúng bắt bớ hàng loạt, giam cầm, tra tấn, kết án tử hình những người chống lại chúng.

Ông Nguyễn vẫn bí mật hoạt động; ngoài một nhóm đồng chí của ông, nhiều người khác chỉ nghe tiếng mà không biết ông Nguyễn là ai, ở đâu.

Những ngày này, Tân Việt và Việt Nam Thanh niên Cách mạng đồng chí Hội đã gặp nhau và chuẩn bị thống nhất lại.

Nhưng Việt Nam Thanh niên Cách mạng đồng chí Hội lại chia ra làm hai nhóm. Mỗi nhóm tổ chức thành một Đảng Cộng sản. Như vậy ở Việt Nam có ba tổ chức Cộng sản.

Về đến Trung Quốc, ông Nguyễn triệu tập lãnh tụ của các nhóm và nói với họ đại ý như sau:

“Vô sản các nước còn phải liên hiệp lại, hướng chi vô sản trong nước. Vì vậy, Việt Nam không thể có ba Đảng Cộng sản.

Chúng ta phải đoàn kết giai cấp, đoàn kết toàn dân đấu tranh giải phóng dân tộc, giải phóng giai cấp. Để đạt mục đích ấy, phải thống nhất tổ chức thành một đảng, chính cương của nó phải là:

- Dân tộc độc lập.
- Nhân dân tự do.
- Dân chúng hạnh phúc.
- Tiến tới chủ nghĩa xã hội.”

Thời kì này, nội dung hoạt động của Tân Việt cũng không còn phù hợp nữa. Đảng phải đổi tên là Đông Dương Cộng sản liên đoàn.

Tháng Hai năm 1930, các Đảng Cộng sản đã thống nhất lại thành Đảng Cộng sản Việt Nam, sau đổi tên là Đảng Cộng sản Đông Dương.

Thực dân Pháp tiếp tục chính sách khủng bố. Nhưng nhờ có cương lĩnh mới dẫn đường, nên những người cách mạng làm việc rất hăng hái. Đến tháng Tư năm 1930, thợ thuyền nhà máy sợi Nam Định bãi công, đòi tăng lương và bỏ chế độ đánh đập thợ dã man. Bọn chủ Pháp trả lời bằng cách bắt bớ những người lãnh đạo cuộc bãi công. Thợ thuyền liền tổ chức bãi công, tuần hành thị uy trên đường phố. Phong trào lan khắp các thành phố từ Nam đến Bắc, yêu cầu:

- Giảm thuế.
- Tự do dân chủ.
- Thả tù chính trị.
- Ngừng khủng bố.

Tại Nghệ An, hàng trăm công nhân Trường Thi, Bến Thủy bãi công, biểu tình, đòi tự do dân chủ. Cuộc khởi nghĩa Xô viết Nghệ Tĩnh đã nổ ra. Nhân dân hai tỉnh đã lật đổ chính quyền. Họ tuyên bố độc lập và thi hành tự do dân chủ. Những Ủy ban huyện, Ủy ban xã được dựng lên. Bãi bỏ thuế thân và thuế chợ. Phong trào kéo dài từ tháng 4 năm 1930 đến tháng 5 năm 1931.

Nhưng bọn thực dân Pháp đã đàn áp dã man.

Chúng mang máy bay ném bom vào đám người tuần hành để thị uy, bắt bớ, bỏ tù và giết chóc hàng loạt.

Chúng đã chìm phong trào cách mạng trong bể máu.

Ở nước ngoài, những hoạt động của ông Nguyễn dù hết sức cẩn thận vẫn không thể hoàn toàn giữ bí mật. Ở đâu có người Việt là có tổ chức trường học cho trẻ em. Ở đâu có trường học là nơi đó cha mẹ tụ họp để nghe đọc báo và bàn bạc công việc. Nạn cò bạc bớt hẳn. Người lớn giúp nhau công việc. Trẻ em không ngỗ nghịch nữa. Nạn mù chữ dần dần thanh toán hết. Có một sự thay đổi lớn trong những người Việt kiều ở Xiêm.

Thoạt tiên người Pháp nghi ngờ, và về sau chúng đoán là ông Nguyễn ở đâu trong vùng này nhưng không biết đích xác ở đâu. Chúng cho mật thám đi tìm. Nhưng trong đám mật thám có một người có thiện cảm với ông Nguyễn. Người này báo tin cho ông Nguyễn biết, và bày cho ông cách khai báo để làm cho bọn Pháp tin.

Gặp khi nguy hiểm quá, bị theo dõi riết, ông Nguyễn đã lánh vào một ngôi chùa để tiếp tục hoạt động.



Suốt mười hai năm thực dân Pháp theo dõi ông Nguyễn thì trong đó có khoảng tám năm chúng săn lùng

ông. Năm 1925-1927, chúng biết ông ở Quảng Châu, nhưng chúng không làm gì được vì ông được Chính phủ Cách mạng Trung Quốc và nhân dân Quảng Châu che chở. Trước và sau thời kì này, bọn gián điệp của Pháp không dò ra tung tích của ông. Khoảng năm 1930, ông Nguyễn đến Hồng Kông và nhà cầm quyền Anh tại Hồng Kông đã bắt giam ông.

Chúng giam ông Nguyễn trong một xà lim riêng có những cảnh sát đặc biệt canh gác.

Mỗi ngày, chúng cho ông ra ngoài sân đi bách bộ mười lăm phút với những người tù khác, trong một cái sân nhỏ hình chữ nhật có tường cao bao bọc. Đây là buổi đi dạo. Ngoài mười lăm phút đi dạo, suốt ngày ông bị nhốt trong bóng tối. Ăn, ngủ, rửa, tất cả đều ở trong xà lim. Tường dày có khoét một lỗ nhỏ. Thỉnh thoảng người gác Ấn Độ nhìn vào lỗ, để xem thử người tù còn đấy không hoặc đã vượt ngục hay là tự tử.

Ông Nguyễn dùng thì giờ để suy nghĩ, để nhớ lại công việc cũ hoặc tự phê bình... Chán rồi, ông đếm lại sàn bao nhiêu gạch, mái bao nhiêu ngói.

Những buổi bị đưa đi hỏi khâu cung là những lúc nghỉ ngơi trong khi ở tù. Một là được ra khỏi xà lim một lúc, cái xà lim ngột thở tối om và hôi hám; hai là vì bọn trùm mật thám thường hỏi cung ông, mời ông hút thuốc lá Anh.

Hút thuốc lá là tật không tốt của ông. Mật thám Anh được mật thám Pháp ở Đông Dương cung cấp tài liệu đầy đủ. Mật thám Anh cũng cho mật thám Pháp một đồng tài liệu, thật có, giả có.

Ông Nguyễn may mắn được một luật sư Anh, ông Loseby giúp đỡ.

Chính phủ Hồng Kông tìm cách chia rẽ ông Nguyễn và luật sư Loseby. Nhưng luật sư giữ vững lập trường và nói với ông Nguyễn: “Bác sĩ Tôn Dật Tiên được một người Anh cứu thoát. Tôi cũng ra sức cứu ông, ông hãy tin ở tôi. Ông hãy nói cho tôi nghe những điều gì có thể giúp trong việc bệnh vực ông. Tôi không muốn hỏi ông nhiều hơn, vì mỗi người cách mạng đều có bí mật riêng của họ.”

Và ông Loseby đưa vụ án ông Nguyễn ra trước pháp viện tối cao.

Buổi xét xử công khai. Nhưng trong ngoài tòa án đều có lệnh giới nghiêm vì sợ ông Nguyễn trốn. Công chúng ít người được vào xem. Trong phòng họp, nhân viên trong tòa án nhiều hơn công chúng.

Trên bàn thẩm phán và luật sư, những chồng tài liệu chất cao, thỉnh thoảng họ lại giờ ra xem để dẫn chứng.

Trong số những người tham gia xét xử, chỉ có bốn người được phát biểu. Đó là: chánh án, phó án, đại diện

nhà cầm quyền Anh và một luật sư được nhà cầm quyền chỉ định biện hộ cho ông Nguyễn. Những người khác, ngay cả luật sư bênh vực cho ông Nguyễn là ông Loseby và cả ông Nguyễn, cũng không được phát biểu trong suốt phiên tòa này và cả những phiên tòa sau. Khi muốn trao đổi với nhau, họ phải viết vào mảnh giấy.

Hai người phát biểu nhiều nhất, to nhất và đôi khi tranh cãi kịch liệt, đây là biện lí buộc tội và luật sư của ông Nguyễn. Lần thứ nhất, phiên tòa họp khá lâu. Người ta phải nghỉ một lát. Trong khi nghỉ, người ta đưa ông Nguyễn xuống hầm tòa án để giữ ông và cho ông ăn uống.

Sau phiên tòa kéo dài hơn một tháng, chánh án tuyên bố xóa bỏ tất cả những lời buộc tội ông Nguyễn, nhưng ông phải rời khỏi Hồng Kông bằng tàu của Pháp.

Đó là một thủ đoạn xảo quyệt của tòa án để khỏi mang tiếng kết án một người vô tội, nhưng sự thật là trao ông Nguyễn cho thực dân Pháp.

Ông Loseby chống lại lệnh của tòa án Hồng Kông và gửi đơn đến tòa án của Hoàng đế Anh ở London. Công việc ở London, Loseby ủy thác cho luật sư Stafford Cripps⁽¹⁾.

Trong khi chờ đợi quyết định của London, ông

(1) Stafford Cripps: Đảng viên đảng Xã hội, về sau làm Bộ trưởng Bộ Ngoại giao Anh.

Nguyễn bị ốm. Luật sư Loseby đã dàn xếp để ông Nguyễn được tới nhà thương.

Khi ông Nguyễn đến nhà thương, người ta phải làm thêm ổ khóa vào cửa để phòng ông bỏ trốn. Những đồ vật treo trên tường đều được dọn đi vì để phòng ông tự sát; xung quanh phòng có lưới thép. Hai người Ấn Độ cao to gác trước cửa phòng. Trong phòng, hai mật thám người Trung Quốc ngày đêm canh giữ. Cùng nằm chung phòng với ông Nguyễn có cả tội phạm, kẻ giết người, kẻ là tướng cướp, thổ phi v.v...

Tuy nhiên, nhờ ông Loseby mà ở nhà thương ông Nguyễn được săn sóc chu đáo.

Ông Loseby và người vợ cùng cô con gái thường đến thăm ông Nguyễn, đem cho ông quà bánh, sách báo và cả đồ chơi giải trí.

Ông Nguyễn cư xử khiến những người xung quanh mến cảm và họ cũng thân thiện với ông. Khi không đọc sách, ông Nguyễn nói chuyện thân mật với những người bạn trong phòng để biết nhiều hơn về cuộc sống của họ.

Nhờ sự nỗ lực của luật sư Stafford Cripps, sau một ngày biện luận, tòa án Hoàng đế Anh ở London kết luận phải thả ông Nguyễn, vì không thể luận được tội trạng.

Như vậy có nghĩa là ông Nguyễn đã giành được thắng lợi.

Nhưng sau khi được phóng thích thì ông sẽ đi đâu? Nhất cử nhất động của ông đều bị mật thám của Pháp và Tưởng theo dõi. Mật thám Pháp đã thất bại trong việc vận động trục xuất ông, vì vậy chúng chỉ đợi ông ra khỏi Hồng Kông là đưa ông vào một cạm bẫy khác.

Ông Nguyễn yêu cầu đi Anh, luật sư Loseby chuyển thư yêu cầu của ông Nguyễn tới London.

Sau khi gửi thư đi, ông Nguyễn bí mật xuống tàu, không đợi Chính phủ Anh trả lời.

Nhưng khi đến Singapore, ông lại bị bắt trả về Hồng Kông. Mật thám lấy cớ ông đi vào thuộc địa không có giấy phép và bắt ông một lần nữa.

Ông Loseby lại bênh vực ông Nguyễn, cứu ông ra khỏi nhà tù và với sự giúp đỡ của vợ và bạn, ông Loseby bí mật tổ chức cho ông Nguyễn bỏ trốn.

Công việc đi trốn của ông Nguyễn được tổ chức rất chu đáo. Mật thám Pháp rình mò khắp nơi mà không hay biết gì hết.

Trong vai một nhà buôn Trung Quốc, ông Nguyễn đã bỏ trốn. Từ Hồng Kông, ông đến nhà một người bạn thân của ông Loseby ở thành phố khác. Tại đây ông Nguyễn đóng giả một nhà giàu đi nghỉ dưỡng. Ông đi dạo, thăm các chùa chiền, làm quen với giới văn nghệ.

Ông viết bài cho một số tờ báo địa phương bằng tiếng Anh và tiếng Trung Quốc, kí tên khác nhau.

Sau này khi kể chuyện ở Hồng Kông, ông Nguyễn luôn nhắc tới luật sư Loseby và gia đình luật sư và nói nếu không có sự giúp đỡ của luật sư thì có lẽ ông Nguyễn đã không vượt qua được những hiểm nguy trong thời kì đó.

CHƯƠNG 3

Ngày Bác Hồ trở về Tổ quốc

*N*ăm 1936, Đảng Cộng sản Pháp lên cầm quyền, Mặt trận Bình dân Pháp được thành lập. Việt Nam được nói rộng quyền tự do dân chủ. Phong trào Mặt trận Bình dân ra đời. Các Hội Tương tế, Ái hữu thợ thuyền được tổ chức.

Dân chúng nô nức đi đón Justin Godart, đặc phái viên do chính phủ Mặt trận Bình dân Pháp cử sang điều tra tình hình và thu thập nguyện vọng của dân chúng.

Nổi bật nhất là cuộc mít-tinh khổng lồ ngày mồng 1 tháng 5 năm 1938. Hơn ba mươi ngàn thợ thuyền, dân cày, áo nâu, áo xanh, áo trắng... hàng ngũ chỉnh tề hân hoan đón chào ngày hội của lao động toàn thế giới.

Đúng giờ đã hẹn, hai mươi tư đoàn diễu hành giương cao hai mươi tư lá cờ búa liềm tiến vào khu đấu xảo, nay là Quảng trường Mồng 1 tháng 5, mang theo

các biểu ngữ hô vang khẩu hiệu: “Ngày Quốc tế lao động mừng 1 tháng 5 muôn năm”.

Đến giờ khai mạc, hơn ba mươi ngàn người theo lệnh hát vang bài *Quốc tế ca*. Tiếp đó, đại biểu các đoàn thể công nhân, nông dân, phụ nữ lần lượt lên đọc diễn văn. Ông Trần Huy Liệu, đại diện nhóm Tin tức lên đọc diễn văn, vạch trần chính sách bóp nghẹt tự do dân chủ, đàn áp, bóc lột của thực dân Pháp.

Trong thời kì Mặt trận Bình dân, nhiều tầng lớp nhân dân được giác ngộ, có lòng tin ở cách mạng. Những cuộc bãi công và tuần hành thị uy lớn nổ ra trong các thành phố, đặc biệt ở Sài Gòn, Hà Nội, Hải Phòng, Vinh, v.v...

Thợ thuyền đấu tranh đòi cải thiện sinh hoạt, ngày làm tám giờ và được tự do tổ chức công đoàn. Hàng triệu nông dân biểu tình đòi giảm sưu cao thuế nặng. Đòi lần, những lãnh tụ của phong trào nhận được những ý kiến, những lời khuyên bảo hoặc những lời phê bình, không biết ai gửi đến. Nhiều người đoán có thể là ông Nguyễn Ái Quốc.

Nhưng đến cuối năm 1939, tình hình biến chuyển. Đại chiến thế giới thứ hai xảy ra. Chính phủ Mặt trận Bình dân Pháp bị lật đổ. Ở Việt Nam, phong trào tự do dân chủ bị bóp nghẹt. Báo chí bị đóng cửa. Các tổ chức bị giải tán hoặc phải rút vào hoạt động bí mật.

Nhiều cán bộ, đảng viên bị bắt. Nhà tù chật ních. Sự khủng bố lại diễn ra tàn ác hơn. Ở châu Âu, Pháp thua Đức, đầu hàng Hitler. Phát xít Nhật nhanh tay nắm lấy cơ hội xâm lược Đông Dương. Thực dân Pháp đầu hàng Nhật. Dân ta một cổ hai tròng, đã đứng lên làm cuộc khởi nghĩa Bắc Sơn tháng 9 năm 1940 và khởi nghĩa Nam Kỳ tháng 11 năm 1940. Hai cuộc khởi nghĩa đều bị đàn áp dã man, tàn bạo.

Năm 1941, ngày 28 tháng 1, ông Nguyễn về nước, qua cột mốc 108 biên giới Việt - Trung và chọn hang Pác Bó ở Hà Quảng, Cao Bằng làm nơi sinh hoạt và làm việc. Ông cùng các đồng chí của mình thành lập tổ chức Việt Nam độc lập đồng minh, gọi tắt là Việt Minh. Mặt trận Việt Minh kêu gọi các tầng lớp nhân dân hãy đánh đuổi phát xít Nhật, thực dân Pháp, ủng hộ Việt Minh, giành độc lập, tự do cho Tổ quốc.

Cương lĩnh của Mặt trận Việt Minh giản đơn, rõ ràng, mọi người đều hiểu và ủng hộ, vì vậy Mặt trận Việt Minh phát triển rất nhanh.

Phát xít Nhật, thực dân Pháp treo giải thưởng lấy đầu những người cách mạng Việt Nam. Chúng ra tay khủng bố, tàn sát nhân dân nhưng không thể ngăn cản được phong trào.

Các nước đồng minh đang gặp khó khăn. Phát xít

Đức và Nhật làm mưa làm gió. Nhưng ông Nguyễn dự đoán chắc chắn: Đồng minh sẽ thắng. Nhật và Pháp ở Đông Dương chẳng chóng thì chầy sẽ bắn nhau. Việt Nam sẽ giành độc lập.

Chiến tranh du kích của ta dần dần phát triển với những vũ khí thô sơ, gươm, giáo, mác, một số ít khẩu súng cướp được của giặc. Nhưng ta cần tranh thủ thêm sự giúp đỡ của đồng minh.

Đồng minh gần nhất và có quan hệ đến việc chống Nhật đối với ta là Trung Quốc.

Tháng Hai năm 1942, ông Nguyễn bí mật vượt biên giới sang Trung Hoa, như ông nói để gặp một số “yếu nhân của Trung Hoa”. Để đánh lạc hướng bọn mật thám, ông lấy tên là Hồ Chí Minh. Từ đó, người ta gọi ông là Cụ Hồ.

Nhưng ngày 29 tháng Tám năm 1942, sau mười ngày đêm đi bộ, Cụ Hồ vừa đến Túc Vinh, tỉnh Quảng Tây thì bị bọn Quốc dân Đảng bắt giữ. Nghi Cụ là gián điệp, chúng giam Cụ vào nhà lao, hơn hai tuần, ngày mang gông, đêm cùm chân. Cụ quen huyện trưởng, trước kia đã từng gặp nhau, nhưng huyện trưởng từ chối không gặp Cụ. Cụ gửi điện cho những nhà cầm quyền cao cấp, không ai trả lời. Cụ làm mấy vần thơ:

*Ta làm đại biểu dân Việt Nam,
Tìm đến Trung Hoa để hội đàm.
Ai ngờ đất bằng gây sóng gió,
Phải làm “khách quý” tại nhà giam.*

Một tháng rưỡi sau, người ta giải Cụ Hồ đi, nhưng không cho Cụ biết đi đâu.

Tay bị trói gập cánh khuỷu, cổ mang vòng xích, có sáu người lính mang súng giải đi. Cụ Hồ Chí Minh đi mãi, đi mãi nhưng vẫn không biết đi đâu. Dầm mưa dãi nắng, trèo núi qua truông.



Bác Hồ về nước (28/1/1941)

Mỗi buổi sáng, gà gáy đầu, người ta giải Cự Hồ đi. Mỗi buổi chiều, khi chim về tổ, người ta dừng lại trong một địa phương nào đó, giam Cự vào trong xà lim trên một đồng rạ bần, không cời trời cho Cự ngủ.

Gian khổ như vậy, nhưng Cự vẫn vui vẻ. Cự được thấy phong cảnh thay đổi. Cự vừa đi vừa ngâm nga. Thịnh thoàng Cự Hồ làm thơ. Đến một huyện lỵ nào, người ta giữ Cự một tuần hoặc mười lăm hôm trong nhà tù huyện. Đó là những ngày khổ nhất.

Ăn uống thiếu, không khí thiếu, bẩn thỉu, ở lẫn với những người mắc bệnh giang mai, nghiện thuốc phiện. Nhà tù thường chật ních, người đến sau không có chỗ nằm. Ban đêm Cự Hồ thường phải ngồi trên cầu xí ở ngay trong phòng giam. Nhưng Cự vẫn không được yên ổn. Lâu lâu Cự lại phải đứng dậy nhường chỗ cho một người đi vệ sinh đêm.

Mỗi buổi sáng Cự phải đi đổ thùng và quét nhà giam.

Một hôm, khi ngủ dậy, Cự thấy người nằm bên cạnh dựa vào lưng Cự đã chết cứng. Cự phải cùng với một người tù khác mang xác chết ra ngoài sân. Cái làm cho Cự khổ sở là ghê và rận. Cự bị ghê khắp người. Tóc chóng bạc và rụng nhiều. Mắt nhìn kém. Nhưng Cự khổ nhất là mất thì giờ ngồi không. Trong khi Cự Hồ lê tấm thân mệt lử từ nhà giam này đến nhà giam khác, có lẽ những việc lớn đang dồn dập trong nước và trên thế giới. Ai giúp đỡ đẩy mạnh việc tổ chức? Có lẽ các nước

đồng minh đã đổ bộ lên Đông Dương? Có lẽ Pháp, Nhật đã đánh nhau? Có lẽ các đồng chí trong Đảng Cộng sản Đông Dương và các hội viên Việt minh đương đầu đón hỏi nhau Cụ Hồ đã bị tai nạn gì?

Lòng Cụ Hồ rối như tơ vò vì phải ngồi im vô ích trong khi công việc đang đòi hỏi Cụ và thời gian đi qua không chờ Người.

Cụ Hồ tiếp tục đi, bị trói và bị xích như thế trong hơn tám mươi ngày. Cụ đã trải qua gần ba mươi nhà tù xã và huyện. Cuối cùng Cụ đến Quế Lâm. Lại bị giam một tháng rưỡi.

Từ Quế Lâm người ta giải Cụ đi Liễu Châu, giam vào nhà giam quân sự.

Ở đây Cụ được hưởng “chế độ chính trị”. Có đủ cơm ăn, mười lăm phút buổi sáng và mười lăm phút buổi chiều để đi vệ sinh, có người gác. Không bị gông, không bị xích. Thỉnh thoảng Cụ có thể đọc một tờ báo hoặc một quyển sách.

Một hôm Cục trưởng Cục Chính trị đến cắt tóc ở trong phòng người gác. Ông này hạ lệnh người gác cho phép Cụ đi dạo nửa giờ trong sân nhỏ, cắt tóc cho Cụ và cho Cụ tắm nước nóng.

Mấy hôm sau ghề lặn gần một nửa.

Trong nhà tù này, Cụ Hồ được biết ở Liễu Châu có tổ chức Việt Nam Cách mạng đồng minh Hội. Cụ được biết nhiều hơn nữa: Cụ được biết rằng mình bị cầm tù

lâu hơn nữa vì người ta nghĩ Cự sang Trung Quốc để phá tổ chức đó.

Sau bốn tháng bị giải đi hết nhà tù này đến nhà tù khác, Cự làm bài thơ:

Bốn tháng rồi⁽¹⁾

*"Một ngày tù, nghìn thu ở ngoài",
Lời nói người xưa đâu có sai;
Sống khác loài người vừa bốn tháng,
Tiêu tụy còn hơn mười năm trời.*

Bởi vì:

*Bốn tháng cơm không no,
Bốn tháng đêm thiếu ngủ,
Bốn tháng áo không thay,
Bốn tháng không giặt giũ.*

Cho nên:

*Răng rụng mất một chiếc,
Tóc bạc thêm mấy phần,
Gầy đen như quỷ đói,
Ghẻ lở mọc đầy thân.*

(1) Tiêu đề phiên âm chữ Hán: *Tứ cá nguyệt liễu* - Bản dịch tiếng Việt của Nam Trân.

*May mà:
Kiên trì và nhẫn nại,
Không chịu lùi một phân,
Vật chất tuy đau khổ,
Không nao núng tinh thần.*

Năm 1943, khi các báo Quảng Tây đăng tin: *Hội họp lớn hoan nghênh Wendell Willkie, đại biểu Mĩ trong phe đồng minh chống phát xít đi thăm Trùng Khánh. Khi ông đi qua đệ tứ chiến khu Quảng Tây, nhà đương cục tổ chức hội họp chiêu đãi.* Cụ Hồ lúc đó là đại biểu Việt Nam Độc lập đồng minh, cũng là đồng minh của Trung Quốc chống Nhật. Nhưng giới cầm quyền ở Trung Quốc lại bắt giam Người. Nhân có cuộc họp hoan nghênh Willkie đến Quảng Tây, Cụ Hồ đã làm bài thơ:

*Cũng là đi Trùng Khánh,
Cũng là bạn Trung Hoa;
Anh, làm khách trên sảnh,
Tôi, thân tù dưới nhà;
Cùng là đại biểu cả,
Khinh trọng sao khác xa?
Thói thường chia ấm lạnh,
Về đông nước chảy mà!⁽¹⁾*

(1) Tựa đề bài thơ phiên âm chữ Hán: *Các báo: Hoan nghênh Uy- ki đại hội - Bản dịch tiếng Việt của Nam Trân.*

Sau đó, việc Cụ Hồ bị giam không lí do được sáng tỏ. Cụ được tự do. Đó là ngày 10 tháng Chín năm 1943. Ra khỏi tù, Cụ Hồ thấy mắt mờ đi, chân yếu. Cụ tự nhủ: “Một chiến sĩ bị bệnh tê thấp thì còn làm gì được.”

Cụ Hồ ra sức tập leo núi, tập nhìn vào bóng tối, quyết chữa cho khỏi bệnh chân và bệnh mắt.

Ít tháng sau, Cụ yêu cầu trở về nước với một vài hội viên của Cách mạng Đồng minh do Cụ chọn. Cuối cùng, Cụ trở về nước sau mười bốn tháng vắng mặt. Cụ Hồ lại lãnh đạo Việt Minh.

Việt Minh năm ấy đã thành một đoàn thể lớn mạnh, có ảnh hưởng khắp nơi trong nước. Du kích Việt Minh thường đi đánh úp quân đội Nhật - Pháp.

Năm 1943, quân đội Liên Xô đã đánh bại quân phát xít Hitler. Lời dự đoán của Cụ Hồ đã thành sự thật: Ngày mồng 9 tháng 3 năm 1945, Nhật đảo chính Pháp. Đối với Việt Nam, Nhật đưa ra thuyết Đại Đông Á, lập Chính phủ bù nhìn Trần Trọng Kim. Cùng lúc, chúng ra sức vơ vét của cải, bắt dân nhổ lúa trồng đay để chúng làm thuốc nổ. Dân ta lâm vào cảnh đói khát, hàng triệu người chết đói. Đảng phát động cao trào kháng Nhật cứu nước. Các đoàn thể Việt Minh đưa cán bộ của mình ra hoạt động, rải truyền đơn, tung khẩu hiệu:

Đấu tranh chống Nhật, chống bù nhìn.

Không một hạt thóc, một xu cho Nhật.

Đấu tranh vì một nền độc lập thật.

Các đội danh dự trừ gian tích cực hoạt động.

Trong một thời gian ngắn, ở khắp các hang cùng ngõ hẻm, khắp thôn cùng xóm vắng, đồng bào nô nức theo Việt Minh. Cán bộ Việt Minh phá kho thóc của Nhật, cứu đồng bào mình.

Từ 34 người ban đầu, đội Việt Nam Tuyên truyền Giải phóng quân do đồng chí Võ Nguyên Giáp chỉ huy đã dần trưởng thành với hơn mười nghìn quân trong khu giải phóng. Đội đã lấy súng của giặc để giết giặc và có ảnh hưởng sâu rộng trong quần chúng.

Cao trào chống Nhật lên cao, ngày 15 tháng 8 phát xít Nhật tuyên bố đầu hàng đồng minh không điều kiện. Cuộc mít-tinh ngày 17 tháng 8 của Tổng Hội công chức bày ra để củng cố tinh thần công nhân viên chức lập tức bị Việt Minh chiếm lấy diễn đàn, treo cờ đỏ sao vàng trước thềm nhà hát. Quần chúng ào ào theo Việt Minh đưa ra, reo hò vang đường phố.

Việt Nam độc lập muôn năm!

Mặc dầu vừa qua một trận ốm nặng, Cụ Hồ quyết định về với nhân dân thủ đô.

Nhân dân thủ đô hân hoan đón Bác. Ngày ấy, trong ngôi nhà 48 Hàng Ngang, bà Trịnh Văn Bô, tức bà Hoàng Thị Minh Hồ, được ông Nguyễn Lương Bằng, một cán bộ vẫn lui tới nhà bà, nói nhỏ:

- Gia đình anh chị là nơi bảo đảm an toàn nhất, là chỗ dựa mọi mặt của đoàn thể. Chúng tôi sẽ dời cơ quan thượng cấp về đây. Tất cả đều nhờ anh chị, chị cứ nói là khách ở trong quê ra.

Nghe anh nói, bà nghĩ ngay đến việc mở cổng sau thông ra 35 Hàng Cân cho cán bộ tiện ra vào. Từ hôm đó, bà cứ thấy mấy anh nói là đi đón mẹ về. Rồi anh Trần Đăng Ninh hỏi nhỏ anh Nguyễn Lương Bằng.

- Bao giờ thì Mẹ về hà anh cả?

Anh Nguyễn Lương Bằng đáp cũng rất nhỏ:

- Mẹ về tới làng Gạ rồi, anh Văn⁽¹⁾ đang báo cáo công việc với Ông Cự. Tôi sẽ đưa anh Trường Chinh lên đón Mẹ về.

Bà Minh Hồ biết đó là một việc rất hệ trọng, không dám hé ra với ai.

Nhưng bà tự hỏi: “Mẹ về”, vậy ai là “Mẹ”? Đây là người nào mà các ông thượng cấp hỏi nhau việc đi đón “Mẹ về” rất cung kính và có vẻ như rất thiêng liêng nữa?

Ngày 24 tháng 8 năm 1945, gác hai nhà 48 Hàng Ngang có một không khí nhộn nhịp khác thường, rất đổi thầm kín. Từ chiều, ông Võ Nguyên Giáp đã nói với bà Minh Hồ:

- Tối nay nhờ chị nấu cho một nồi cháo, ít thôi. Ông Cự còn bị sốt, ăn rất yếu.

(1) Anh Văn: Bí danh của Đại tướng Võ Nguyên Giáp.

Bà Minh Hồ hơi ngỡ ngàng, tự hỏi: “Mẹ” và “Ông Cụ” là một à?

Ngay chiều hôm ấy, ông Trường Chinh, ông Võ Nguyên Giáp, ông Nguyễn Lương Bằng... sắp xếp nơi làm việc, nơi nghỉ ngơi, ăn uống và cả tiếp khách trong tầng hai. Bà nghe thấy các ông nói với nhau:

- Để Bác vừa làm việc, vừa nghỉ một mình trên tầng ba cho yên tĩnh.

Một ông nói:

- Nhưng Bác không thích sống cách biệt anh em đâu.

Ông Giáp lại nói:

- Vậy chúng mình bê cái bàn nhỏ vào góc để Bác đánh máy, đặt cái ghế bõ bên cạnh để thỉnh thoảng Bác ngà lưng. Bác gầy lắm, nằm giường ván đau xương.

Bà Minh Hồ càng thêm ngỡ ngàng, tự nhủ: Vậy thì mật hiệu “Mẹ về” - “Ông Cụ”, “Bác” đâu là ba hay cả ba cũng là một người thì người đó có một cương vị tối cao rồi. Nhưng ông Nguyễn Ái Quốc, cái tên bà nghe rất quen thì là ai? Bà không thể hiểu nhưng lại rất tin ở “Mẹ về”, “Bác”, “Ông Cụ”. Bà tự tay nấu cháo bằng những hạt gạo tám thơm mới, nước gà ninh, các gia vị có tính chữa sốt.

Sẩm tối, nồi cháo được nấu xong, bà múc ra bát, đập vung, đặt trong chiếc khay lớn bung lên gác và gõ cửa. Đứng bên ngoài, bà nghe loáng thoáng mấy tiếng

“Đoàn kết... đoàn kết tất cả”. Ông Võ Nguyên Giáp ra mở cửa, nhìn vào trong, bà thấy một cụ già mặc quần áo nâu, mắt sáng, râu thưa, gầy và hơi xanh. Ông Giáp đỡ lấy khay cháo, bà xuống nhà, lòng hồi hộp: Cụ có đôi mắt rất sáng. Phải chăng cụ là Nguyễn Ái Quốc. Vậy thì mình phải gắng chăm sóc để Cụ có sức khỏe lo cho dân cho nước.

Cũng những ngày ấy, bác sĩ Tôn Thất Tùng ghi trong hồi kí:

“Ngày 19 tháng 8 năm 1945, Cách mạng tháng Tám bùng nổ như một ngọn lửa hồng ở Hà Nội. Cùng với anh em Việt Minh, chúng tôi cướp chính quyền của Pháp ở bệnh viện Phủ Doãn. Chỉ cần cho nổ ba phát súng là ông Chánh Y tế Nhật và ông Phó Y tế Pháp bỏ chạy, ông chạy trước với cái gươm dài lòng thòng, và ông chạy sau với cái cặp đầy hồ sơ!

Ngày đêm tiếng súng vẫn không ngớt ở Hà Nội, và tôi được gọi đi thực hiện các ca mổ ở Hà Đông hay đi chữa bệnh cho các đồng chí Việt Minh ở Bắc Bộ phủ mà ta đã chiếm được. Một hôm, tôi được gọi gấp đến xem cho một lão đồng chí; bước vào phòng, tôi gặp một ông già gầy xanh, nhưng có đôi mắt rất sáng. Đó là Bác Hồ kính yêu của chúng ta. Và từ cuộc gặp gỡ đầu tiên đó, tâm hồn tôi đã chuyển biến theo cách mạng, dưới ánh sáng của đôi mắt Bác Hồ.

Tôi được nghe các bạn tôi xì xào rằng: “Bác Hồ là Nguyễn Ái Quốc đó.” Nguyễn Ái Quốc! Cái tên mà tôi rất quen biết từ lúc học ở trường Bưởi; tôi đã nghe nói đến nhà yêu nước vĩ đại này mà tin đồn là đã chết trong một nhà lao ở Hong Kong. Câu hỏi “Cụ có phải là Nguyễn Ái Quốc không?” luôn luôn vương vấn trong óc tôi. Nhiều lúc tôi lăm le định hỏi nhưng rồi không bao giờ tôi dám hỏi cả. Thường sau khi tiêm thuốc cho Bác, Bác hay giữ tôi lại để hỏi chuyện công việc hay gia đình. Biết tôi đã có con trai đầu lòng, Bác nói: “Để tôi đặt tên cho nó. Tên chú có bộ mộc, nên đặt cho con chú tên Bách.”⁽¹⁾

Ông viết tiếp:

“Tôi nhớ ngày gặp Bác: Một cụ già ăn mặc rất giản dị, gầy gò, trán cao, hai mắt sáng và toàn thân toát ra một sự hấp dẫn lạ thường. Ngay giờ phút ấy, tôi đã biết cuộc đời của tôi từ đây sẽ hoàn toàn thay đổi. Ngay giờ phút ấy, tâm hồn và trí tuệ tôi đã đi theo Bác. Tôi vui sướng lắm. Về nhà gặp mẹ tôi, tôi nói: “Mẹ ơi, nước ta nhất định độc lập rồi, vì có Cụ Hồ.” Thấy tôi vui, mẹ tôi cũng mừng lắm, mẹ tôi chạy ngay đi làm bánh nậm để mang lên Bác. Mẹ tôi trong đời chỉ làm bánh nậm cho tôi ăn, lần này làm bánh đem lên Bác, mẹ tôi cũng như tôi và chắc cũng như toàn thể dân ta, đã muốn bộc lộ lòng tôn kính Bác sôi nổi, nhiệt thành, ngay từ phút đầu tiếp xúc với Người.”⁽²⁾

(1) (2) Tôn Thất Tùng - Cuộc đời và sự nghiệp - Trường Đại học Y, Nhà xuất bản Y học, năm 1999.



Chủ tịch Hồ Chí Minh năm 1945.

Những ngày Ông Cụ ở 48 Hàng Ngang, bà Minh Hồ thấy Ông Cụ thức rất khuya. Khoảng năm giờ đã nghe tiếng máy chữ gõ lách cách. Bấy giờ, ông Vũ Đình Huỳnh đón Ông Cụ ra làm việc ở Bắc Bộ phủ, chiều lại về 48 Hàng Ngang. Ông Cụ tiếp tục làm việc, trao đổi với các ông Trường Chinh, Võ Nguyên Giáp, Hoàng Quốc Việt.

Ngày mồng 2 tháng Chín năm 1945, bà Hoàng Thị Minh Hồ đã vinh hạnh được dự một cuộc mít-tinh lịch sử mà suốt đời không thể quên được.

Cả biển người đã tụ họp ở vườn hoa Ba Đình trong nắng thu rực rỡ. Khi có tiếng hô to: “Chào cờ”, cả triệu người đứng im phăng phắc, trang nghiêm, đoàn quân nhạc cử Quốc ca:

Đoàn quân Việt Nam đi, chung lòng cứu quốc.

Bước chân dồn vang trên đường gập ghềnh xa...

Bất giác, nước mắt bà ứa ra, bà nhìn lên lễ đài thấy Ông Cụ ở góc hai 48 Hàng Ngang lại là Chủ tịch Hồ Chí Minh đang dong dạc đọc bản Tuyên ngôn Độc lập. Hàng triệu con tim hướng về Người, lắng nghe Người nói:

“Tất cả mọi người đều sinh ra có quyền bình đẳng. Tạo hóa cho họ những quyền không ai có thể xâm phạm được; trong những quyền ấy, có quyền được sống, quyền tự do và quyền mưu cầu hạnh phúc.”

Lời bắt hủ ấy...

Bà Minh Hồ cũng như triệu người đã chăm chú nghe, nghe rõ cả tiếng Ông Cự hỏi:

- Tôi nói đồng bào nghe rõ không?

Ôi thân thương quá, gần gũi quá! Chủ tịch Hồ Chí Minh, Người rất gần dân. Người lại đồng dạ đọc tiếp:

"Một dân tộc đã gan góc chống ách nô lệ của Pháp hơn 80 năm nay, một dân tộc đã gan góc đứng về phe Đồng minh chống phát xít mấy năm nay, dân tộc đó phải được tự do! Dân tộc đó phải được độc lập."

Vì những lẽ trên, chúng tôi, chính phủ lâm thời của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, trịnh trọng tuyên bố với thế giới rằng:

Nước Việt Nam có quyền hưởng tự do và độc lập, và sự thật đã thành một nước tự do, độc lập. Toàn thể dân tộc Việt Nam quyết đem tất cả tinh thần và lực lượng, tính mạng và của cải để giữ vững quyền tự do, độc lập ấy."

Cả biển người vỡ òa trong tiếng vỗ tay, tiếng vang lên: "Xin thề. Xin thề."

* * *

Nhà văn Sơn Tùng kể:

"Cũng vào ngày ấy, o Nguyễn Thị Thanh, chị ruột

Cụ Hồ ở làng Sen, đang xem mạch cho một người em họ của mẹ o, bà Hoàng Thị Loan ở làng Chùa, bị bệnh thương hàn nhập lí, thì ông Vương Thúc Oánh, con cụ cử nhân Vương Thúc Quý⁽¹⁾, con rể cụ Phan Bội Châu, cầm tờ báo chạy tới bên o, vừa nói vừa thờ:

- Ảnh cậu Thành... Cậu Thành của chúng ta là Cụ Hồ chị ơi! Ảnh in trên báo đây.

O cầm tờ báo, tay run run, nhìn vào tấm ảnh in khá rõ. O buột miệng: “Cụ Hồ.Ồ cậu Thành! Tất Thành.” Nước mắt o trào ra, ngấm đi ngấm lại em trai mình ở đôi mắt sáng và đôi tai không thể lẫn với ai khác. Nhưng, khuôn mặt gầy và bộ râu thưa khiến o ngỡ ngợ.

Ông Vương Thúc Oánh quả quyết:

- Chị biết đấy, năm 1927, tôi được cụ Đình Chương Dương đưa sang Quảng Châu, Trung Quốc dự lớp huấn luyện do ông Nguyễn Ái Quốc phụ trách. Hồi đó, tôi nhận ngay ra cậu Nguyễn Tất Thành, tên gọi lúc đó là đồng chí Lý Thụy. Đến nay đã mười tám năm, tôi vẫn nhớ như in diện mạo ông Nguyễn Ái Quốc, chắc chắn Cụ Hồ, Nguyễn Ái Quốc là Nguyễn Tất Thành của chúng ta.

O Thanh ngậy người ra. O bồi hồi nhớ lại ngày cha o, cụ Nguyễn Sinh Sắc vô Huế nhận chức Thừa biện bộ Lễ, cậu Thành cùng cậu cả Khiêm theo cha vô Huế tiếp

(1) Vương Thúc Quý là thầy dạy chữ Nho của Cụ Hồ.

tục học chữ mới (chữ Tây). Năm đó cậu Thành mười lăm tuổi, chốc đấy đã bốn mươi năm rồi.

Bốn mươi năm, bao nhiêu thăng trầm, nhà o cũng phải chịu cảnh nước mất nhà tan. O đã tham gia Việt Nam Quang phục Hội của cụ Phan Bội Châu hoạt động lật đổ nhà nước Pháp bảo hộ và Nam Triều. O bị bắt, bị kết án tù chín năm khổ sai, ông cả Khiêm cũng phải đi đầy tám năm. Hết hạn tù khổ sai, o không được tha bổng, vẫn phải tiếp tục chịu án quản thúc suốt đời, o ở Huế hay muốn về Nghệ An đều phải trình diện quan sở tại. Trước ngày Tổng khởi nghĩa tháng Tám, o còn đang bị quản thúc tại huyện lỵ Nam Đàn. Hôm dân chúng nổi dậy cướp chính quyền ở Vinh, o vui mừng được tin dân ta đã lật đổ chính quyền thực dân phong kiến khắp nơi trên cả nước rồi. O ra Vinh, đến các gia đình đã từng hoạt động thời Duy Tân với o, ai nấy cũng đều vui, mở tiệc ăn mừng nước mình đã độc lập. Ai cũng nói: Đó là nhờ Cụ Hồ, vị cứu tinh dân tộc."

Và o muốn được ra Hà Nội thăm em của o, cậu Nguyễn Tất Thành. O xuống chợ mua hai con vịt bầu bỏ vào cái lồng mới, xách vào ga Vinh.

O Thanh mặc chiếc áo nâu giản dị, cái nón đã cũ đến cửa bán vé đưa tiền và nói với người bán vé:

- Cho tôi một vé hạng nhất đi Hà Nội.

Người bán vé đưa vé cho o. O cầm chiếc vé, xách

cái lồng vịt lên tàu. O vào cái toa của mình. Tìm đúng số ghế là số 30. Toa tàu kang trang sạch sẽ lắm. Nhưng các hành khách cứ nhìn chăm chăm cái lồng trong tay o, liếc mắt về khó chịu. Một nhân viên coi toa tàu có bằng đồ ở cánh tay, đến hạch sách o:

- Cái bà già này sao vô chỗ đây?

Ông ta chỉ tay vào cái lồng vịt, nói:

- Bà mau đem cái của nợ này xuống toa đen đi.

O liền chìa cái vé tàu hạng nhất ra trước mặt ông ta. Ông ta tròn xoe mắt nhìn o về nghi ngờ, nhìn đôi dép mòng o đi, cái áo dài vá vai và cái váy nâu nhuộm bùn của o. Rồi ông ta quát to:

- Tôi đã bảo với bà là cái của nợ này phải xuống toa đen. Còn bà muốn ngồi ở toa hạng nhất này thì phải vứt cái lồng vịt xuống sân ga đi.

Hai con vịt bầu lập tức kêu quàng quạc ầm cả toa tàu khiến ông nhân viên nhà tàu càng cáu quát om sòm. Hành khách cũng nhao nhao mời o ra khỏi toa hạng nhất với cái lồng vịt.

O Thanh đành phải xách cái lồng vịt đi xuống toa đen, nghĩ bụng: "Thôi, chỉ vì mình muốn ra Hà Nội xem Cụ Hồ có phải là em Nguyễn Tất Thành không..."

Cứ thế tàu chạy tới ga Quán Hành. O đang tìm cách nào dựa lưng một chút mà ngủ được qua đêm thì tốt. O bỗng thấy một người ăn mặc kiểu công chức đi cùng

anh nhân viên mang cái băng đỏ lúc nãy đã đuổi o từ toa hạng nhất xuống đây, nhưng o cứ nhìn ra cửa sổ tránh mặt họ.

Anh nhân viên mang băng đỏ nói từ tốn hơn lúc nãy:

- Đây. Bà mang cái lồng vịt có vé hạng nhất đây, ông nhận xem có phải là chị Cụ Hồ không?

O vẫn ngồi im, lấy miếng trầu mang theo ra ăn. Ông công chức nói về lễ độ:

- Thưa Cụ. Anh em công tác trên tàu vì không biết Cụ là chị Cụ Hồ, cho nên anh em đã sơ xuất với cụ. Xin Cụ thứ lỗi cho chúng cháu. Xin mời Cụ lên toa trên ạ.

O nói ngay:

- Sang thời dân chủ rồi mà đầu óc quan quyền của các anh vẫn chưa gột rửa à? Các anh thấy người mặc đồ xuềnh xoàng thì xua đuổi, quát nạt, nhưng lại sợ người có chức có quyền. Các anh nên nhớ: Cụ Hồ có chức nhưng không cậy quyền với dân đâu. Tôi là chị Cụ Hồ thì cũng là người dân thôi.

Thấy o nói thẳng, ông ta liền xưng tên:

- Thưa cụ, cháu là Nguyễn Thiệu con ông Nguyễn Nghi, cha cháu cũng từng là học trò của cụ Nguyễn Sinh Sắc đấy ạ.

O Thanh thờ phào:

- À, ra vậy.

Ông Nguyễn Thiệu nói tiếp:

- Thừa Cự, Ủy ban nhân dân tỉnh Nghệ An được tin Cự Nguyễn Thị Thanh đáp tàu hỏa ra Hà Nội thăm gặp Cự Hồ. Ủy ban vội giao cho nhà ga Vinh giúp đỡ Cự trên tàu, do tàu đã chạy nên Ủy ban cho xe đưa cháu đuổi theo tàu tới ga Quán Hành thì tàu vừa đỗ lại, Ủy ban cho cháu biết một đặc điểm duy nhất là bà Cự tay xách cái lồng đựng hai con vịt bầu. Tìm được Cự cháu mừng quá. Bây giờ xin Cự trở lại toa hạng nhất ạ. Còn cái lồng vịt của Cự, chúng cháu sẽ đưa xuống toa ăn uống của nhân viên trên tàu Cự ạ.

O Thanh nói:

- Như vậy phiền phức cho các anh quá.

- Thừa Cự, từ đây đến Hà Nội đường còn xa. Cự cứ ngồi đúng ghế của mình cho tiện, Cự ạ, cho chúng cháu yên tâm, khỏi áy náy.

Ông Nguyễn Thiệu đưa o Thanh lên toa hạng nhất, ông cũng ngồi với o, o nói:

- Giờ cháu gọi o bằng o thôi, gọi Cự xa cách quá.

Tàu về tới Hà Nội. Ông Nguyễn Thiệu nói:

- Từ đây đến Bắc Bộ phủ còn xa, để cháu thuê xe tay o ngồi cho đỡ mệt.

O Thanh một mực từ chối, lắc đầu:

- Xa gì, o đi bộ tới đó được, đường chẳng đáng là bao. O đã từng nếm mùi cổ đeo cái gông gỗ lim, hai

tay phải đỡ hai đầu gông, chân không có một mảnh mo nang lót mà phải lết từ ngày này qua tháng khác. Nhiều khi o đi không kịp đoàn tù còn bị bọn cai, đội quất roi gân bò bông cả da lưng. Giờ đây, o đi trên đường phố Hà Nội đầu ngẩng cao, chân rộng bước.

Miệng o nói, chân o đi thoăn thoắt, cái lồng vịt lắc lư theo nhịp bước bên dòng người đi diễu hành, hô vang:

“Việt Nam độc lập muôn năm.

Nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa muôn năm

Nam Bộ là của nước Việt Nam

Hồ Chủ tịch muôn năm!...”

Trên đoạn đường từ ga Hàng Cỏ đến nơi “cậu Thành” làm việc. O choáng ngợp trong biển người và sóng cờ đỏ sao vàng, trong tiếng hát tiếng đàn, tiếng hô khẩu hiệu, tiếng hò reo dậy đất, khiến o Thanh vui lên, o mỉm cười sung sướng tự nhận ra: “Chả trách nào cậu Thành đã thay tên đổi họ khi sự nghiệp đã thành danh.”

Với lồng vịt xách tay, o Thanh đến Bắc Bộ phủ. O gặp chú lính canh cổng, o nói:

- Chú ơi, chú cho tôi vào gặp Cụ Hồ.

Chú lính ngạc nhiên, nhìn o từ đầu đến chân, đến quần áo o mặc, rồi nhìn cái lồng vịt, hỏi o:

- Cụ là ai mà đến đây xin gặp Cụ Hồ?

O đáp thản nhiên:

- Chú cứ vào thưa với Cụ Hồ là có người ở trong Nghệ An ra thăm.

O nghe mấy chú lính nói nhỏ với nhau: “Người này hao hao giống Bác Hồ.” Đoạn một chú lính nói với o giọng nhẹ nhàng:

- Cụ hãy tạm đứng sang bên này đợi, sẽ có người ra gặp.

O cảm thấy phiền hà khó chịu, muốn quay về nhưng lòng mong mỏi được gặp em khiến o ráng đợi. Một lúc sau, lúc o đã nhai giập miếng trầu mang theo thì có một người cỡ bốn mươi tuổi ra gặp o, và hỏi ân cần:

- Thưa cụ, có phải cụ là Nguyễn Thị Thanh?

O hơi ngạc nhiên hỏi lại:

- Sao ông biết tên tôi?

Ông đáp:

- Dạ, cháu đã được nghe Bác Hồ nhắc đến cụ và cụ cả Khiêm ạ.

O mừng thầm:

- Cụ Hồ đúng là cậu Thành rồi.

Ông lễ phép mời o vào phòng khách, rót nước mời o và tự giới thiệu:

- Thưa cụ, cháu là bí thư, là người giúp việc của Bác Hồ. Tên cháu là Huỳnh, Vũ Đình Huỳnh ạ. Xin cụ đợi cháu một lát ạ.

Sau đó, ông Vũ Đình Huỳnh lên tầng hai. Bác đang làm việc với các anh Võ Nguyên Giáp, Hoàng Hữu Nam, Hoàng Minh Giám về việc bọn Lư Hán, Tiêu Văn đòi được gặp Hồ Chủ tịch.

Ông Huỳnh thưa với Bác: “Cụ Thanh ở Nghệ An ra thăm Bác. Cháu đã đón cụ vào phòng khách...” Ông thấy Bác đặt cây bút chì đỏ xuống bàn, hai tay Người nín chặt lấy bàn, nhìn ông.

Ông Huỳnh được gặp Bác từ Đại hội quốc dân Tân Trào cho đến lúc làm bí thư của Bác, chưa lần nào thấy mắt của Người ngấn lệ rung rung như lần này. Và ông thấy đôi mắt Bác rung rung ngấn lệ. Cả các anh Võ Nguyên Giáp, Hoàng Hữu Nam, Hoàng Minh Giám dường như hòa chung vào niềm xúc động bất ngờ của Bác. Trong giây lát, Bác đã bình tĩnh:

- Bốn chục năm! Bây giờ chị em mới có điều kiện gặp lại, tôi nhớ chị tôi, nhưng phải nén nhịn. Tôi gặp chị tôi ngay tại đây e không tiện, chú Huỳnh xuống gặp chị tôi, chú nói cách nào đó để chị tôi thông cảm. Nhờ chú đưa chị tôi về ở nhà chú Đặng⁽¹⁾. Tôi sẽ về đó, chị em gặp nhau hàn huyên được nhiều.

Ông Huỳnh trở lại phòng khách một mình. O Thanh hỏi ngay:

- Ông Hồ đi vắng à?

(1) Giáo sư Đặng Thai Mai.



Chủ tịch Hồ Chí Minh làm việc tại Bắc Bộ Phủ năm 1946

Ông Huỳnh lúng túng:

- Dạ, thưa cụ... Bác còn dở dang một công việc hệ trọng. Bác giao cho cháu đưa cụ về nghỉ tại nhà giáo sư Đặng. Bác sẽ về gặp cụ tại đó.

Nghe tới đó, o Thanh đứng phắt dậy, sai bước đến góc phòng, xách lồng vịt lên, xẫng giọng:

- Tôi trở về Nghệ An đây. Tôi không ngờ, em tôi bây giờ là Chủ tịch nước. Chủ tịch nước là vua chứ gì. Vậy là, em tôi đã thay đổi, đã "quan dân lễ cách". Sợ gặp chị

rách rưới ở nơi quyền cao chức trọng này xấu hổ cho em chăng?

Ông Huỳnh chờ cho cụ nguôi giận mới thưa với cụ lễ độ mà thân tình:

- Thưa cụ, được tin cụ ra thăm, Bác mừng mà nước mắt ướt nhoe cặp kính lão. Bác muốn chạy ngay xuống đây với cụ. Nhưng Bác đã phải níu chặt tay vào bàn để nén chịu nỗi nhớ nhung. Vì hiện giờ, Chính quyền cách mạng còn trứng nước mà thù trong giặc ngoài như kiến cỏ, chúng đang tìm cho ra tung tích Hồ Chí Minh có đúng là Nguyễn Ái Quốc không?

Ông Huỳnh chưa nói hết, o Thanh đã để lồng vịt xuống, đặt bàn tay vào cánh tay ông Huỳnh, mắt o cũng rung rung lệ:

- Tôi hiểu ra rồi. Vì nghĩa lớn, đã vì nghĩa lớn mà bấy lâu xa cách, gác lại tình riêng. Chị em tôi, thôi được, ông đưa tôi về nhà ông Đặng. Thân sinh ông Đặng và thân sinh tôi vẫn là bạn đèn sách cùng hàng Phó bảng triều Thành Thái mà.

O Thanh về đến nhà giáo sư Đặng nhưng lòng vẫn không yên, dù cả nhà ra mừng đón o như đón người thân lâu ngày mới gặp. Bà giáo Đặng nói với o:

- Người Bắc có tục lệ kiêng ăn vịt đầu tháng, sợ xúi quẩy. Cho nên không ai đem vịt đi biếu lễ Tết. Giá chị đem một đôi gà làm quà biếu Bác Hồ thì hợp với phong tục ngoài Bắc chị ạ.

O không nỡ giận mẹ giáo Đặng vì mẹ ấy cũng là con nhà có tiếng gia phong. Nhưng o nói:

- Mẹ nói vậy là trái đạo nhà ta rồi đó. Tôi đi thăm em trai đã lâu ngày chưa gặp lại, tôi có thứ gì thì đem phần cho em thứ đó. Tôi đâu có biện lễ Tết người thượng cấp?

Mẹ giáo Đặng biết đã lỡ lời, nói với o:

- Em trót buột miệng nói điều không phải, chị thứ lỗi cho em.

Nhân thế, mẹ giáo Đặng hỏi o làm những món gì để đãi com cậ Thành. O nhờ mẹ ấy làm theo chủ định của mình:

- Tôi đem hai con vịt từ quê nhà ra đây là có tích của nó. Nhờ mẹ làm cho chị món vịt luộc, chấm muối gừng, và cậ Thành sợ mùi tỏi sống. Còn nước luộc mẹ cho gia vị làm nước dùng. Chỉ từng ấy, đừng làm thêm món gì nữa.

- Hai con vịt bầu tới ba cân có thể chế biến nhiều món ăn vừa ngon vừa sang. Chỉ một món luộc phí quá chị ạ.

- Những bữa khác mẹ tha hồ trở tài nấu nướng đãi khách. Còn bữa nay mẹ làm theo ý tôi đã.

Vào buổi non trưa có tiếng xe hơi ngoài cửa. Cậ giáo Đặng về mừng rỡ đi nhanh từ phòng ngoài vào trong nói với o:

- Chị ơi... Bác về. Bác về rồi!

O vui đến nghẹn thở, nhưng cái giận dỗi ở đâu tặn trong bụng trào lên. O gắt với cậu giáo Đặng:

- Cậu đang nói với ai vậy? Tôi là chị cậu Thành kia mà. Cậu Thành đi làm cách mạng giúp dân cứu nước chứ đâu phải làm cố đạo để bố mẹ, ông bà cũng phải gọi bằng “cha”, xưng “con”. Bác Hồ là Bác với thanh niên, nhi đồng...

Cậu giáo Đặng im lặng đi ra, o nghe tiếng cậu giáo Đặng nói về hồi hộp từ phía ngoài. Tiếng chân đang đi gần vào nơi o ngồi. Tự nhiên như có ai xoay người o ngoảnh mặt vào tường. O lắng rõ tiếng chân của cậu Thành đang bước, nhưng cái dỗi đã tì kéo o không quay ra với em mà ngoảnh mặt vào tường. Cậu Thành ngồi khẽ khàng xuống mép giường sát người o, giọng nói vẫn trong, vẫn còn hơi hướng giọng Nghệ Tĩnh. Hai bàn tay cậu Thành áp lên vai o: “Chị ơi! Chị nữ nào dỗi với em!” O khóc òa lên! O quay ra ôm lấy em. Nhìn em Thành đã hóa một ông cụ tóc muối tiêu râu thưa dài lò xo, o xót xa vô cùng. Cậu Thành cũng khóc, nói những gì o không nghe rõ. Bao điều dự định để than thở với em bỗng bay biến mất. Trước mắt o lúc này như hiện ra hình ảnh trên sân nhà bà ngoại ở làng Chùa năm Tân Sửu 1901, khi ấy o ngồi thái rau lợn, nhìn ra ngó thấy em Thành, còn gọi bé Côn, theo cha mẹ vô Huế từ năm trước, nay trở về. O mừng reo lên: “Mẹ về... Mẹ về... Bà ơi... Cha mẹ cháu đã về...” Nhưng em Thành chạy sà vào lòng o khóc to:

“Chị ơi, mẹ đã chết trong Huế... Cha đang đi về kia...”
Cái hình ảnh ấy bám riết lấy o mãi tới lúc cậu Thành đứng lên dìu tay o ra khỏi phòng khách.

Mợ giáo Đặng đã làm xong cơm. Hai chị em o, hai vợ chồng cậu giáo Đặng ngồi vừa một mâm. Nhìn vào mâm thấy đầy thịt vịt luộc, cậu Thành đùa vui:

- Chà! Vợ chồng chú Đặng đãi chị em tôi món thịt vịt đầy thế này rồi tha hồ được nghe “tin vịt”.

Cậu giáo Đặng cười không nói gì. Mợ giáo hồ hởi nói:

- Thưa Bác...

Cậu Thành đỡ lời ngay:

- Gọi tôi là anh thôi. Người nhà với nhau mà gọi tôi bằng Bác, gọi o Thanh của chúng ta bằng chị khác nào cầm đũa lệch gắp cơm.

Cậu Thành nói vậy rồi, mợ giáo Đặng vẫn gọi Bác. Mợ ấy nói luôn món thịt vịt là của o mang từ làng Sen ra. Cậu Thành đặt đôi đũa xuống mâm đứng dậy, hai cánh tay khép vào phía trước người mình nói với o:

- Hồi còn bé em thích món thịt vịt luộc hơn các thức ăn khác. Em cũng hay vùi vĩnh bà ngoại, vùi vĩnh mẹ món thịt vịt mỗi khi nhà có cỗ bàn. Em xa quê từ ngày tóc còn để chòm, nay hai chị em tóc bạc mới được gặp lại. Chị vẫn còn nhớ sở thích khi còn trẻ nít của em, chẳng quản tuổi già sức yếu đem vịt từ quê nhà ra đây vì em...

O Thanh mừng thỏa dạ như lúc khát được uống nước giếng thơi vậy. O nói ra điều canh cánh bên lòng với cậu Thành:

- Chị cứ lo ngay ngáy về nỗi cậu đi khắp toàn cầu sẽ quên mất những thứ quê vị quán nơi mình cất rốn chôn nhau. Giờ gặp cậu chị yên lòng lắm.

Chị em sau bốn mươi năm xa cách, Bác Hồ cũng chỉ được gặp chị có một lần ngắn ngủi và duy nhất.

O Thanh sau khi ra Hà Nội thăm Bác Hồ trở về quê, tôi (nhà văn Sơn Tùng) có hỏi:

- O đã ra Thủ đô thăm Bác Hồ, giá o đừng về quê mà ở lại thì hai chị em được gần gũi, săn sóc nhau lúc tuổi già...

Tôi chưa nói được trọn ý thì cụ đã ngắt lời, giọng nghiêm lại:

- Cháu có học, mà sao cháu nghĩ suy điều chật hẹp ấy? O là con gái ông Phó bảng Sắc, chị gái Tất Thành giờ là Hồ Chí Minh. Nhà o không có cái nòi “một kẻ làm quan cả họ được nhờ”. Chức càng cao phe cánh bồ ố càng đông, càng độc quyền gia đình trị.

Rồi o dịu giọng hơn:

- Con người ta lúc trái nắng trở trời, nhất là lúc tuổi xế bóng vãn chiều, có sự nương tựa nào bằng sự nương tựa của đạo vợ chồng, tình con cái, nghĩa anh chị em ruột thịt? Nhưng hoàn cảnh o với cậu Thành bây giờ

lại không thể ở gần nhau để nhờ vả nhau được. O phải tránh cho cậu Thành, nếu chị em o ở gần nhau sẽ mang tiếng là Cự Hồ có đầu óc “thượng vị gia hạ vị dân”. Mà cũng sẽ mang tiếng bám ghế em làm Chủ tịch nước để được ăn sung mặc sướng...

- Thưa o, thiết tưởng o quá cẩn thận mà suy xét ra như vậy, chữ đạo đức Bác Hồ sáng ngời dân ta, chẳng có ai nỡ bì tị nếu o ở gần Bác Hồ để được phụng dưỡng lúc tuổi già...

- Tắm gương trong mà không siêng lau chùi để bụi bám sẽ hoen ố. Một người đã có được trăm điều hay mà phạm phải một điều dở thì thôi thôi chỉ thấy cái dở che khuất những điều hay của người đó. Người ta khi đã có cái tên và cái tuổi càng phải gìn giữ đức sáng, cháu ạ.

Ngày ấy, ở Nghệ An, một số bà con nghe phong thanh chuyện “o Thanh ra Hà Nội thăm Bác Hồ” rồi truyền đi theo dạng kể huyền thoại với bao chi tiết li kì. Trong không khí thân mật tình cô cháu, tôi ước hỏi cụ ấn tượng sâu sắc về cuộc gặp gỡ hai chị em sau bốn mươi năm xa cách. Cụ không phải là người dễ tính để nói ra những điều ấy. Tính cụ là khi đã ngà ngà rượu, cụ mới nói ra như gửi gắm đôi lời tâm sự. Cụ không uống nhiều rượu, chỉ vài ba chén bạch đình, thường uống vào lúc hoàng hôn, ngồi bên ngọn đèn dầu, nhấp một tí chút, không có thức nhắm. Ít khi có người ngồi hầu rượu cụ, nên lúc ngà ngà say cụ trò chuyện với ngọn đèn, với cái

bóng của mình. Ai hợp tính được cụ giữ lại đãi rượu thì được hầu chuyện cụ sáng đêm.

* * *

Đang khi bề bộn hàng trăm thứ việc lại xảy ra vụ bọn phá hoại ám sát Arnoux, một Pháp kiều, nguyên là giáo viên trường Kỹ nghệ Đông Dương. Bọn Lư Hán lợi dụng vụ này gây rắc rối với ta.

Mới đầu giờ làm việc, từ Tổng hành dinh, Lư Hán đưa tới văn phòng Phủ Chủ tịch một phong thư, đề: “Kính gửi đồng chí Hồ Chí Minh.” Thứ trưởng Bộ Nội vụ, ông Hoàng Hữu Nam mở phong bì thư: “Kính mời Hồ Chí Minh tiên sinh quá bộ tới Tổng hành dinh của tôi để giải quyết vụ nhân viên công an Việt Nam bắn chết một Pháp kiều.”

Ông Hoàng Hữu Nam báo cáo ngay với ông Võ Nguyên Giáp. Ông Giáp suy nghĩ. Ông chau mày:

- Bọn này vừa xảo quyệt vừa hèn mạt. Chúng dám giờ trò lục lâm với chúng ta ngay lúc này lắm. Trên phong bì chúng viết là “đồng chí Hồ Chí Minh”. Tránh gọi chức danh “Chủ tịch nước” của Bác. Nếu gọi như vậy là vô hình chung chúng đã thừa nhận chính phủ của ta. Trong công văn chúng lại ghi “Hồ Chí Minh tiên sinh”. Giọng điệu xác xược này, chúng dám làm cái điều hèn mạt!

Ông Võ Nguyên Giáp cho mời ông Lê Giản, ông Vũ Đình Huỳnh đến trù liệu công việc trước lúc báo cáo với Bác. Các ông đều thống nhất khuyên Bác không đến gặp Lư Hán tại nơi hãm ở.

Ông Võ Nguyên Giáp và ông Vũ Đình Huỳnh gặp Bác, đọc xong thư “Thượng khẩn” của Lư Hán. Bác hỏi:

- Ý kiến các đồng chí thế nào?

- Thừa Bác - ông Giáp nói - anh em chúng tôi thống nhất với nhau là Bác cử đặc phái viên của Chủ tịch nước Việt Nam đến gặp hãn ta.

Bác mở nắp bao thuốc. Chẳng còn điều nào. Ông Vũ Đình Huỳnh lấy bao thuốc ở trong cặp ra mời Bác. Bác hút luôn mấy hơi liền. Giọng Bác sáng lên:

- Lư Hán lúc này không phải chỉ là tướng của quân đội Tưởng Giới Thạch mà nhân danh đồng minh đến đất nước mình giải giáp quân đội phát xít Nhật. Ngoài phong bì nó gọi tôi là đồng chí, nhưng giấy tờ bên trong lại là “một chỉ lệnh” của đồng minh và cái giọng rất “thiên triều” đối với các chư hầu. Nếu tôi không đến gặp nó, nó sẽ cho là chúng ta đã sợ nó. Nó sẽ được nước, làm điều cần bậy hơn.

Ông Giáp lo lắng:

- Nhưng... Bác đến đó nguy hiểm vô cùng.

- Đúng. Nhưng có miếng võ hiểm thì cũng có miếng văn phá hiểm chứ.

Ông Vũ Đình Huỳnh hỏi:

- Phải có ai đi cùng với Bác chứ?

- Không cần. Mình vừa là Chủ tịch vừa là Bộ trưởng Bộ Ngoại giao. Trường hợp này nhiều người lại sinh vướng chân nhau, càng khó xoay trở. Chỉ cần chú lái xe và một chú cận vệ đi với tôi.

Anh Hào đưa xe đến trước bậc thềm. Đồng chí Định, các đồng chí Lý và Chuẩn đã sẵn sàng đợi Bác trước cửa ra vào.

Bác dặn ông Vũ Đình Huỳnh:

- Cả ngày hôm nay, chú không rời khỏi phòng này một lúc nào cả.

Ông Võ Nguyên Giáp, ông Hoàng Hữu Nam, ông Lê Giản đưa chân Bác ra sân Bắc Bộ phủ, hầu như ba ông đều có một lo lắng: “Hoa quân nhập Việt, diệt Cộng, cầm Hồ”. Cánh cửa xe mở, Bác lại quay vào phòng, Bác gọi điện thoại sang văn phòng ông Patti. Mọi người vẫn đợi Bác ngoài sân. Lúc trở lại, nét mặt Bác đầy tự tin và thanh thản.

Xe Bác ra khỏi Bắc Bộ phủ, đi thẳng lên phía Quảng trường Ba Đình, vào thẳng dinh Toàn quyền cũ. Bác vừa ra khỏi xe, một tên sĩ quan liên lạc của Lư Hán tiếp Bác ngay ở bậc thềm tòa lâu đài, hấn nói tiếng Vân Nam:

- Thưa Hồ Chí Minh tiên sinh. Tướng quân Lư Hán

của chúng tôi bận việc. Mời tiên sinh gặp tướng quân Tiêu Văn.

Một sự xúc phạm. Nhưng Bác thoát mình khỏi sự tiều khí của bọn giặc cỏ này.

Bác nói với anh Hào:

- Chú đưa Bác đến nhà số 64, phố Nguyễn Du.

Đồng chí Chuẩn về tức giận:

- Chúng nó bắt nạt ta, quá lắm Bác ơi!

Bác cười:

- Chúng ta đang bí nên chúng bắt bí, chứ chúng nạt thế nào được chúng ta.

Anh Hào dừng xe sát mép đường, trước ngôi biệt thự số 64 Nguyễn Du. Hai tên lính gác đứng nghiêm lúc Hồ Chủ tịch bước đến cửa. Bác nhận ngay ra Thiệu Bách Xương, đặc phái viên Bộ Quân chính Quốc dân đang đợi sẵn ở đây. Bác còn nhớ như in lần đầu tiên gặp y trong một bữa tiệc của các tướng lĩnh Bộ Tư lệnh phương diện quân thứ nhất chiêu đãi các Đảng ở Việt Nam tại khách sạn Tân Á. Ngoài Lư Hán, Tiêu Văn, Chu Phúc Thành, còn có Chu Kiệt, Lăng Kỳ Hàn, Trần Tư Hòa, Hoàng Cường, v.v...

Thiệu Bách Xương thái độ lễ phép:

- Thưa đại nhân, Chu Quân trưởng (Chu Phúc Thành) hiện đang chờ Đại nhân tại Bộ Tư lệnh Quân đoàn 63.

Đã nhận ra sự nguy hiểm nhưng Bác rất điềm tĩnh:

- Các ông đã có thịnh tình mời tôi mà địa điểm đón tiếp tôi lại không thống nhất được với nhau, thật đáng tiếc.

- Xin đại nhân miễn thứ cho sự sơ xuất này của chúng tôi. Tôi xin tháp tùng đại nhân đến tận bản doanh của Chu Quân trưởng ạ.

Thấy Bác đi trở ra với một viên tướng Tàu, anh em cận vệ lo lắng. Bác đưa mắt nhìn anh em: “Bình tĩnh.”

Anh Hào giữ tay lái đưa chiếc xe chở Bác bám sát chiếc xe của viên tướng Tàu. Phút chốc xe Bác đã đến khu Đồn Thủy (bây giờ là Viện 108). Đám lính gác Bộ Tư lệnh Quân đoàn 63 trong tư thế thiết quân lệnh, mặt tên nào cũng đờ đẫn sát khí, súng tuốt lê trần sắc lạnh.

Bác sóng bước với Thiệu Bách Xương đi vào tòa tiền sảnh. Viên sĩ quan liên lạc trực sẵn, đón Bác và Thiệu Bách Xương vào phòng, song ba cận vệ của Bác bị lính Bộ Tư lệnh Quân đoàn giữ lại. Ba anh với tư thế bàng hoàng mắt nhìn bốn lính Tường. Bác nhìn về phía ba vệ sĩ ngằm bảo: “Bình tĩnh”. Bác đi ung dung lên gác hai.

Trời đã xế chiều, Bác vẫn chưa về! Không một tin tức gì từ lúc Bác lên xe đến đại bản doanh Lư Hán.

Ông Võ Nguyên Giáp, ông Lê Giản, ông Hoàng Hữu Nam, ông Vũ Đình Huỳnh lo lắng... thấp thòm... phán đoán... không rõ là chúng giữ Bác ở chỗ nào. Ông

Lê Giản, Tổng Giám đốc Nha Công an Việt Nam đã tung lực lượng trinh sát đi mà chưa có một manh mối nào, ba đồng chí bảo vệ và lái xe cho Bác cũng chẳng có người nào trở về?

Anh Định, cẩn vệ, trở về một mình! Mọi người đầy hồi hộp. Anh Định trao cho ông Võ Nguyên Giáp thư bỏ ngỏ của Bác bằng chữ nho: “Tôi đang bận một chút. Anh em ở nhà cứ làm việc bình thường.” Anh Định thuật lại toàn bộ sự diễn biến. Bác vẫn còn bị chúng giữ trong tổng hành dinh Quân đoàn 63 của Chu Phúc Thành!

Một mình Bác giữa bầy sói? Phải làm... làm cách nào để giải vây cho Bác?

Đang lúc trù liệu rất căng thẳng thì ông Patti và tướng Gallagher đến Bắc Bộ phủ. Ông Hoàng Hữu Nam và ông Vũ Đình Huỳnh tiếp họ.

Ông Patti là một vị khách nước ngoài quen biết Bác Hồ từ bên Vân Nam. Từ ngày về Hà Nội, Hồ Chủ tịch đối với ông như một người bạn, tiếp xúc với nhau nhiều lần. Bác từ Tân Trào về 48 Hàng Ngang, Hà Nội, đang chân ướt chân ráo, Người đã mời cơm thân mật Patti. Người còn tiếp ông mấy lần tại nhà số 8, đường Vua Lê và nhờ ông chuyển thư của Người tới Tổng thống Mĩ thời bấy giờ là Truman. Ông cho biết Hồ Chủ tịch đã gọi qua điện thoại mời ông và tướng Gallagher chiều nay gặp gỡ nhau ở Bắc Bộ phủ.

Ông Huỳnh báo cho hai ông biết là Hồ Chủ tịch đến hành dinh của Quân đoàn 63 theo lời mời của tướng Lư Hán. Nhưng chẳng rõ lí do gì mà họ giữ Hồ Chủ tịch tại đó đến lúc này vẫn chưa về được.

Sự bất bình về hành động của bọn Lư Hán hiện rõ trên cử chỉ ông Patti và tướng Gallagher. Ông Patti đi ra xe, nói với ông Vũ Đình Huỳnh:

- Chúng tôi can thiệp ngay việc này...

Bấy giờ ông mới rõ lí do Bác dặn ông lúc ra đi: "Cả ngày hôm nay chú không được rời khỏi phòng này một lúc nào cả."

Ông Võ Nguyên Giáp mỉm cười.

- Bây giờ mình mới hiểu điều Bác nói lúc Người quyết định sáp mặt với bọn chúng: "Có miếng võ hiểm thì cũng có miếng văn phá hiểm."

Chiều se se lạnh. Ông Vũ Đình Huỳnh đưa xe đến đón Bác và anh em cận vệ. Lúc về bên hồ Hoàn Kiếm, anh Hào, người lái xe của Bác bị chúng tước đoạt chiếc xe, hỏi Bác:

- Sao chúng nó lại không trả cho ta cái xe, hà Bác?

- Chúng nó đã không giữ nổi cả tấm chì thì giữ lấy một miếng chì cho đỡ bẽ mặt.

Anh Định tự trách:

- Chúng cháu đi bảo vệ Bác mà chẳng làm nên trò trống gì.

- Các chú đã bình tĩnh, giữ vững kỉ luật. Như thế là góp phần thắng lợi.

Ông Vũ Đình Huỳnh giọng vui vui:

- Trong vòng vây lang sói, Bác đã tự cứu Bác.

Bác cười:

- Cuộc chiến đấu của chúng ta không đơn độc.

Ông Vũ Đình Huỳnh mở cặp lấy bức điện cụ Huỳnh Thúc Kháng trao vào tay Bác: “Thưa Hồ Chủ tịch, tôi vừa nhận được điện thứ hai của Chủ tịch và điện của ông Võ Nguyên Giáp. Tôi chuẩn bị trời tốt sẽ lên đường.”

Bác nhìn xuống hồ Hoàn Kiếm lung linh ánh gương thiêng!...

CHƯƠNG 4

Bác Hồ với phong trào phụ nữ

Sau khi Chính phủ lâm thời đã thành lập Bộ Nội vụ, Bộ Ngoại giao, Bộ Tư pháp và một số Bộ khác, Bác Hồ gặp các chị lãnh đạo Hội Phụ nữ, Bác nói:

- Bây giờ Hội Phụ nữ các cô cần có một tờ báo để vận động chị em tham gia công tác và chăm lo việc gia đình. Các cô thấy thế nào?

Các chị mừng lắm, xin được ra báo ngay. Bác lại nói:

- Giờ Bác tạm đặt tên cho tờ báo đó là báo *Tiếng gọi Phụ nữ*.

Tờ báo *Tiếng gọi Phụ nữ* đã ra đời vào tháng 9 năm 1945. Chị Như Quỳnh - nguyên Tổng biên tập báo *Phụ nữ Việt Nam*, hiện đang nghỉ hưu tại thành phố Hồ Chí Minh, đã ghi trong hồi kí:

“Lúc ấy, cuộc đấu tranh cách mạng vô cùng phức tạp mà trong cán bộ viết báo chúng tôi thì còn nhiều

người rất non trẻ cần được sự hướng dẫn thường xuyên. Cho nên, việc được gọi đi họp, dù là họp ở Bắc Bộ phủ, cũng vẫn là một sự việc bình thường. Cuối cùng, mới vỡ lẽ ra là chúng tôi được một niềm hạnh phúc mà trước đó chẳng bao giờ tôi dám mơ ước. Và việc đó đã trở thành thường lệ: Hằng tuần, chị Thanh Thủy và tôi được vào Bắc Bộ phủ, được nghe Bác hướng dẫn cách sử dụng báo chí, đối phó với muôn vàn khó khăn, khi Nhà nước ta còn non trẻ mà thù trong, giặc ngoài thì nham hiểm, hống hách, trong tay sẵn súng, sẵn đạn. Những từ “chiến lược”, “sách lược”, “yêu nước” không còn là những từ trừu tượng. Tôi nhớ là tôi không hề được nghe Bác nói những từ chính trị mà chúng tôi rất sinh dưng lúc bấy giờ. Bằng những lời phân tích dễ hiểu, Bác làm cho chúng tôi thông suốt và đem hết nhiệt tình ra giải thích chủ trương của Đảng cho người khác, cũng như khôn khéo đấu tranh với địch bằng những lí lẽ xác đáng như những sợi lạt mềm, cứ thít chặt, thít chặt cổ quân thù lại.

Một điều Bác dạy bảo mà suốt đời tôi không bao giờ quên là: *“Báo chí là đại biểu cho dư luận, phải giúp Chính phủ đạt được thành công trong các chính sách đối nội, đối ngoại. Sau này, những lúc tình hình cách mạng có chuyển biến mới, người làm báo phải suy nghĩ nhiều.”* Câu nói của Bác giúp tôi nhớ tới vị trí và tính chất của báo chí ta. Nhưng đâu có phải Bác chỉ dạy cho

báo chí làm nhiệm vụ đấu tranh chính trị. Một lần, Bác hỏi chị Thanh Thủy và tôi: “Các cô đã có con chưa? Các cô biết bế con, nuôi con chưa? Làm báo Phụ nữ không phải chỉ nói chính trị suông, giải phóng phụ nữ chung chung mà còn phải hướng dẫn cho chị em cách nuôi con, dạy con, chăm lo việc gia đình.”

Tấm lòng Bác thương yêu cán bộ nữ viết báo không chỉ biểu hiện ở chỗ Bác dạy cho chúng tôi về nghề nghiệp. Bác còn rất quý chúng tôi. Ngày 19 tháng 5 năm 1946, lần đầu tiên ngày sinh nhật Bác được tổ chức. Như mọi người, chúng tôi rất muốn vào chúc mừng Bác. Nhưng chúng tôi nghĩ, đây là ngày lễ lớn, chỉ các bộ trưởng, các đại diện đoàn thể có cống hiến nhiều cho cách mạng thì mới nên đến chúc mừng Bác, còn chị em chúng tôi, những người cán bộ bình thường thì cứ cố làm công việc của mình, hằng tuần được gặp Bác đã là hạnh phúc lớn rồi, và chúng tôi không dám đến. Ngày hôm sau, có cuộc họp báo. Anh Cù Huy Cận cho chị Thanh Thủy và tôi biết hôm qua Bác bảo thế nào báo Phụ nữ cũng vào và Bác đã để phần bánh cho chúng tôi. Bác thật chu đáo.”

Sau khi khéo léo dàn xếp được quân Tàu Tưởng, Bác và các anh tập trung lo đối phó với thực dân Pháp. Nhưng Hiệp định Sơ bộ mừng 6 tháng Ba và Tạm ước 14 tháng Chín không đem lại kết quả như mong muốn.



*Chủ tịch Hồ Chí Minh trong phòng làm việc của Người
tại căn cứ địa Việt Bắc (1951)*

Ngày 19 tháng Mười Hai năm 1946, Bác kêu gọi toàn dân tham gia kháng chiến.

“Hỡi đồng bào toàn quốc!

Chúng ta muốn hòa bình, chúng ta phải nhân nhượng. Nhưng chúng ta càng nhân nhượng, thực dân Pháp càng lấn tới, vì chúng muốn cướp nước ta lần nữa!

Không! Chúng ta thà hi sinh tất cả, chứ nhất định không chịu mất nước, nhất định không chịu làm nô lệ.

Hỡi đồng bào,

Chúng ta phải đứng lên!

Bất kì đàn ông, đàn bà, bất kỳ người già, người trẻ, không phân biệt đảng phái, tôn giáo, dân tộc. Hễ là người Việt Nam thì phải đứng lên đánh thực dân Pháp để cứu tổ quốc, ai có súng dùng súng, ai có gươm dùng gươm, không có gươm thì dùng cuốc, thuổng, gậy gộc...

Cuộc kháng chiến toàn quốc bùng nổ, cơ quan Hội Liên hiệp Phụ nữ Trung ương rời Hà Nội lên Việt Bắc. Lần đầu tiên trong đời, những người cán bộ nữ hầu hết là dân “tạch tạch xè” (tiểu tư sản), chưa quen chân lấm tay bùn, đứng ra tổ chức một cơ quan. Đến nơi ở mới chưa quen khí hậu, nhiều chị bị sốt rét, lại càng chưa biết trồng trọt, chăn nuôi, cơ quan chị em chẳng có mấy thức ăn. Con đường từ nơi Bác ở đến Phủ Thủ tướng đi qua cơ quan Phụ nữ. Có lần Bác đi họp, bắt gặp mấy cô thanh niên đang bung một rổ rau tàu bay vừa hái ở rừng về, Bác nói ngay:

- Các cháu đang xanh xao mà ăn rau tàu bay là có hại cho sức khỏe đấy. Ở chỗ Bác có nhiều hạt rau giống, Bác còn thả cái xoong nữa.

Chị em mừng quá, xin vâng, hôm sau cùng nhau lên gần nơi Bác ở xin cái xoong, hạt rau về trồng.

Hằng năm cứ đến Chiến dịch Thu đông, các cơ quan phải lục tục di chuyển. Bác hỏi thăm thấy cơ quan Hội Phụ nữ chưa chuyển về được. Bác liền gọi điện cho đồng chí Hoàng Quốc Việt, đồng chí Hoàng Quốc Việt

thừa nhân công ở căn cứ địa hiện đang rất thiếu. Bác liền cử anh Chánh là bác sĩ chăm sóc sức khỏe của Bác đi tìm giúp địa điểm, nơi nào vừa kín vừa thoáng. Tìm được đất rồi, Bác lại cho anh em bộ đội bảo vệ Bác ra làm giúp hầm trú ẩn. Thế là cơ quan Hội Phụ nữ đã có những cái nhà xinh xắn làm bằng tre nứa đan rất kĩ, và có hầm chữ chi đào sâu ngập đầu người.

Cơ quan ở được một, hai tháng, Bác đi công tác qua, Bác ghé vào thăm, Bác hỏi:

- Các cô có trồng rau không?

Các chị thưa:

- Dạ, thưa Bác có ạ.

Bác bảo:

- Các cô đưa Bác ra thăm vườn rau.

Bác ra vườn. Quả là vì chưa có kinh nghiệm, rau trồng quá lơ thơ. Bác bảo:

- Bác phải cúi xuống nhìn thật kĩ mới trông thấy rau.

Trước lúc ra về, Bác còn dặn:

- Các cô cố gắng trồng thật nhiều rau, cố nuôi gà lấy trứng mà ăn cho khỏe.

Các chị lãnh đạo biết rằng Bác phê bình mình làm chưa tốt. Từ đó, các chị cùng cố lại ban tăng gia sản xuất.

Phong trào tăng gia cả cơ quan lên mạnh. Mỗi chiều sau giờ làm việc, chị xách nước tưới rau, chị nhổ cỏ, chị

vun xói đất rất vui. Và vườn rau đã tươi xanh. Bác đi qua thấy vườn rau của chị em xanh tốt, Bác vui lòng. Năm ấy, Hội đồng Chính phủ họp khi kiểm điểm về tình hình các cơ quan tăng gia sản xuất, các đồng chí phụ trách báo cáo việc tăng gia có tiến bộ nhiều. Bác cười bảo: “Đúng thế, vì ngay vườn rau của cơ quan Phụ nữ cũng xanh tốt.”

Mỗi khi đến thăm cơ quan Phụ nữ, nói chuyện với các chị lãnh đạo xong, Bác thường đến từng phòng. Đến văn phòng, Bác hỏi chuyện một cô đánh máy, hỏi cô có đánh máy bằng phương pháp mười ngón không, công việc đánh máy của cô có gì khó khăn.

Bác lại ân cần hỏi chuyện một cô làm công tác giao thông liên lạc. Cô được dịp thưa với Bác xin cho cô được làm việc khác, giao thông liên lạc chỉ đi cả ngày chả được học hành gì. Bác dành thời gian nói chuyện lâu hơn với cô: Công tác giao thông liên lạc rất quan trọng, giao thông là mạch máu của Đảng, Chính phủ và các đoàn thể, không thể xem nhẹ được, còn cô muốn được học thì không khó. Bác căn dặn các chị lãnh đạo thu xếp cho cô được học vào giờ thích hợp. Bác đến thăm nhà trẻ cơ quan. Một cháu bị bệnh chốc lở đang khóc trong cái giường khung, chả ai chú ý đến cháu vì mọi người còn mãi vây quanh Bác. Bác liền bế cháu lên, nhìn cháu âu yếm, dù cho nước vàng từ tóc cháu dính cả vào chiếc áo Bác đang mặc. Cháu bé hết khóc, Bác dặn các cô giữ

trẻ phải tắm và gội đầu cho cháu bằng các thứ nước lá này, lá nọ và bôi thuốc đều cho cháu. Các cô làm theo lời Bác. Nhờ vậy, cháu bé dần dần khỏi hết chốc lở, lại khỏe mạnh sạch sẽ, hay ăn chóng lớn. Mẹ cháu, chị Chung đi công tác về thấy con khỏe mạnh, mừng lắm.

Thu đông năm 1950, như mọi cơ quan ở ATK⁽¹⁾, cơ quan Phụ nữ Trung ương cũng chuyển lên phía trên giáp giới Tuyên Quang, Hà Giang. Các chị đi gọn nhẹ, những thứ không cần thiết thì để lại, đồng thời cử chị Phái là một nữ thanh niên trong ban công tác đội ở lại trông nom, các chị nghĩ rằng dân quanh vùng rất tốt sẽ chẳng có chuyện gì. Một hôm Bác đi công tác qua, biết là cơ quan đã chuyển rồi nhưng Bác vẫn ghé vào thăm, thấy có chị Phái một mình ở lại. Bác thương lắm. Mấy hôm sau, đến thăm nơi ở mới của cơ quan Phụ nữ, Bác bảo: "Các cô không nên để cô Phái ở lại một mình. Nên gửi các thứ còn lại cho đồng bào, và đưa cô Phái về cơ quan mới hoặc về địa phương công tác." Trước lúc ra về, Bác vẫn dặn đi dặn lại: "Không nên để cô Phái ở lại một mình." Các chị thực hiện ngay, gửi đồ đạc cho đồng bào, đưa chị Phái về cùng chị em. Các chị càng hiểu tấm lòng Bác thương cán bộ đến nhường nào.

Năm 1952, Bác từ chiến trường Tây Bắc về, vào thăm cơ quan Hội Phụ nữ, Bác rất vui. Bác hỏi các chị:

- Các cô ở nhà có tiến bộ không? Bác đi công tác ở

(1) A.T.K: An toàn khu

mặt trận tiến bộ nhiều lắm. Thầy học của Bác là bộ đội, là dân cày, là nhân dân.

Rồi Bác cười hiền hậu, nói:

- Bác có quà cho các cô đây, nhưng phải đoán đúng thì Bác mới cho.

Chị em nhao nhao hết cả lên, có chị thưa:

- Thưa Bác đây là kẹo ạ.

- À, thưa Bác đúng là nước hoa ạ.

Bác chỉ cười hiền từ. Cuối cùng, Bác lấy ở trong túi ra mấy hộp dầu cao. Bác nói:

- Sắp đến mùa rét, Bác cho các cô để dùng cho khỏi bị cảm lạnh.

Đúng là cái năm ấy rét thật. Có một ít len trên phân phối cho, các chị học kiểu đan mũ của người đi núi, đội ấm cả đầu và cổ. Trước đó, tôi cũng có một cái mũ len màu đỏ. Thấy Bác mỗi lần ra ngoài, Bác đội mũ, quàng khăn bông che gần kín mặt nhưng về nhà Bác bỏ mũ, bỏ khăn, tôi sợ Bác bị lạnh nên đã gửi biếu Bác cái mũ len màu đỏ. Bác đến thăm cơ quan, các chị hỏi:

- Bác đã có mũ chưa ạ?

Bác bảo:

- Bác có mũ rồi.

- Thưa Bác, Bác cho chúng cháu xem ạ.

Bác đưa cái mũ ra. Một chị nói:

- Thưa Bác, cái mũ này đã cũ lại không đẹp, chúng cháu sẽ xin biếu Bác một cái mũ mới.

Các chị cử chị Mĩ Hào, người khéo tay nhất lúc bấy giờ đan cho Bác cái mũ rất đẹp. Nhưng các chị lại lo. Thường có vật gì tốt, Bác đều đem thưởng bộ đội hoặc biếu các cụ phụ lão. Các chị lo cái mũ cũng sẽ chung số phận như các vật dụng khác.

Các chị bàn nhau là cùng với cái mũ, sẽ viết một cái thư thưa với Bác. Đây là cái mũ các cháu mỗi người đan mười hàng biếu Bác, kính mong Bác sẽ giữ mà dùng cho khỏi bị lạnh khi mùa đông tới.

Mãi đến hôm kỉ niệm ngày thành lập Đảng tổ chức tại Văn phòng Trung ương, cơ quan đi dự, các chị để ý thấy Bác vẫn dùng "cái mũ của chúng mình", chị em mới cười sung sướng.

Một hôm khác, Bác lại đem đến cơ quan những ba cái áo len dài tay rất đẹp. Chị Hoàng Thị Ái, phụ trách cơ quan, cảm động thưa với Bác:

- Thưa Bác, chị em không dám nhận đâu ạ. Xin Bác dùng để thưởng cho các chiến sĩ có công.

Bác nói ngay:

- Bác có cho các cô đâu mà các cô từ chối. Đây là Bác cho các cô để các cô biếu người già. Một cái áo các cô biếu bác Tôn, một cái các cô biếu mẹ liệt sĩ Bùi Thị Cúc, còn một cái để dành đấy, khi cần thì có tặng phẩm mà dùng.

Chị em cười sung sướng.

Những năm 1949-1950, do yêu cầu công tác, nhiều chị về cơ quan Trung ương Hội, số lớn mang theo con nhỏ, cũng có chị gửi con cho bà nội, bà ngoại, hoặc gửi tạm nhà đồng bào tốt nơi tản cư.

Thỉnh thoảng lại có tin giặc Pháp bỏ bom bắn phá nơi này, nơi kia, có khi chúng triệt hạ cả một xóm, một làng, khiến các bà mẹ bồn chồn, lo lắng. Có chị xin phép về địa phương đưa con về Hội. Số các cháu nhỏ đưa về cơ quan Hội ngày một đông. Cơ quan cứ dăm bảy tháng lại di chuyển theo chiến dịch Thu Đông. Các chị lãnh đạo Hội thấy cần thiết phải có một nhà trẻ ở một nơi tương đối an toàn đón các cháu về nuôi dạy và để các chị yên tâm làm tốt công tác Hội. Đồng chí Hoàng Quốc Việt khuyên nên đưa các cháu lên Khe Khao, huyện Chợ Đồn, tỉnh Bắc Kạn, nơi đồng chí đã nghỉ dưỡng bệnh, khí hậu trong lành rất tốt. Vợ đồng chí cũng đang ở trên đó với hai cháu bé. Các chị lãnh đạo Hội nhất trí, chị Hoàng Thị Ái - Phó Hội trưởng nói với chị Tụy Phương:

- Phương có kinh nghiệm nuôi con, có thể làm tốt công tác này, Phương lại đang có hai con nhỏ nên cũng tiện cho Phương.

Chị Phương nhận lời. Chị lên đường đi Khe Khao, mang theo giấy giới thiệu của Trung ương Hội gửi Chi bộ Khe Khao và đồng chí Ngô Gia Khảm, Giám đốc công binh xưởng.

Cùng đi với chị còn có bảy cháu lít nhít, cháu lớn nhất bảy tuổi là con gái anh chị Đặng Việt Châu. Mẹ cháu mất ở Phú Thọ trong một trận Pháp ném bom ở Phú Thọ. Còn các cháu khác là con các chị Hà Thị Quế, Lê Thu Trà, Như Quỳnh.

Khe Khao là một mòm núi ở độ cao khoảng từ dưới 1.000 mét so với mặt nước biển.

Nhà trẻ thoát đầu chỉ có ba mươi cháu do sáu anh chị phụ trách, thay hẳn bố mẹ của cháu lúc ấy đi công tác hay chiến đấu ở xa.

Bác Hồ biết các cháu đã có một trại trẻ đảng hoàng, Bác mừng lắm. Thỉnh thoảng Bác gửi bánh kẹo hoa quả cho các cháu ăn. Bố mẹ các cháu lên thăm con rất phấn khởi, nhiều anh chị làm các bài thơ, bài hát ca ngợi Bác.

Một lần, Bác đi ngựa đến thăm trại. Trong khi các cháu, các cô chạy ùa ra đón Bác, Bác Hồ để ý ngay đến một cháu đang ngồi riêng một nơi, ủ rũ, mếu máo, ghẻ lở đầy người, mụn nhọt cả ở đầu, cháu bé này mới được đưa về trại, cháu mồ côi cả cha lẫn mẹ, các chị ở trại vừa phải chữa suy dinh dưỡng, chữa bệnh ngoài da cho cháu, vừa phải cách li cháu để tránh lây sang các bạn. Bác lại gần âu yếm bế cháu lên, không ngại mụn nhọt có nước vàng có thể dây bẩn sang chiếc áo Bác đang mặc. Bác cứ bế cháu suốt cả thời gian thăm trại. Trước khi Bác ra về, Bác trao lại cháu cho một cô bảo mẫu và ân cần dặn dò chị em lấy các loại lá rừng có thể

chữa ghẻ lở tốt mà Bác biết từ hồi ở Pác Bó - Cao Bằng.

Năm 1952, cụ Đặng Quỳnh Anh, cô ruột của giáo sư Đặng Thai Mai từ Thái Lan trở về nước, được đưa về gặp Bác Hồ ở chiến khu. Cụ sinh năm 1885, từng hoạt động trong phong trào Việt Kiều ở Thái Lan và đã gặp Bác Hồ khi Bác hoạt động ở Thái Lan. Tuổi cao, cụ có nguyện vọng về nước. Cụ lên gặp Bác, Bác nói với cụ rằng bây giờ về Khu Tư thì xa quá, cụ nên tìm một chỗ nào có trẻ con để sống với các cháu cho vui và cụ được đưa về trại trẻ Khe Khao. Mọi người đều gọi cụ là bà O, ai cũng quý mến bà O, tuy không phải lo một việc gì ở trại nhưng hằng ngày bà O vẫn lao động nhẹ nhàng, còn bày cho các cô cuốc đất trồng rau.

Những năm chống Pháp, Bác dù bận nhưng chẳng quản đường xa, Bác đã ba lần đi ngựa đến thăm trại.

Hòa bình lập lại, trại Khe Khao được chuyển về Hà Nội, đóng tại 20 phố Thụy Khuê.

Tại đây, trại được Bác rất quan tâm đến thăm nhiều lần. Bác cũng cho đón các cháu vào Phủ Chủ tịch xem phim cùng với Bác.

Một lần trại cho các đại biểu phụ nữ mượn tạm địa điểm về họp. Chi Tụy Phương tổ chức cho các cháu đi nghỉ mát một tháng ở Tam Đảo. Lúc chị cùng các cháu trở về trại được mấy ngày, một anh ở cơ quan Bác đem đến cho trại một cái bắp cải thật to và sáu mươi đồng.

Anh nói: “Đây là bắp cải của Bác trồng. Bác bảo tôi mang đến để các chị nấu cho các cháu ăn, còn sáu mươi đồng là tiền nhuận bút của Bác gửi đến. Bác cho các cháu để các chị gây quỹ tăng gia cải thiện đời sống cho các cháu.” Chị Tuy Phương vừa cảm động vừa ngạc nhiên. Chị tìm hiểu và được biết khi chị và cháu đi Tam Đảo, Bác có sang thăm trại, thấy trại chỉ trồng hoa và cây cảnh mà không tăng gia, nên Bác nhắc các chị phải trồng cả rau, cây quả.

Nhận được quà của Bác, chị và các anh chị em của trại nhi đồng cùng nhau trao đổi, càng hiểu rõ ý nghĩa của việc Bác cho trại bắp cải và tiền gây quỹ tăng gia.

Với số tiền Bác cho, các chị mua rất nhiều cây giống. Anh chị em ở vườn ươm cây giúp các chị chia khu vườn thành các khu nhỏ trồng từng loại cây khác nhau, các cháu rất thích. Nhớ Bác, chị càng thấm thía bài học của Bác **“Trồng cây và trồng người”**.

Ở trại nhi đồng miền Bắc, có một chuyện chị nhớ mãi: Có lần trại tổ chức cho các cháu diễn kịch để ủng hộ nhân dân Algeria. Các chị đăng tin trên báo *Nhân dân*. Vé bán ở trại, mỗi vé hai hào. Các cháu đang biểu diễn thì Bác đến. Các cháu đang múa từ từ dừng lại, giữ nguyên tư thế cũ, cảnh tượng rất đẹp và cảm động. Bác bước lên sân khấu, Bác nói: “Các cháu còn nhỏ mà đã có tinh thần tương thân tương ái quốc tế, thế là rất tốt.” Rồi Bác hỏi: “Cô phụ trách đâu. Tôi đọc báo xong là đến

đây ngay, nên không kịp mua vé, cô nhận 5 đồng này để góp vào quỹ của các cháu.” Nghe Bác nói, các chị cảm động, Bác đã quan tâm đến từng việc nhỏ của các chị và động viên các chị. Có Bác ngồi xem, các cháu múa hát hay hơn.

Cô Thắm kể một chuyện nữa trong buổi diễn:

Bác hỏi các cháu:

- Hôm nay các cháu diễn kịch để làm gì?

Một cháu thưa:

- Thưa Bác chúng cháu diễn kịch để ủng hộ các bạn Algeria ạ.

Bác lại hỏi:

- Các bạn ấy làm sao mà phải ủng hộ?

Không cháu nào trả lời được. Một cô ghé vào tai cháu khác nói:

- Các bạn ấy bị giặc Pháp đánh.

Bác nói ngay:

- Sao cô lại gà?

Bác phê bình lại cô:

- Các cô giáo dục các cháu không đến nơi đến chốn, bảo các cháu làm mà không cho chúng biết ý nghĩa việc các cháu làm.

Chị Phương giám đốc vội đứng ra nhận khuyết điểm trước Bác. Hôm đó, Bác Hồ đã dạy cho tất cả trại một bài học sâu sắc.

Một chuyện nữa. Có cháu bé bị ốm, được đưa lên bệnh xá của trại trẻ. Thấy cháu có vẻ ốm nặng, chị định chuyên cháu đi bệnh viện, thì chị y sĩ trạm xá bảo không cần thiết. Chị Phương lo lắng, chị y sĩ nói: “Chị không biết chuyên môn thì cứ để chúng tôi giải quyết.”

Chị Phương không thạo chuyên môn y tế nên đã tin chị ấy và cháu bé đã ra đi vì không được cấp cứu kịp thời.

Bác biết tin này, Bác không phê bình, không khiển trách. Bác chỉ nói một cách buồn rầu: “Các cô nuôi nấng như thế, thì ai dám giao phó con cái cho các cô nuôi nữa.”

Những lời của Người làm chị Phương day dứt khôn nguôi. Chị xin đi học lớp y tế khoa Nhi tại chức của trường Đại học Y khoa. Chị muốn mình có những kiến thức y học tối thiểu để có thể xử lý kịp thời khi các cháu ốm đau.



Năm 1954, là phóng viên báo *Phụ nữ Việt Nam*, tôi đi họp thường được gặp Bác. Năm 1955, đoàn nghệ thuật Anbani sang thăm và biểu diễn ở nước ta. Tôi được cử đi phiên dịch tiếng Pháp cho đoàn. Bác đến thăm đoàn. Tôi báo cho đoàn biết.

Bác và đoàn đã nói chuyện thân mật, vui vẻ. Khi Bác ra về, tôi đứng ở cửa ra vào vỗ tay chào Bác. Bác cười

vui, xoa đầu tôi, vè mặt Bác hài lòng. Các bạn Anbani tiễn Bác ra tận xe, ôm hôn tạm biệt.

Năm 1961, tôi đi họp Đại hội chiến sĩ thi đua toàn quân. Tôi lại được gặp Bác. Khi Bác ra về, tôi còn đứng trông theo mãi. Xe Bác đã chuyển bánh, bỗng Bác ra hiệu cho đồng chí lái xe dừng lại. Bác vẫy gọi tôi đến. Sung sướng, cảm động, tôi chạy vội tới chào Bác. Bác hỏi:

- Cô vẫn làm báo chứ.

Tôi thưa:

- Thưa Bác vâng ạ.

Bác lại hỏi:

- Thế được mấy con rồi.

Tôi thưa:

- Thưa Bác, cháu được hai đứa ạ.

Bác gật đầu cười vui vẻ. Mỗi lần đi thăm Đại hội các nhà báo, Bác đều gọi các cháu gái viết báo lên ngồi hàng ghế đầu. Bác kể chuyện những năm Bác làm báo cho chúng tôi nghe. Bác thường căn dặn chúng tôi phải viết cho hay, cho chân thực, sinh động, hùng hồn về những con người mới của thời đại ta, chế độ ta.

Năm 1957, tôi vào điều trị tại bệnh viện Việt Xô (nay là bệnh viện Hữu Nghị). Tôi gặp một chị cán bộ người dân tộc Tày. Cùng ở một phòng, chúng tôi chóng thân nhau. Chị nói chị làm liên lạc cho cách mạng ở căn cứ Cao Bằng. Tên chị là Đàm Thị Tịch. Bác Hồ đặt bí danh

cho chị là Đàm Kim Cương. Năm 1957, Bác hỏi thăm biết chị lập gia đình đã được mấy năm nhưng chưa có đứa con nào. Bác nói các anh lãnh đạo cho chị về bệnh viện Việt Xô điều trị.

Mấy năm sau lên công tác tại Cao Bằng tôi tạt vào thăm chị. Khi tôi đến thăm, chị đã là mẹ của hai đứa con, một trai một gái. Chị sung sướng lắm, chị cười rất tươi.

* * *

Trong tập *Bản án chế độ thực dân Pháp*, Bác đã dành một chương nói về nỗi khổ nhục của người đàn bà bản xứ, Người viết:

..."Không một chỗ nào người phụ nữ thoát khỏi những hành động bạo ngược. Ngoài phố, trong nhà, giữa chợ hay ở thôn quê, đâu đâu họ cũng vấp phải những hành động tàn nhẫn của bọn quan cai trị, sĩ quan, cảnh binh, nhân viên nhà đoan, nhà ga. Một người Âu mắng một phụ nữ An Nam là **con đĩ**, **con bú dũ** là một việc thông thường. Ngay giữa chợ Bến Thành ở Sài Gòn - mà người ta bảo là một thành phố Pháp -, bọn gác chợ người Âu cũng không ngần ngại dùng roi gân bò, dùi cui đánh phụ nữ bản xứ để bắt họ tránh khỏi làm nghề lổi!

Những chuyện đáng buồn như thế, có thể kể mãi không hết, song chúng tôi hy vọng rằng mấy việc kể trên cũng đủ làm cho chị em ở chính quốc biết rõ phụ nữ



*Chủ tịch Hồ Chí Minh thăm Hội nghị cán bộ phụ nữ
toàn miền Bắc (26/1/1956)*

An Nam sống quẩn quại trong cảnh lầm than và bị áp bức như thế nào. Bây giờ hãy xem người phụ nữ bản xứ ở các thuộc địa khác - cũng ở dưới sự bảo hộ của nước mẹ - có được tôn trọng hơn không.

Ở Phết Modala (Angiêri)⁽¹⁾, một người bản xứ bị kết án một năm tù vì tội ăn trộm. Anh ta trốn khỏi nhà lao. Người ta phái một toán quân, do một quan hai chỉ huy, đến bao vây làng anh ta. Toán quân sục sạo rất kỹ nhưng không tìm thấy. Chúng bèn tập trung 35 phụ nữ họ hàng thân thuộc của anh ta lại. Trong số người này có

(1) Fedj Mozala (Algérie)

những em gái 12 tuổi, những cụ bà 70 tuổi, những phụ nữ có thai, những bà mẹ đang cho con bú. Dưới con mắt bao dung của viên quan hai và của viên quan cai trị vừa đến, mỗi tên lính vồ lấy một phụ nữ. Các hào mục, các người cầm đầu các tổ chức từ thiện trong làng cũng bắt buộc phải đứng xem cảnh ấy. Người ta bảo làm thế để cho họ sợ. Xong rồi, người ta phá nhà cửa, bắt súc vật, nhốt những người đàn bà đã bị hãm hiếp vào một căn nhà để cho chính bọn đao phủ kia canh gác và tiếp tục mọi hành động ô nhục như thế đến hơn một tháng.

Người ta thường nói: "Chế độ thực dân là ăn cướp." Chúng tôi xin thêm: là hiếp dâm và giết người.



Dưới đầu đề: "Bọn thực dân kẻ cướp", Víchto Mêrich⁽¹⁾ đã kể lại một hành vi bạo ngược không thể tưởng tượng được của một viên quan cai trị thuộc địa nọ: hắn đổ nhựa cao su vào âm hộ của một phụ nữ da đen. Sau đó, hắn bắt chị ta đội một tảng đá to tướng đứng phơi nắng cho đến chết.

Tên viên chức dâm bạo ấy hiện đang tiếp tục lập công ở một địa phương khác.

Khốn thay, những hành vi bỉ ổi như thế lại không hiếm gì ở cái nơi mà làng báo bồi bút thường gọi là "nước Pháp hải ngoại".

(1) Victor Meric.

Tháng 3 năm 1922, một nhân viên nhà đoàn ở Bà Rịa (Nam Kỳ) đã đánh gần chết một phụ nữ An Nam làm phu đội muối, lấy có chị đã làm ồn ào dưới hiên nhà hấn làm hấn mất giấc ngủ trưa.

Tuyệt hơn⁽¹⁾ nữa là người phụ nữ ấy còn bị đe dọa đuổi khỏi công trường muối nếu chị kêu kiện.

Tháng 4, một nhân viên nhà đoàn khác đến thay, cũng tỏ ra xứng đáng với tên trước bởi những hành vi tàn ác của hấn.

Một bà cụ An Nam, cũng là phu gánh muối, vì bị khấu lương nên cãi nhau với mục cai. Mục cai thừa với viên đoàn. Viên này không cần xét hỏi gì cả, tát luôn bà cụ hai cái tát nên thân, và khi bà cụ cúi xuống nhặt nón, thì nhà khai hoá đó lại đá luôn một cái rất ác vào bụng dưới làm cho máu ộc ra lênh láng.

Bà cụ ngã xuống bất tỉnh. Đáng lẽ phải đỡ bà cụ dậy thì người cộng sự của ông Xarô⁽²⁾ lại đòi lí trưởng sở tại đến và ra lệnh đem người bị thương đi. Lí trưởng từ chối không làm. Viên đoàn liền cho đòi chồng bà già đến, - ông này mù, - ra lệnh đem vợ về.

Các bạn có muốn đánh cuộc rằng cũng như bạn đồng sự của họ là viên quan cai trị nọ ở châu Phi, hai viên chức nhà đoàn Nam Kỳ này đã được hoàn toàn vô

(1) Tác giả dùng từ "Tuyệt hơn" với ý châm biếm (BT).

(2) Albert Sarraut, Toàn quyền Đông Dương khi ấy.

sự không? Thậm chí có thể chúng đã được thăng thưởng nữa là khác!

* * *

Thật là một sự mỉa mai đau đớn khi thấy rằng nền văn minh - dưới nhiều hình thức khác nhau như tự do, công lí, v.v., được tượng trưng bằng hình ảnh dịu hiền của một người phụ nữ và được một hạng người tự cho là phong nhã ra sức điểm tô - lại đối xử một cách hết sức bỉ ổi với người phụ nữ bằng xương, bằng thịt và xúc phạm tới phong hoá, trinh tiết và đời sống của họ một cách cực kì vô liêm sỉ.

Thói dâm bạo thực dân là hiện tượng phổ biến và tàn ác không thể tưởng tượng được. Ở đây, chúng tôi chỉ nêu ra một vài việc mà những nhân chứng không thiên vị đã trông thấy và kể lại, để các chị em phương Tây hiểu rõ giá trị của cái gọi là “sứ mạng khai hoá” và nỗi đau khổ của chị em mình ở thuộc địa.

Một người ở thuộc địa kể lại rằng: Khi bọn lính kéo đến, tất cả dân chúng đều chạy trốn, chỉ còn lại hai cụ già, một thiếu nữ, một thiếu phụ đang cho đứa con mới đẻ bú và tay dắt một em gái lên tám. Bọn lính đòi tiền, rượu và thuốc phiện. Vì không ai hiểu tiếng Pháp nên chúng nổi giận, lấy báng súng đánh chết một cụ già. Còn cụ già kia thì bị hai tên lính, khi đến đã say mèm, đem thiêu sống trong một đồng lửa hàng mấy giờ liền để làm

trò vui với nhau. Trong khi đó thì những tên khác thay phiên nhau hiếp cô thiếu nữ, người mẹ và đứa con gái nhỏ của bà. Xong, chúng vật ngửa cô thiếu nữ ra, trói lại, nhét giẻ vào miệng, rồi một tên cầm lưỡi lê đâm vào bụng cô, chặt ngón tay cô để lấy chiếc nhẫn và cắt đầu cô để lột cái vòng cổ.

Trên đám đất bằng phẳng trước kia là ruộng muối, ba cái xác chết nằm đó: một em bé bị lột trần truồng, một thiếu nữ ruột gan lòi ra, cánh tay trái cứng đờ giờ nắm tay lên chĩa vào ông trời vô tình, một xác cụ già ghê rợn khủng khiếp, thân thể trần truồng, mặt mũi cháy không nhận ra được nữa, mỡ chảy lênh láng đã đông lại, da bụng phồng lên, lác xầy, vàng óng như da lợn quay.

Buổi tối hôm đánh chiếm Chợ Mới (Bắc Kỳ), một sĩ quan của tiểu đoàn châu Phi còn thấy một người tù khoẻ mạnh, không thương tích. Sáng hôm sau, viên sĩ quan ấy đã thấy anh ta bị thiêu chết, mỡ chảy nhầy nhụa, da bụng phồng lên và vàng ánh. Đó là vì một bọn lính đã suốt đêm thui con người tay không ấy, trong khi bọn khác hành hạ một phụ nữ.

... Cũng vẫn người ấy kể lại: Một ngày lễ nọ, một tên lính trong con vui, tự nhiên vô cớ nhảy bổ vào một bà già người An Nam, lấy lưỡi lê đâm bà một nhát chết ngay.

Một tên lính làm vườn nhìn thấy một toán người, nam có, nữ có, đi vào vườn hẩn lúc mười giờ sáng. Đó

là những người trồng rau hiền lành, tò mò muốn xem vườn. Nhưng tên lính đã lấy súng sẵn bắn xả vào họ, làm chết hai thiếu nữ.

Một nhân viên nhà đoan đòi vào nhà một người bán xú, chủ nhà không chịu, hấn bèn đốt nhà, và đánh gãy chân chị vợ chủ nhà giữa lúc chị này bị khói xông mờ mắt, dắt con chạy ra để khỏi chết cháy.

Thói dâm bạo vô độ của bọn xâm lược thật không có giới hạn nào cả. Cái tinh vi của một nền văn minh khát máu cho phép chúng tưởng tượng được đến đâu thì chúng cứ thực hiện tính tàn ác lạnh lùng của chúng đến đó.

Thuế má nặng nề không phải chỉ đánh vào ruộng đất, vào súc vật và vào nam giới mà thôi, mà cái ơn mưa móc (!) ấy còn tưới rộng ra cho cả nữ giới nữa.

Nhiều phụ nữ bán xú khốn khổ, phải mang nặng gông xiềng đi quét đường chỉ vì một tội là không nộp nổi thuế. Trong tất cả những cố gắng của các nhà khai hoá nhằm làm cho nòi giống An Nam lành mạnh hơn và đưa họ lên con đường tiến bộ (?), phải kể đến việc **cưỡng bức mua rượu ty**. Không sao kể xiết tất cả sự nhùng nhằng chung quanh việc bán rượu, một thứ thuốc độc dùng để pha chế thể nào cho người ta nuốt trôi được cái món “dân chủ”.

Trên kia chúng tôi đã nói rõ rằng, để nuôi béo bọn cá mập ở chính quốc, cái chính phủ đầy tội ác ở Đông Dương đã cho phép bọn tôi tớ của nó bắt đàn bà, trẻ con

không uống rượu cũng phải mua rượu. Muốn làm vừa ý bọn độc quyền, người ta đặt ra những luật lệ để trừng trị việc nấu và buôn rượu lậu; người ta đặt lên đầu người dân bản xứ cả một lô đủ thứ hình phạt; người ta cấp vũ khí cho nhân viên nhà đoan. Bọn này có quyền xông xáo vào nhà cửa, ruộng vườn của tư nhân...

Tác giả đoạn văn trên tả đám thân quyền của họ ở công nhà lao như sau: "Ông già, đàn bà, trẻ con, tất cả đám người ấy đều bẩn thỉu, rách rưới, mặt mũi hốc hác, mắt đỏ ngầu lên vì sốt; trẻ con bị lòi theo vì ngắn chân bước không kịp. Tất cả cái đám người đã kiệt sức ấy mang theo đủ mọi thứ: nón, quần áo rách, cơm nắm, đủ thứ thức ăn, để lén trao cho người bị can là cha, là chồng, là trụ cột của gia đình, và hầu như luôn luôn là chủ gia đình."

* * *

Cách mạng tháng Tám thành công, nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa ra đời, một trong những việc Bác quan tâm là sự tiến bộ của chị em phụ nữ. Bác đã đề xuất nên ra tờ báo cho chị em phụ nữ và tờ báo đầu tiên được Bác đặt tên là *Tiếng gọi Phụ nữ*.

Bác đã thường xuyên nghe các chị lãnh đạo Trung ương Hội Liên hiệp Phụ nữ báo cáo về tình hình phong trào. Bác chủ trì các cuộc họp về *Luật Hôn nhân và Gia đình*. Ngày 23 tháng 10 năm 1960, trong bài *Phải thật sự tôn trọng quyền lợi của phụ nữ*. Người viết:

“Phụ nữ chiếm một nửa tổng số nhân dân. Để xây dựng chủ nghĩa xã hội thì phải thật sự giải phóng phụ nữ và tôn trọng quyền lợi của phụ nữ. Hiến pháp và pháp luật của nước ta đã quy định rõ điều đó.

Ví dụ:

Hiến pháp điều 24 nói: Phụ nữ nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa có quyền bình đẳng với nam giới về các mặt sinh hoạt, chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội và gia đình.

Luật Hôn nhân và Gia đình, điều 1 nói: Nhà nước bảo đảm ... nam nữ bình đẳng, bảo vệ quyền lợi của phụ nữ ...

Điều 12 nói: Trong gia đình, vợ chồng đều bình đẳng về mọi mặt.

Điều 3 nói: Cấm ... đánh đập hoặc ngược đãi vợ.

Thế nhưng hiện nay vẫn có những người chồng đối xử rất tệ với vợ, ngay ở Hà Nội “nghìn năm văn vật” cũng vậy. Vài ví dụ:

Ở Lương Yên (Hà Nội) trong 196 gia đình, thì có 26 người chồng thường đánh mắng vợ, có người đánh vợ bị thương. Ở khu Hai Bà Trưng, có người chỉ vì thức ăn không vừa ý, đã hất cả mâm cơm vào mặt vợ. Có người vợ ốm, chồng để mặc, không săn sóc trông nom.

Ở xã Quảng Lưu (Thanh Hóa), có người nhét tro vào miệng vợ và đánh vợ què tay. Có người cạo trọc đầu

và lột hết quần áo vợ, rồi dong vợ đi bêu khắp thôn xóm ... (xem báo Nhân dân, 20/10/1960).

Những cử chỉ tàn nhẫn dã man như vậy vừa là phạm pháp luật Nhà nước, vừa trái với tình nghĩa vợ chồng.

[...]

Luật Hôn nhân và Gia đình đã định rõ: Cấm tảo hôn (điều 3). Con gái từ 18 tuổi trở lên, con trai từ 20 tuổi trở lên mới được kết hôn (điều 6). Khi hai bên vợ chồng tự nguyện li hôn, thì tòa án nhân dân sẽ công nhận việc li hôn ấy (điều 25). Điều 3 cũng nói: Cấm cản trở hôn nhân tự do.

Thế nhưng, ở xã Nghĩa Tân (Nam Định), nhà thờ đã làm phép cưới cho trẻ em mới 14 tuổi và trong một thời gian ngắn đã có 16 đám tảo hôn. Đồng thời, nhà thờ cấm người bên giáo lấy người bên lương, cấm li hôn. Như thế là trái với Hiến pháp và phạm pháp luật một cách nghiêm trọng. Ở xóm Lưu Thắng (xã Quảng Lưu, Thanh Hóa), có em gái mới 4 tuổi mà cha mẹ đã định đến cuối năm nay sẽ cho cưới! Như thế là vừa làm trái pháp luật, vừa hi sinh hạnh phúc của con mình.

[...]

Để thật sự bảo vệ quyền lợi của phụ nữ thì:

- Hội phụ nữ và Đoàn thanh niên phải phụ trách tuyên truyền và giáo dục một cách rộng khắp và bền bỉ cho mỗi gia đình hiểu rõ pháp luật Nhà nước và thẩm

nhuần đạo đức xã hội chủ nghĩa về vấn đề ấy.

- Bà con trong làng xóm và trong hàng phố cần phải có trách nhiệm ngăn ngừa, không để những việc phạm pháp như vậy xảy ra.

- Bản thân chị em phụ nữ phải có chí tự cường, tự lập, phải đấu tranh để bảo vệ quyền lợi của mình.

- Đối với những người đã được giáo dục khuyến răn mà vẫn không sửa đổi, thì chính quyền cần phải thi hành kỉ luật một cách nghiêm chỉnh. Điều 34 trong Luật Hôn nhân và Gia đình đã quy định: “Những hành vi trái với luật này sẽ bị xử lí theo pháp luật.” Nói tóm lại, giáo dục phải đi đôi với kỉ luật.

**Phải thật sự tôn trọng quyền lợi của phụ nữ,
23/10/1960.**

Hồ Chí Minh toàn tập, tập 10, tr.255-257”

* * *

“1. Vấn đề đoàn kết - Phụ nữ ta cần phải đoàn kết chặt chẽ chị em các dân tộc, lao động chân tay và lao động trí óc, phụ nữ miền Bắc và miền Nam. Cần đoàn kết với phụ nữ các nước phe ta và phụ nữ tiến bộ thế giới, để đấu tranh cho mục đích chung là hòa bình thế giới và chủ nghĩa xã hội.

2. Trách nhiệm làm chủ - Mỗi một người và tất cả phụ nữ phải hăng hái nhận lấy trách nhiệm của người

làm chủ đất nước, tức là phải ra sức thi đua tăng gia sản xuất và thực hành tiết kiệm để xây dựng nước nhà, xây dựng chủ nghĩa xã hội.

Muốn làm tròn nhiệm vụ vẻ vang đó, phụ nữ ta phải xóa bỏ tâm lí tự ti và ý lại; phải có ý chí tự cường, tự lập; phải nâng cao lên mãi trình độ chính trị, văn hóa, kĩ thuật ...

3. Về cán bộ lãnh đạo - Cán bộ đã cố gắng còn phải cố gắng hơn nữa, đoàn kết nội bộ chặt chẽ hơn nữa, chịu khó học tập hơn nữa, đi sâu đi sát hơn nữa trong các ngành sản xuất, thông cảm sâu sắc hơn nữa với quần chúng và ra sức giúp đỡ chị em giải quyết những thắc mắc, những khó khăn, phải làm gương mẫu.

**Bài nói chuyện tại Đại hội Phụ nữ toàn quốc
lần thứ 3, 9/3/1961"**

* * *

Sau khi Luật Hôn nhân và Gia đình ra đời được mấy năm, tỉnh Thái Bình, tỉnh có thành tích đạt sản lượng năm tấn lúa trên một hecta, có vinh dự được đón Bác.

Tối ấy ở xã Tân Hòa, huyện Thư Trì, dưới ánh đèn dầu, anh chị em cán bộ tỉnh ngồi quây quần bên Bác. Bác kể chuyện hồi Bác ở Pháp, ở Anh, Bác sang Ấn Độ cho mọi người nghe. Sau đó, các đồng chí thường vụ báo cáo với Bác về sản xuất đời sống, học hành. Bác hỏi chị Lê

Thị Định, lúc đó là Hội trưởng Hội Phụ nữ tỉnh:

- Ở đây, có bao nhiêu phụ nữ tham gia công việc chính quyền?

Chị Lê Thị Định không nhớ rõ con số dành báo cáo chung chung:

- Thưa Bác, có nhiều, hầu hết các xã đều có, có một số chị làm Chủ tịch, và nhiều chị làm Phó Chủ tịch.

Bác lại hỏi:

- Ở đây còn tệ đánh vợ, có đúng không?

Chị đang phân vân, đồng chí Lê Duy Đông, Bí thư Tỉnh ủy đã thưa:

- Thưa Bác vẫn còn ạ.

Giọng Bác nghiêm nghị:

- Đánh vợ là một tệ rất xấu. Chúng ta làm cách mạng đề giành lấy quyền bình đẳng, gái trai ngang quyền với nhau. Lênin đã nói: *"Phụ nữ là một nửa xã hội. Nếu phụ nữ chưa được giải phóng thì xã hội chưa được giải phóng."* Bản thân phụ nữ phải tự mình phấn đấu để giữ gìn quyền bình đẳng với đàn ông. Đàn ông phải quý trọng phụ nữ. Có người còn đánh chửi vợ, đó là một điều đáng xấu hổ. Như thế còn gì là tình nghĩa vợ chồng. Như thế là phạm pháp, là dã man, việc này hiến pháp đã quy định. Đảng phải nghiêm khắc.

Sáng hôm sau, Bác tới đình Phương Cáp. Các cán bộ đã tập trung đón Bác.

Bác nói chuyện với mọi người, đại ý:

- Hiện nay nhiệm vụ quan trọng nhất của toàn Đảng và toàn dân là sản xuất giỏi, chiến đấu giỏi để đánh thắng giặc Mĩ xâm lược. Các chiến sĩ ở mặt trận phải có đủ vũ khí, phải nắm chắc chiến thuật để đánh thắng giặc Mĩ xâm lược. Trên mặt trận sản xuất, cán bộ và xã viên phải nắm vững kĩ thuật canh tác để thâm canh.

Bác nói về cách phân bổ sức lao động sao cho tốt, chú ý đến việc chăm sóc trâu bò. *Con trâu là đầu cơ nghiệp*. Đặc biệt phải chú ý đến sức lao động phụ nữ. Phụ nữ là đội quân lao động rất đông, phải giữ gìn sức khỏe cho phụ nữ để chị em tham gia sản xuất được tốt. Bác nhấn mạnh một điều là phải quý trọng phụ nữ. Bác hỏi:

- Nghe nói ở Thái Bình vẫn còn có một số người còn đánh vợ, có không?

Một anh thưa:

- Thưa Bác cũng có ạ, còn ít thôi ạ.

Bác nói:

- Không ít đâu, các chú phải có gan nhận, chú nào đánh vợ thì dũng cảm giơ tay lên. Bác đã nhận được nhiều lá thư của các chị em phụ nữ bị chồng đánh.

Cả hội trường im lặng, một đồng chí rút rè thưa:

- Thưa Bác, chúng cháu không dám đánh, chỉ kì kèo thôi ạ.

- Kì kèo rồi tiến tới bạt tai.

Bác chỉ vào một chị ngồi gần đó và hỏi:

- Cô có bị đánh lần nào không?

Chị thưa:

- Thưa Bác, chồng cháu cũng là cán bộ nên không đánh vợ ạ.

- Có đúng không? Bác nghe nói rằng đánh vợ công khai sợ bị phê bình cho nên có đánh thì chỉ đánh lén thôi. Còn các cô có khi bị chồng đánh nhưng không dám nói. Đánh vợ là tệ rất xấu. Chi bộ Đảng ta phải giáo dục Đảng viên, nhân dân về quyền bình đẳng giữa vợ và chồng. Đoàn thể phụ nữ và thanh niên phải bảo ban nhau cách cư xử hòa thuận trong gia đình. Bác mong rằng: Từ nay về sau sẽ từ bỏ thói xấu đánh chửi vợ, các cô chú có làm được không?

Tất cả mọi người đáp ran lên:

- Thưa Bác, có ạ, có ạ.

Và mọi người vỗ tay giòn giã.

Chị Hội trưởng Lê Thị Định nghẹn ngào xúc động. Bác quan tâm nhiều đến phụ nữ. Bác thấy rõ phụ nữ là những người bị áp bức nhiều, bị đau khổ nhiều dưới chế độ cũ. Ngày nay, phụ nữ đã được giải phóng thì phải tẩy rửa hết những tàn dư của xã hội phong kiến thực dân vẫn coi thường, khinh rẻ phụ nữ. Chị tự hứa phải ghi nhớ lời Bác và phải cùng chị em phấn đấu thực hiện lời dạy của Bác.

Nhà thơ Cù Huy Cận - Nguyên Chủ nhiệm văn phòng Thủ tướng, sinh thời đã có lần kể:

- Cái Tết năm 1951 ở bản Vèn (Bắc Kạn) rất rét. Chúng tôi ở Phủ Thủ tướng (mật hiệu là Ban kiểm tra 12) chiều 30 Tết chụm lửa ngồi quây quần bên nhau lần lượt thay nhau kể chuyện về quê cho đỡ nhớ nhà. Bỗng nhiên, Bác Hồ đến. Tất cả anh em đứng dậy chào Bác thì Bác bảo ngồi xuống. Bác hỏi: "Các cô, các chú chuẩn bị ăn Tết thế nào? Có bánh chưng, có giò lụa, có pháo không?"

- Dạ, thưa Bác, cũng có cả. Anh Bảy (Phan Mỹ), Chánh Văn phòng Phủ Thủ tướng, cũng đã lo đủ cho anh em ạ.

Có một anh đột ngột đứng dậy xin thưa:

- Thưa Bác. Xin phép Bác cho con hỏi.

- Chú cứ hỏi.

- Thưa Bác, tại sao Bác không lập gia đình ạ?

Tất cả anh em lo quá vì câu hỏi có thể làm Bác buồn. Bác trầm ngâm một phút, rồi Bác nói thông thả, giọng Bác trầm trầm: "Các cô, các chú biết đấy. Hoàn cảnh của Bác bây giờ thì lập gia đình sao được. Gia đình Bác bây giờ là các cô, các chú, là đồng bào."

Anh chị em lặng yên, xúc động. Bác lại nói vui: "Các chú nướng gì trong bếp đó?"

- Thưa Bác, sẵn lụi ạ.

Một anh bới sẵn ra thì sẵn đã cháy. Bác cười bảo:

- Cho Bác một miếng, sẵn cháy càng thơm.

Rồi Bác dặn anh chị em nhớ đi mừng tuổi đồng bào ở bản, đánh còn với bà con, và đi bắt cá trong hồ khe, bắt bằng hai tay. Đó là một cái Tết khó quên đối với chúng tôi.

Nghệ sĩ Nhân dân Chu Thúy Quỳnh may mắn có nhiều lần được gặp Bác. Năm 1956, chị là Phó đoàn Ca múa nhân dân Trung ương đi biểu diễn ở Pháp, Ý và Algeria. Trước khi đi, đoàn đến chào Bác, được Bác căn dặn: “Những năm trước Bác ra đi phải lẩn trốn vì là người mất nước, ngày nay các cháu sang các nước với tư cách của người chiến thắng, của những chiến sĩ, nghệ sĩ một đất nước độc lập tự do. Các cháu phải nói lên bằng văn hóa, văn nghệ của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa. Mong các cháu đi biểu diễn thành công.”

Đoàn mang theo lời dặn dò của Bác đi biểu diễn tại Paris, Marseille, Toulouse, Bordeaux, Rome, Algeria.

Trong mỗi tiết mục biểu diễn của đoàn, khán giả đều đứng dậy vỗ tay, vẫy cờ Việt Nam và hô vang: “Việt Nam - Điện Biên Phủ - Hồ Chí Minh”. Có khán giả lái xe theo đoàn về chỗ ở hô vang: “Việt Nam - Hồ Chí Minh - Điện Biên Phủ - Võ Nguyên Giáp - Hồ Chí Minh”... Thật xúc động, hình ảnh ấy mãi mãi là những ấn tượng sâu sắc, là niềm tự hào đối với mỗi người chúng tôi trong đời nghệ sĩ.

Cũng năm ấy, Chu Thúy Quỳnh có lần được ngồi

đọc báo cho Bác nghe, rồi không hiểu sao, chị lại hỏi Bác:

- Thưa Bác, sao Bác không xây dựng gia đình để có con ạ?

Bác vỗ vai Thúy Quỳnh và đặt tay lên mái đầu chị: "Bác đã có con đây rồi thôi."

Thúy Quỳnh cảm động, nghẹn ngào gật đầu mà trong lòng rung rung muốn khóc.

Tôi nghĩ những năm hai mươi, giữa Paris, thủ đô của cường quốc thực dân Pháp, kẻ thù của Việt Nam, Bác của chúng ta ngang nhiên đòi quyền tự do cho dân tộc Việt Nam. Khi tiếng nói của Bác đã có ảnh hưởng trong nhân dân Pháp, trong Việt kiều, kẻ thù đã sẵn đuôi truy lùng Bác, chờ dịp là hại Bác. Bác không thể lập gia đình là điều dễ hiểu.

Nhưng sau ba mươi năm đấu tranh giành độc lập cho dân tộc, cả khi mệt nặng, Bác vẫn dặn dò các đồng chí của mình: "Thời cơ đã đến, dù có phải đốt cháy dải Trường Sơn cũng phải giành cho được độc lập." Cách mạng tháng Tám thành công. Nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa ra đời. Những năm ấy, đường đường là một vị Chủ tịch nước, cùng làm việc với các đồng chí thân yêu học trò của mình, bên cạnh là đội bảo vệ trung dũng, Bác cũng không hề nghĩ đến hạnh phúc riêng để toàn tâm toàn ý lo cho dân cho nước. Bác dành trọn cuộc đời cho dân, tự một mình đón giao thừa hằng năm. Chẳng hề có một ngày chủ nhật nào ngơi nghỉ.

*Ôi, phải chi lòng được thành thoi
Năm canh bớt nặng nỗi thương đời
Bác ơi, tim Bác mệnh mỏng thế
Ôm cả non sông, mọi kiếp người.*

*... Bác sống như trời đất của ta
Yêu từng ngọn lúa, mỗi nhành hoa
Tự do cho mỗi đời nô lệ
Sữa để em thơ, lụa tặng già ...*

Tố Hữu

Có lần, đêm đã khuya, đài vẫn nói, đồng chí bảo về vào tắt đài để Bác nghỉ, Bác ngăn lại:

- Cứ để đó cho có tiếng người.

Có người coi Bác như “ông tiên”, như một “vị thánh”... Nhưng trên hết Bác vẫn là bạn của “Người cùng khổ”. Vì như Bác từng nói:

“Tôi chỉ có một ham muốn, ham muốn tột bậc, là làm sao cho nước ta được hoàn toàn độc lập, dân ta được hoàn toàn tự do, đồng bào ta ai cũng có cơm ăn áo mặc, ai cũng được học hành. Một ngày mà Tổ quốc chưa thống nhất, đồng bào còn chịu khổ, là một ngày tôi ăn không ngon, ngủ không yên. Nỗi đau của mỗi người cộng lại là nỗi đau của tôi.”

Tôi được nghe kể lại vào đêm ba mươi Tết năm 1960, Bác nói với anh văn phòng Chủ tịch:

“Giờ Bác muốn đi thăm một gia đình nghèo nhất ở



Đại biểu phụ nữ các dân tộc tỉnh Hà Giang về thăm Hà Nội vui mừng được gặp Chủ tịch Hồ Chí Minh (25/11/1965)

Hà Nội, nhưng không nên báo trước, báo trước người ta sẽ chuẩn bị.”

Các đồng chí văn phòng Phủ Chủ tịch nói với các lãnh đạo thành phố Hà Nội. Hà Nội tuân lệnh.

Đêm ba mươi ấy, Bác cùng một chiến sĩ bảo vệ đến thăm một gia đình nghèo nhất Thủ đô. Đến nơi vào nhà thấy trên bàn thờ chỉ sơ sài một nải chuối xanh be bé, một cái bánh chưng. Vào nhà một lát, chủ nhà mới về, trên vai quấy đôi thùng nước. Nhận ra Bác Hồ, chị chủ nhà lính quýnh mà rung rung nước mắt, chào líu ríu:

- Bác... Bác Hồ. Sao Bác lại đến nhà cháu ạ? Đêm ba mươi thế này, nhà cháu chả có gì...

Bác bình tĩnh bảo chủ nhà ngồi xuống. Bác nói thông thả:

- Bác không đến thăm gia đình cháu thì thăm ai.

Nói chuyện với chủ nhà một lúc, Bác ra về. Bác truyền tới địa phương yêu cầu của Bác: Phải lo một cái Tết đầy đủ cho gia đình nọ và những gia đình tương tự như vậy để đồng bào ai cũng có Tết.

Tháng 7 năm 1947, một nhà báo nước ngoài, phóng viên hãng Reuter (Anh), đã viết một bức thư dài xin phỏng vấn Bác.

Bác đã trả lời ông ta về việc riêng, trong đó có đoạn:

“Ngài đã hỏi, tôi xin dẹp sự khiêm tốn lại một bên mà đáp một cách thực thà. Tôi không nhà cửa, không vợ, không con, nước Việt Nam là đại gia đình của tôi. Phụ lão Việt Nam là thân thích của tôi. Phụ nữ Việt Nam là chị em của tôi. Tôi chỉ một điều ham muốn là làm cho Tổ quốc tôi được độc lập, thống nhất, dân chủ.

Bao giờ đạt được mục đích đó tôi sẽ trở về làm một người công dân du sơn ngoạn thủy, đọc sách, làm vườn ...”

16/7/1947

(Hồ Chí Minh toàn tập, tập 5, trang 171)

Nguyễn vọng của Bác chưa đạt được, Bác đã đi xa.

Cả cuộc đời Bác là cuộc đời vì dân vì nước. Năm 1954, khi Bác 64 tuổi, Bác đã chứng kiến thực dân Pháp thua trận Điện Biên Phủ, đầu hàng, làm lễ cuốn cờ rút về nước. Bác nói với đồng chí Đại tướng Võ Nguyên Giáp: “Thắng lợi này mới chỉ là bước đầu.”

Năm 1965, khi Bác 75 tuổi, Bác vừa viết di chúc vừa lãnh đạo toàn Đảng, toàn dân, toàn quân chống đế quốc Mĩ xâm lược. Bác nói:

“Chiến tranh có thể kéo dài 5 năm, 10 năm, 20 năm hoặc lâu hơn nữa. Hà Nội, Hải Phòng và một số thành phố khác có thể bị tàn phá. Song nhân dân Việt Nam quyết không sợ. Không có gì quý hơn độc lập, tự do. Đến ngày thắng lợi, nhân dân ta sẽ xây dựng đất nước ta đàng hoàng hơn, to đẹp hơn.”



Suốt từ năm 1911 đến 1969, 58 năm bằng 696 tháng, Bác đã làm việc không ngưng nghỉ, luôn phải đối mặt với các khó khăn thách thức khôn lường. Sau năm tháng làm việc không mệt mỏi ấy, trái tim tràn đầy yêu thương của Bác đã ngừng đập vào ngày mừng 2 tháng 9 năm 1969, để lại muôn vàn tình thương tiếc cho hàng chục triệu nhân dân Việt Nam.

Có một học giả đã nói: *“Việt Nam là tác phẩm của Hồ Chí Minh. Bác đã để lại cho Việt Nam một thời đại*



Người tặng hoa cho ba nữ dân quân Quảng Bình, Vĩnh Linh (24/9/1968)

*vinh quang nhất trong suốt 4.000 năm lịch sử, thời đại
Hồ Chí Minh."*

Bác sống mãi với non sông Việt Nam.

Hà Nội, tháng 9 năm 2010

Ngày 1 tháng 1 năm 2012

SÁCH THAM KHẢO

- Nhiều tác giả (2008), *Bác Hồ với sự tiến bộ của phụ nữ*, Nhà xuất bản Phụ nữ
- Hồ Chí Minh (1990), *Nhật kí trong tù (Carnet de prison)*, Nhà xuất bản Văn học
- Nguyễn Ái Quốc (1960), *Bản án chế độ thực dân Pháp*, Nhà xuất bản Sự thật
- Trần Dân Tiên (1955), *Những mẩu chuyện về đời hoạt động của Hồ Chủ Tịch*, Nhà xuất bản Văn nghệ.
- Sơn Tùng (1984), *Búp sen xanh*, Nhà xuất bản Kim Đồng.

M Ụ C L Ụ C

CHƯƠNG 1:

Được gặp Bác Hồ trên chiến khu Việt Bắc	5
---	---

CHƯƠNG 2

Bác Hồ trên đường cứu nước	68
----------------------------	----

CHƯƠNG 3

Ngày Bác Hồ trở về Tổ quốc	92
----------------------------	----

CHƯƠNG 4

Bác Hồ với phong trào phụ nữ	134
------------------------------	-----

BÁC CỦA CHÚNG TA

NHÀ XUẤT BẢN KIM ĐỒNG

55 Quang Trung, Q. Hai Bà Trưng, Hà Nội - ĐT: (04) 3 943 4730 - 3 942 8632 - Fax: (04) 3 822 9085

Website: www.nxbkimdong.com.vn - Email: kimdong@hn.vnn.vn

CHI NHÁNH NXB KIM ĐỒNG TẠI MIỀN TRUNG

102 Ông Ich Khiêm, TP. Đà Nẵng. ĐT: (0511) 3 812 335 - Fax: (0511) 3 812 334

Email: cnkimdongmt@nxbkimdong.com.vn

CHI NHÁNH NXB KIM ĐỒNG TẠI TP. HỒ CHÍ MINH

276 Nguyễn Đình Chiểu, Q.3, TP. Hồ Chí Minh.

ĐT: (08) 3 930 3447 - Fax: (08) 3 930 5867

Email: cnkimdong@nxbkimdong.com.vn

Chịu trách nhiệm xuất bản - Giám đốc : PHAM QUANG VINH

Chịu trách nhiệm bản thảo - Phó Giám đốc : VŨ THỊ QUỲNH LIÊN

Biên tập : NGUYỄN THỦY LOAN - LƯƠNG VIỆT THANH TÙNG

Trình bày : NGUYỄN KIM ĐIẾP

Chế bản : TRẦN THỊ HANH

Sửa bài : HƯƠNG LAN

In và gia công 3.000 bản - Khổ 13 cm x 19 cm - Tại Công ty CP In và Thương mại Quốc Duy

Địa chỉ : Trụ cầu N25, đường Tân Xuân, phường Đồng Ngạc, Bắc Từ Liêm, Hà Nội

Số xác nhận đăng kí xuất bản : 16-2015/CXBIPH/4-220/KĐ cấp ngày 31/12/2014

Quyết định xuất bản số : 539/QĐKĐ kí ngày 24/11/2015

In xong và nộp lưu chiểu tháng 12/2015.

BÁC CỦA CHÚNG TA

BÍCH THUẬN

CÙNG MỘT TÁC GIẢ

- Lòng mẹ (1950)
- Chị chủ tịch huyện (1969)
- Mùa dưa hấu (1971)
- Từ một mái nhà (1971)
- Nữ chiến sĩ rừng dừa (1985)
- Thiếu nữ mùa thu (1986)
- Sống giữa tình thương (1986)
- Những căn nhà mùa thu (1989)
- Đất sóng gió (1993)
- Đồng khởi (1994)
- Giấc mơ thời thiếu nữ (1999)

Hình ảnh giản dị, đầy tình thương yêu của Bác Hồ được nhà văn Bích Thuận tái hiện qua kí ức và tư liệu lịch sử.

Cuộc sống những năm tháng Người bôn ba tìm đường cứu nước. Thoát khỏi nanh vuốt của kẻ thù tại Hồng Kông. Những ngày bị giam cầm trong nhà tù của Tưởng Giới Thạch. Và trở về Việt Nam, gây dựng phong trào cách mạng rộng khắp. Những ngày đầu tiên của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa với biết bao khó khăn, hiểm nguy...

"Bác của chúng ta" - những câu chuyện kể về Chủ tịch Hồ Chí Minh kính yêu luôn luôn là bài học giàu ý nghĩa với bạn đọc trẻ tuổi hôm nay...



5151103370001

Giá: 30.000đ

www.nxbkimdong.com.vn
www.facebook.com/nxbkimdong



8 935244 803082

ISBN 978-604-2-01595-0

